

TÀI LIỆU HỎI - ĐÁP
VỀ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV
VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021-2026

LỜI GIỚI THIỆU

Bầu cử và ứng cử vào các cơ quan đại diện của Nhân dân là các quyền cơ bản của công dân. Qua đó, người dân có thể tham gia vào quá trình quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương và trong phạm vi cả nước.

Quyền bầu cử và ứng cử đã được Hiến pháp qua các thời kỳ ghi nhận. Hiến pháp năm 2013, Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (được sửa đổi bổ sung năm 2020), Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019), Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 đã có những nội dung đổi mới quan trọng, tiếp tục đề cao và phát huy quyền của Nhân dân trong bầu cử, ứng cử để lập ra cơ quan đại diện, cơ quan quyền lực nhà nước ở trung ương và địa phương là Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp.

Thông qua việc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, Nhân dân ta sẽ lựa chọn những đại biểu xứng đáng vào Quốc hội hoặc Hội đồng nhân dân để thực thi quyền làm chủ của mình. Vì vậy, việc lựa chọn những người bảo đảm tiêu chuẩn, xứng đáng đại diện cho Nhân dân tham gia vào các cơ quan quyền lực nhà nước là yêu cầu quan trọng và có ý nghĩa chính trị to lớn.

Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 đã được ấn định là **Chủ nhật, ngày 23 tháng 5 năm 2021**. Để phục vụ các tổ chức phụ trách bầu cử, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cử tri nghiên cứu, tìm hiểu và thực hiện những nội dung của pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, Hội đồng bầu cử quốc gia tổ chức biên soạn cuốn sách ***“Hỏi - Đáp về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026”***. Cuốn sách gồm các nội dung cơ bản sau đây:

Phần thứ nhất: Những vấn đề chung.

Phần thứ hai: Các tổ chức phụ trách bầu cử.

Phần thứ ba: Cử tri và danh sách cử tri.

Phần thứ tư: Việc ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Phần thứ năm: Tổ chức hiệp thương, giới thiệu người ứng cử

Phần thứ sáu: Tuyên truyền, vận động bầu cử.

Phần thứ bảy: Ngày bầu cử, nguyên tắc, trình tự bỏ phiếu, kiểm phiếu và xác định kết quả bầu cử.

Trong sách có tổng cộng 207 câu hỏi và nội dung trả lời được biên soạn dựa trên cơ sở quy định của Hiến pháp, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, các chỉ thị, hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia và các cơ quan khác có thẩm quyền. Đặc biệt, một số vấn đề vướng mắc trong quá trình tổ chức bầu cử, được nhiều cơ quan, tổ chức và địa phương quan tâm đã được Hội đồng bầu cử quốc gia hướng dẫn, giải đáp từ cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 cũng đã được tập hợp, biên tập, bổ sung vào cuốn sách này để các cơ quan, tổ chức và cử tri tiện tham khảo, tra cứu, sử dụng trong cuộc bầu cử lần này.

Trong quá trình biên soạn cuốn sách, khó tránh khỏi những thiếu sót hoặc chưa đề cập hết các vấn đề được xã hội quan tâm. Chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu.

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA

PHẦN THỨ NHẤT NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Câu 1. Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 có ý nghĩa chính trị như thế nào?

Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân là một trong những quyền chính trị cơ bản của công dân đã được Hiến pháp ghi nhận. Bầu cử là phương thức thể hiện ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói chung và thành lập cơ quan quyền lực nhà nước ở trung ương và địa phương nói riêng.

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được tổ chức cùng một ngày trên phạm vi cả nước, trong bối cảnh công cuộc đổi mới ở nước ta sau 35 năm đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên mọi lĩnh vực đời sống, xã hội, nhưng cũng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là tác động, ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19. Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 là sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, diễn ra sau thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, gắn liền với công tác cán bộ, liên quan đến trách nhiệm của các cấp, các ngành; là nơi để cử tri phát huy quyền làm chủ của công dân, lựa chọn bầu ra những người tiêu biểu, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của mình trong Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ mới, góp phần tích cực vào việc xây dựng, củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 2. Quốc hội Việt Nam có vị trí, vai trò như thế nào trong bộ máy nhà nước ta? Tại sao nói Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân?

Trong bộ máy nhà nước ta, Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất bởi vì theo quy định của Hiến pháp, ở nước ta, tất cả quyền lực thuộc về Nhân dân. Nhân dân là chủ thể của quyền lực nhà nước. Quốc hội do Nhân dân bầu ra, là cơ quan nhà nước cao nhất thực hiện quyền lực của Nhân dân. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất còn thể hiện ở chức năng của Quốc hội. Theo quy định của Hiến pháp, Quốc hội là cơ quan thực hiện quyền làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp, làm luật và sửa đổi luật. Bằng việc làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp, Quốc hội quy định các vấn đề cơ bản nhất, quan trọng nhất về hình thức và bản chất của Nhà nước;

ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; quy định các nội dung cơ bản về chế độ kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường, bảo vệ Tổ quốc và về tổ chức bộ máy nhà nước. Bằng việc làm luật và sửa đổi luật, Quốc hội điều chỉnh các quan hệ xã hội trong từng lĩnh vực của đời sống xã hội. Bên cạnh đó, Quốc hội là cơ quan có quyền quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, đó là những chủ trương lớn, những vấn đề quốc kế dân sinh, những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước. Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Không một cơ quan nào đứng trên Quốc hội trong xem xét, đánh giá việc thi hành Hiến pháp, luật - những văn bản mà chỉ Quốc hội mới có quyền ban hành. Các cơ quan do Quốc hội thành lập và người giữ các chức vụ do Quốc hội bầu, phê chuẩn phải chịu trách nhiệm, báo cáo công tác trước Quốc hội và chịu sự giám sát của Quốc hội.

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân được thể hiện ở các mặt sau đây:

- Trước hết về cách thức thành lập, Quốc hội là cơ quan do cử tri cả nước bầu ra theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Quốc hội đại diện cho ý chí và nguyện vọng của Nhân dân cả nước, được Nhân dân tin tưởng uỷ thác quyền lực nhà nước, thay mặt Nhân dân quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước và chịu trách nhiệm trước Nhân dân cả nước.

- Về cơ cấu tổ chức, đại biểu Quốc hội là yếu tố cơ bản và quan trọng nhất cấu thành Quốc hội. Đại biểu Quốc hội là những công dân ưu tú trong mọi lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và xã hội, đại diện cho các tầng lớp Nhân dân và các dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam. Quốc hội là hình ảnh của khối đại đoàn kết toàn dân, là biểu trưng sức mạnh trí tuệ của cả dân tộc Việt Nam.

- Chức năng và nhiệm vụ của Quốc hội được quy định toàn diện trên các lĩnh vực: lập hiến, lập pháp, giám sát tối cao và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, nhằm phục vụ cho lợi ích chung của toàn thể Nhân dân. Có thể nói, 75 năm hình thành và phát triển của Quốc hội Việt Nam là 75 năm Quốc hội tận tâm công hiến vì lợi ích quốc gia và dân tộc, nói lên tiếng nói của Nhân dân, hành động theo ý chí và nguyện vọng của Nhân dân.

Câu 3. Quốc hội có những chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn gì?

Theo quy định của Hiến pháp và Luật Tổ chức Quốc hội thì Quốc hội nước ta có 3 chức năng chính là: thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp; quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước. Theo quy định tại Điều 70 của Hiến pháp năm 2013, Quốc hội có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp; làm luật và sửa đổi luật.
2. Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; xét báo cáo công tác của Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ

Quốc hội, Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập.

3. Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

4. Quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ; quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.

5. Quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước.

6. Quy định tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước, chính quyền địa phương và cơ quan khác do Quốc hội thành lập.

7. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan khác do Quốc hội thành lập; phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; phê chuẩn danh sách thành viên Hội đồng Quốc phòng và An ninh, Hội đồng bầu cử quốc gia.

8. Bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn.

9. Quyết định thành lập, bãi bỏ Bộ, cơ quan ngang Bộ của Chính phủ; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; thành lập, bãi bỏ cơ quan khác theo quy định của Hiến pháp và luật.

10. Bãi bỏ văn bản của Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội.

11. Quyết định đại xá.

12. Quy định hàm, cấp trong lực lượng vũ trang nhân dân, hàm, cấp ngoại giao và những hàm, cấp nhà nước khác; quy định huân chương, huy chương và danh hiệu vinh dự nhà nước.

13. Quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình; quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia.

14. Quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại; phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng, điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội.

15. Quyết định trưng cầu ý dân.

Câu 4. Nhiệm kỳ của Quốc hội được quy định như thế nào?

Nhiệm kỳ của mỗi khóa Quốc hội là 05 năm kể từ ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa đó đến ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa sau. Sáu mươi ngày trước khi Quốc hội hết nhiệm kỳ, Quốc hội khóa mới phải được bầu xong. Trong trường hợp đặc biệt, nếu được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành thì Quốc hội quyết định rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của mình theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Việc kéo dài nhiệm kỳ của một khóa Quốc hội không được quá 12 tháng, trừ trường hợp có chiến tranh.

Câu 5. Nguyên tắc và hiệu quả hoạt động của Quốc hội nước ta như thế nào?

Quốc hội làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.

Hiệu quả hoạt động của Quốc hội được bảo đảm bằng hiệu quả của các kỳ họp của Quốc hội, hoạt động của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội và hiệu quả của sự phối hợp hoạt động với Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan, tổ chức khác.

Câu 6. Vị trí, vai trò của đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?

Đại biểu Quốc hội là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước; là người thay mặt Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước trong Quốc hội. Đại biểu Quốc hội chịu trách nhiệm trước cử tri và trước Quốc hội về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình. Đại biểu Quốc hội bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội.

Câu 7. Đại biểu Quốc hội có những quyền cơ bản nào?

Đại biểu Quốc hội có quyền trình dự án luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh trước Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo trình tự và thủ tục

do pháp luật quy định. Đại biểu Quốc hội được tư vấn, hỗ trợ trong việc lập, hoàn thiện hồ sơ về dự án luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh theo quy định của pháp luật.

Đại biểu Quốc hội có quyền tham gia làm thành viên của Hội đồng Dân tộc hoặc Ủy ban của Quốc hội. Đại biểu Quốc hội không phải là thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có quyền đăng ký tham dự phiên họp do Hội đồng, Ủy ban tổ chức để thảo luận về những nội dung mà đại biểu quan tâm.

Đại biểu Quốc hội có quyền ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử vào các chức danh do Quốc hội bầu.

Đại biểu Quốc hội có quyền chất vấn Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước.

Đại biểu Quốc hội có quyền kiến nghị Quốc hội làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp, trưng cầu ý dân, thành lập Ủy ban lâm thời của Quốc hội, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn, tổ chức phiên họp bất thường, phiên họp kín của Quốc hội và kiến nghị về những vấn đề khác mà đại biểu Quốc hội thấy cần thiết.

Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đại biểu Quốc hội có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật.

Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu, đại biểu Quốc hội có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

Đại biểu Quốc hội có quyền tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân các cấp nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu, có quyền tham gia ý kiến vào các vấn đề quản lý nhà nước, vấn đề liên quan đến đời sống của Nhân dân và các vấn đề khác mà đại biểu quan tâm.

Câu 8. Trách nhiệm của đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?

Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm tham gia đầy đủ các kỳ họp, phiên họp toàn thể của Quốc hội; tham gia các hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội; của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội mà mình là thành viên; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội; các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội mà mình là thành viên.

Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, thường xuyên tiếp xúc với cử tri, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của

cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, kiến nghị của cử tri với Quốc hội, các cơ quan, tổ chức hữu quan; phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật.

Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định của pháp luật.

Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách có trách nhiệm tham gia hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách và các hội nghị khác do Ủy ban Thường vụ Quốc hội triệu tập.

Câu 9. Quyền miễn trừ đối với đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?

Đại biểu Quốc hội có quyền miễn trừ khi làm nhiệm vụ. Không được bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Quốc hội, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Quốc hội nếu không có sự đồng ý của Quốc hội hoặc trong thời gian Quốc hội không họp, không có sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Việc đề nghị bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Quốc hội thuộc thẩm quyền của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Trường hợp đại biểu Quốc hội bị tạm giữ vì phạm tội quả tang thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo để Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

Đại biểu Quốc hội không thể bị cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đại biểu công tác bãi nhiệm, cách chức, buộc thôi việc, sa thải nếu không được Ủy ban Thường vụ Quốc hội đồng ý.

Câu 10. Cơ cấu tổ chức của Quốc hội được quy định như thế nào?

Theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, tổng số đại biểu Quốc hội không quá 500 người, bao gồm đại biểu hoạt động chuyên trách và đại biểu hoạt động không chuyên trách. Số lượng đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ít nhất là 40% tổng số đại biểu Quốc hội.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội là cơ quan thường trực của Quốc hội. Ủy ban Thường vụ Quốc hội gồm Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội và các Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Chủ tịch Quốc hội làm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Quốc hội làm Phó Chủ tịch. Thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách và không đồng thời là thành viên Chính phủ.

Quốc hội thành lập các cơ quan chuyên môn gồm:

- (1) Hội đồng Dân tộc.
- (2) Ủy ban Pháp luật.
- (3) Ủy ban Tư pháp.

- (4) Ủy ban Kinh tế.
- (5) Ủy ban Tài chính, Ngân sách.
- (6) Ủy ban Quốc phòng và An ninh.
- (7) Ủy ban Văn hoá, Giáo dục.
- (8) Ủy ban Xã hội.
- (9) Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường.
- (10) Ủy ban Đối ngoại.

Đây là các cơ quan của Quốc hội, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội; trong thời gian Quốc hội không họp thì báo cáo công tác trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hội đồng Dân tộc nghiên cứu và kiến nghị với Quốc hội về công tác dân tộc; thực hiện quyền giám sát việc thi hành chính sách dân tộc, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội thẩm tra dự án luật, kiến nghị về luật, dự án khác và báo cáo được Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao; thực hiện quyền giám sát trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn do luật định; kiến nghị những vấn đề thuộc phạm vi hoạt động của Hội đồng, Ủy ban.

Ngoài ra, Quốc hội có thể thành lập Ủy ban lâm thời để thẩm tra dự án luật, dự thảo nghị quyết hoặc báo cáo, dự án khác do Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Quốc hội hoặc có nội dung liên quan đến lĩnh vực phụ trách của Hội đồng Dân tộc và nhiều Ủy ban của Quốc hội; điều tra làm rõ về một vấn đề cụ thể khi xét thấy cần thiết.

Đoàn đại biểu Quốc hội là tổ chức của các đại biểu Quốc hội được bầu tại một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc được chuyển đến công tác tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Đoàn đại biểu Quốc hội có nhiệm vụ tổ chức để các đại biểu Quốc hội tiếp công dân; tổ chức để các đại biểu Quốc hội thảo luận về dự án luật, pháp lệnh và các dự án khác, dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tổ chức hoạt động giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội và tổ chức để các đại biểu Quốc hội trong Đoàn thực hiện nhiệm vụ giám sát tại địa phương.

Bộ máy giúp việc của Quốc hội gồm Tổng Thư ký Quốc hội do Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm; Văn phòng Quốc hội và các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội gồm Ban Công tác đại biểu, Ban Dân nguyện, Viện Nghiên cứu lập pháp.

Câu 11. Hội đồng nhân dân giữ vị trí, vai trò như thế nào ở địa phương?

Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do Nhân dân địa

phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

Câu 12. Nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân các cấp được quy định như thế nào?

Nhiệm kỳ của mỗi khóa Hội đồng nhân dân là 05 năm kể từ kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa đó đến kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa sau. Chậm nhất là 45 ngày trước khi Hội đồng nhân dân hết nhiệm kỳ, Hội đồng nhân dân khóa mới phải được bầu xong. Việc rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân do Quốc hội quyết định theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Câu 13. Vị trí, vai trò của đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?

Đại biểu Hội đồng nhân dân là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân địa phương; liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, thực hiện chế độ tiếp xúc, báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng nhân dân, trả lời những yêu cầu, kiến nghị của cử tri; xem xét, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Đại biểu Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, động viên Nhân dân tham gia quản lý nhà nước. Đại biểu Hội đồng nhân dân bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

Câu 14. Đại biểu Hội đồng nhân dân có những quyền gì?

Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền kiến nghị Hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu; kiến nghị tổ chức phiên họp chuyên đề, phiên họp để giải quyết các công việc phát sinh đột xuất, phiên họp kín của Hội đồng nhân dân và kiến nghị về những vấn đề khác mà đại biểu thấy cần thiết.

Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền kiến nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng biện pháp cần thiết để thực hiện Hiến pháp, pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật.

Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

Câu 15. Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?

Đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân. Đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự kỳ họp, phiên họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do thì Thường trực Hội đồng nhân dân phải báo cáo Hội đồng nhân dân để bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân đó.

Đại biểu Hội đồng nhân dân phải liên hệ chặt chẽ với cử tri nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu, chịu sự giám sát của cử tri, có trách nhiệm thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; thực hiện chế độ tiếp xúc cử tri và ít nhất mỗi năm một lần báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng nhân dân nơi mình là đại biểu, trả lời những yêu cầu và kiến nghị của cử tri.

Sau mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm báo cáo với cử tri về kết quả của kỳ họp, phổ biến và giải thích các nghị quyết của Hội đồng nhân dân, vận động và cùng với Nhân dân thực hiện các nghị quyết đó.

Đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tiếp công dân theo quy định của pháp luật. Khi nhận được khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm nghiên cứu, kịp thời chuyển đến người có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị biết; đôn đốc, theo dõi và giám sát việc giải quyết. Người có thẩm quyền giải quyết phải thông báo cho đại biểu Hội đồng nhân dân về kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân trong thời hạn do pháp luật quy định. Trong trường hợp xét thấy việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đúng pháp luật, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền gặp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan để tìm hiểu, yêu cầu xem xét lại; khi cần thiết, đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó giải quyết.

Câu 16. Quyền miễn trừ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân được quy

định như thế nào?

Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền miễn trừ khi làm nhiệm vụ. Không được bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Hội đồng nhân dân, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân nếu không có sự đồng ý của Hội đồng nhân dân hoặc trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp, không có sự đồng ý của Thường trực Hội đồng nhân dân. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị tạm giữ vì phạm tội quả tang thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo để Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

Câu 17. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?

Hội đồng nhân dân có cơ quan thường trực là Thường trực Hội đồng nhân dân, thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định khác của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân. Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân không thể đồng thời là thành viên của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Ban của Hội đồng nhân dân là cơ quan của Hội đồng nhân dân, có nhiệm vụ thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình Hội đồng nhân dân, giám sát, kiến nghị về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân.

Ngoài ra, ở Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, các đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ở một hoặc nhiều đơn vị bầu cử hợp thành Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện có cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động theo quy định của pháp luật.

Câu 18. Tổ chức của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026 có điểm gì mới?

Căn cứ quy định của Luật số 47/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 22 ngày 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì tổ chức của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026 có sự thay đổi so với nhiệm kỳ 2016-2021 về số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân, số lượng cấp phó và cơ cấu của Thường trực Hội đồng nhân dân. Cụ thể như sau:

- Về số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân, Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định tỉnh miền núi, vùng cao có từ 500.000 dân trở xuống được bầu 50 đại biểu; có trên 500.000 dân thì cứ thêm 50.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 75 đại biểu (giảm 10 đại biểu); tỉnh không thuộc trường hợp nêu trên có từ 01 triệu dân trở xuống được bầu 50 đại biểu; có trên 01 triệu dân thì cứ thêm 70.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số

không quá 85 đại biểu (giảm 10 đại biểu). Thành phố trực thuộc trung ương có từ 01 triệu dân trở xuống được bầu 50 đại biểu; có trên 01 triệu dân thì cứ thêm 60.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 85 đại biểu (giảm 10 đại biểu). Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh được bầu 95 đại biểu (giảm 10 đại biểu).

- *Về cơ cấu Thường trực Hội đồng nhân dân:* Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Như vậy, trong cơ cấu của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh không có chức danh Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân.

- *Về số lượng cấp phó:* Trường hợp Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách thì có 01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; trường hợp Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách thì có 02 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

Câu 19. Tổ chức của Hội đồng nhân dân cấp huyện nhiệm kỳ 2021-2026 có điểm gì mới?

Căn cứ quy định của Luật số 47/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì tổ chức của Hội đồng nhân dân cấp huyện nhiệm kỳ 2021-2026 có sự thay đổi so với nhiệm kỳ 2016-2021 theo hướng giảm số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu và giảm 01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Cụ thể như sau:

- Huyện miền núi, vùng cao, hải đảo có từ 40.000 dân trở xuống được bầu 30 đại biểu; có trên 40.000 dân thì cứ thêm 7.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 35 đại biểu (giảm 05 đại biểu).

- Huyện không thuộc trường hợp nêu trên, thị xã có từ 80.000 dân trở xuống được bầu 30 đại biểu; có trên 80.000 dân thì cứ thêm 15.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 35 đại biểu (giảm 05 đại biểu).

- Quận, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương có từ 100.000 dân trở xuống được bầu 30 đại biểu; có trên 100.000 dân thì cứ thêm 15.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 35 đại biểu (giảm 05 đại biểu).

- Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương có từ 30 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc trở lên do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, nhưng tổng số không quá 40 đại biểu (giảm 05 đại biểu).

Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện. Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

Câu 20. Tổ chức của Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2021 – 2026 có điểm gì mới?

Căn cứ quy định của Luật số 47/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì tổ chức của Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2021-2026 cũng có sự thay đổi so với nhiệm kỳ 2016-2021 về số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu và cơ cấu Thường trực Hội đồng nhân dân. Cụ thể như sau:

- Xã, thị trấn miền núi, vùng cao và hải đảo có từ 2.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu (đối với xã, thị trấn miền núi, vùng cao và hải đảo có từ 1.000 dân đến 2.000 dân giảm 05 đại biểu).

- Xã, thị trấn miền núi, vùng cao và hải đảo có trên 2.000 dân đến dưới 3.000 dân được bầu 19 đại biểu (giảm 06 đại biểu).

- Xã, thị trấn miền núi, vùng cao và hải đảo có từ 3.000 dân đến 4.000 dân được bầu 21 đại biểu; có trên 4.000 dân thì cứ thêm 1.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu (giảm 05 đại biểu).

- Xã, thị trấn không thuộc trường hợp nêu trên có từ 5.000 dân trở xuống được bầu 25 đại biểu; có trên 5.000 dân thì cứ thêm 2.500 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu (giảm 05 đại biểu).

- Phường có từ 10.000 dân trở xuống được bầu 21 đại biểu (giảm 04 đại biểu).

- Phường có trên 10.000 dân thì cứ thêm 5.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu (giảm 05 đại biểu).

Về cơ cấu Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã, Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và có thêm các Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân cấp xã. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

Câu 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quy định như thế nào?

Điều 19 và Điều 40 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương đã quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương trong việc tổ chức và bảo đảm việc thi hành

Hiến pháp và pháp luật; quyết định các vấn đề của địa phương trên các lĩnh vực: xây dựng chính quyền, kinh tế, tài nguyên, môi trường, y tế, lao động và thực hiện chính sách xã hội, công tác dân tộc, tôn giáo và quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Đồng thời, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh còn thực hiện nhiệm vụ giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương, việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cùng cấp và văn bản của Hội đồng nhân dân cấp huyện; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn nêu trên, Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương còn quyết định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thành phố trực thuộc trung ương, bao gồm cả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các quận, phường trực thuộc; quyết định quy hoạch về xây dựng và phát triển đô thị trong phạm vi được phân quyền; quyết định các biện pháp phát huy vai trò trung tâm kinh tế - xã hội của đô thị lớn trong mối liên hệ với các địa phương trong vùng, khu vực và cả nước theo quy định của pháp luật; quyết định các biện pháp quản lý dân cư ở thành phố và tổ chức đời sống dân cư đô thị; điều chỉnh dân cư theo quy hoạch, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân.

Câu 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp huyện được quy định như thế nào?

Theo quy định tại Điều 26 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, **Hội đồng nhân dân huyện** có nhiệm vụ tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật ở địa phương; quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương trên các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, xây dựng chính quyền, kinh tế, tài nguyên, môi trường, giáo dục, văn hóa - xã hội. Hội đồng nhân dân huyện thực hiện giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương, việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cùng cấp và văn bản của Hội đồng nhân dân cấp xã; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài nhiệm vụ, quyền hạn nêu trên, **Hội đồng nhân dân thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương** theo quy định tại Điều 54 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương còn có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Quyết định quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị trên cơ sở quy hoạch của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt; quyết định dự án đầu tư công trình đô thị trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Quyết định các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch xây dựng công trình hạ tầng đô thị, giao thông theo quy định của pháp luật.

- Quyết định biện pháp quản lý dân cư và tổ chức đời sống dân cư, bảo đảm trật tự công cộng, cảnh quan đô thị trên địa bàn.

Theo quy định tại Điều 47 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, **Hội đồng nhân dân quận** cơ bản cũng thực hiện phần lớn các nhiệm vụ, quyền hạn như Hội đồng nhân dân huyện. Tuy nhiên, để phù hợp với tính chất của quận thuộc thành phố trực thuộc trung ương (quận không phải là đơn vị hành chính đô thị hoàn toàn độc lập mà là một bộ phận cấu thành, có tính kết nối, liên thông cao của đô thị trực thuộc trung ương) nên Luật Tổ chức chính quyền địa phương chủ yếu giao cho Hội đồng nhân dân quận quyết định các vấn đề liên quan đến công tác nhân sự, tổ chức bộ máy, quyết định các vấn đề về ngân sách và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công trên địa bàn và giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương. Nếu so sánh với Hội đồng nhân dân ở huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương thì Hội đồng nhân dân quận không có thẩm quyền quyết định các biện pháp thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; quyết định quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn; quyết định các biện pháp quản lý và sử dụng đất đai, rừng núi, sông hồ, nguồn nước,...

Câu 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp xã được quy định như thế nào?

Theo quy định tại Điều 33 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì **Hội đồng nhân dân xã** có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã.

- Quyết định biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác, phòng, chống quan liêu, tham nhũng trong phạm vi được phân quyền; biện pháp bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân trên địa bàn xã.

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân xã; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các Ủy viên Ủy ban nhân dân xã.

- Thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của xã, trước khi trình Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt. Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách xã; điều chỉnh dự toán ngân sách xã trong

trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách xã. Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án của xã trong phạm vi được phân quyền.

- Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương, việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp, Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

- Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân xã bầu.

- Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân xã và chấp nhận việc đại biểu Hội đồng nhân dân xã xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu.

- Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Đối với **Hội đồng nhân dân phường, thị trấn**, theo quy định tại Điều 61 và Điều 68 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân phường, thị trấn cơ bản giống như nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã, trừ nhiệm vụ quyết định biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác, phòng, chống quan liêu, tham nhũng trong phạm vi được phân quyền; biện pháp bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân trên địa bàn phường, thị trấn do nội dung này thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp trên để bảo đảm tính đồng bộ, tập trung trong quản lý đô thị.

Câu 24. Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng những tiêu chuẩn gì?

Đại biểu Quốc hội phải đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại Điều 22 của Luật Tổ chức Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định Điều 7 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Đó là:

- Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam.

- Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

- Có trình độ văn hóa, chuyên môn, có đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ.

- Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

- Có điều kiện tham gia hoạt động của Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

Câu 25. Quyền bầu cử là gì? Quyền ứng cử là gì?

Quyền bầu cử là quyền cơ bản của công dân theo quy định của pháp luật trong việc được lựa chọn người đại biểu của mình vào cơ quan quyền lực nhà nước. Quyền bầu cử bao gồm việc giới thiệu người ứng cử và bỏ phiếu bầu cử để lựa chọn người đại diện cho mình tại Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Quyền ứng cử là quyền cơ bản của công dân khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật thì có thể thể hiện nguyện vọng của mình được ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 27 của Hiến pháp và Điều 2 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định: Tính đến ngày bầu cử được công bố, công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp.

Câu 26. Tại sao nói bầu cử là quyền và nghĩa vụ của công dân?

Quyền bầu cử là quyền chính trị cơ bản của công dân được Hiến pháp và pháp luật quy định nhằm bảo đảm cho mọi công dân có đủ điều kiện thực hiện việc lựa chọn người đại biểu của mình vào cơ quan quyền lực nhà nước. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân.

Thông qua bầu cử, công dân trực tiếp bỏ phiếu bầu người đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của mình, thay mặt mình thực hiện quyền lực nhà nước, góp phần thiết lập bộ máy nhà nước để tiến hành các hoạt động quản lý xã hội. Vì vậy, thực hiện bầu cử là trách nhiệm của công dân đối với đất nước.

Câu 27. Việc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo những nguyên tắc nào?

Theo quy định tại Điều 7 của Hiến pháp năm 2013 và Điều 1 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo các nguyên tắc sau đây:

- Nguyên tắc bầu cử phổ thông.
- Nguyên tắc bình đẳng.
- Nguyên tắc bầu cử trực tiếp.
- Nguyên tắc bỏ phiếu kín.

Câu 28. Thế nào là nguyên tắc phổ thông trong bầu cử?

Nguyên tắc bầu cử phổ thông là một trong những nguyên tắc cơ bản của chế độ bầu cử. Theo nguyên tắc này, mọi công dân, không phân biệt dân tộc, giới tính, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, đủ

18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật (trừ những người bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự). Nguyên tắc này thể hiện tính công khai, dân chủ rộng rãi, đòi hỏi sự bảo đảm để công dân thực hiện quyền bầu cử và ứng cử của mình.

Câu 29. Thế nào là nguyên tắc bình đẳng trong bầu cử?

Bình đẳng là một nguyên tắc quan trọng xuyên suốt quá trình bầu cử, từ khi lập danh sách cử tri cho đến khi xác định kết quả bầu cử. Nguyên tắc này nhằm bảo đảm tính khách quan, không thiên vị để mọi công dân đều có khả năng như nhau tham gia bầu cử và ứng cử; nghiêm cấm mọi sự phân biệt, kỳ thị dưới bất cứ hình thức nào. Nguyên tắc bình đẳng trong bầu cử được thể hiện như sau:

- Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình cư trú.

- Mỗi người chỉ được ghi tên vào Danh sách những người ứng cử ở 01 đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội hoặc 01 đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thuộc 01 đơn vị hành chính ở cấp tương ứng.

- Mỗi cử tri chỉ được bỏ 01 phiếu bầu đại biểu Quốc hội và 01 phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi cấp.

- Giá trị phiếu bầu của mọi cử tri như nhau mà không có sự phân biệt.

Nguyên tắc bình đẳng đòi hỏi phải có sự phân bổ hợp lý cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, số lượng đại biểu được bầu ở từng địa phương, bảo đảm tính đại diện của các vùng, miền, địa phương, các tầng lớp xã hội; các dân tộc thiểu số và phụ nữ có tỷ lệ đại diện hợp lý trong Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

Câu 30. Thế nào là nguyên tắc bầu cử trực tiếp?

Bầu cử trực tiếp là việc cử tri trực tiếp đi bầu cử, tự bỏ lá phiếu của mình vào hòm phiếu để lựa chọn người đủ tín nhiệm vào cơ quan quyền lực nhà nước. Điều 69 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định: Cử tri không được nhờ người khác bầu hộ, bầu thay hoặc bầu bằng cách gửi thư. Trường hợp cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri. Trường hợp cử tri vì khuyết tật không tự bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

Trong trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở, chỗ điều trị của cử tri để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo

dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri là người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

Câu 31. Thế nào là nguyên tắc bỏ phiếu kín?

Nguyên tắc bỏ phiếu kín bảo đảm cho cử tri tự do lựa chọn người mình tín nhiệm mà không bị tác động bởi những điều kiện và yếu tố bên ngoài. Theo đó, cử tri bầu ai, không bầu ai đều được bảo đảm bí mật. Cử tri viết phiếu bầu trong khu vực riêng, không ai được xem, kể cả thành viên Tổ bầu cử; không ai được biết và can thiệp vào việc viết phiếu bầu của cử tri. Cử tri tự mình bỏ phiếu vào hòm phiếu.

Câu 32. Thế nào là bầu cử dân chủ, đúng pháp luật?

Một cuộc bầu cử được coi là bầu cử dân chủ và đúng pháp luật phải đảm bảo các yếu tố sau đây:

- Việc bầu cử phải tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.
- Bảo đảm các quyền bầu cử, ứng cử, vận động bầu cử. Quy định cụ thể những trường hợp bị tước quyền bầu cử, ứng cử; những trường hợp không được thực hiện quyền bầu cử, ứng cử và những trường hợp không tham gia bầu cử.
- Quy định rõ quy trình, thủ tục giới thiệu người ứng cử, hiệp thương, bầu cử lại, bầu cử thêm, bầu cử bổ sung để đảm bảo lựa chọn được những người tiêu biểu, xứng đáng làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.
- Bảo đảm quyền của cử tri nơi người ứng cử công tác (hoặc làm việc), cư trú được nhận xét, bày tỏ ý kiến của mình về sự tín nhiệm đối với người ứng cử.
- Quy định rõ tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác bầu cử.
- Việc giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về bầu cử phải được thực hiện nghiêm túc, nhanh chóng; các vi phạm về bầu cử phải được xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật.

Câu 33. Tổng số đại biểu Quốc hội khóa XV được bầu là bao nhiêu người? Việc dự kiến cơ cấu, thành phần những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV được quy định như thế nào?

Tại cuộc bầu cử lần này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã dự kiến tổng số đại biểu Quốc hội khóa XV được bầu là 500 đại biểu.

Điều 8 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định: Căn cứ vào dự kiến số lượng đại biểu Quốc hội được bầu, sau khi thống nhất ý kiến với Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc

Việt Nam và đại diện các tổ chức chính trị - xã hội, chậm nhất là 105 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội; số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội để bảo đảm tỷ lệ đại diện hợp lý của các tầng lớp nhân dân trong Quốc hội. Thực hiện quy định nói trên, ngày 23/01/2021, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 1193/NQ-UBTVQH14 đề dự kiến số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV.

Dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh.

Câu 34. Việc phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do cơ quan nào dự kiến và theo căn cứ nào?

Ủy ban Thường vụ Quốc hội là cơ quan có thẩm quyền phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Việc phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được xác định theo các căn cứ sau đây:

- Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất 03 đại biểu cư trú và làm việc tại địa phương.

- Số lượng đại biểu tiếp theo được tính theo số dân và đặc điểm của mỗi địa phương, bảo đảm tổng số đại biểu Quốc hội dự kiến được bầu là 500 người.

- Bảo đảm mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất là 06 đại biểu Quốc hội.

Dự kiến phân bổ đại biểu Trung ương ứng cử ở địa phương được thực hiện theo nguyên tắc sau đây:

- Đoàn đại biểu Quốc hội có 06 đại biểu thì có 02 đại biểu Trung ương.
- Đoàn đại biểu Quốc hội có 07 đại biểu thì có 03 đại biểu Trung ương.
- Đoàn đại biểu Quốc hội có 08 đại biểu thì có 03-04 đại biểu Trung ương.
- Đoàn đại biểu Quốc hội có 09 đại biểu thì có 04 đại biểu Trung ương.
- Đoàn đại biểu Quốc hội có 11 đến 14 đại biểu thì có 05-07 đại biểu Trung ương.
- Đoàn đại biểu Quốc hội có 29-30 đại biểu thì có 14-15 đại biểu Trung ương.

Câu 35. Số người được giới thiệu ứng cử là phụ nữ, là người dân tộc thiểu số được quy định như thế nào?

Số lượng phụ nữ được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Đoàn chủ tịch Ban chấp hành trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, bảo đảm có ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là phụ nữ.

Số lượng người dân tộc thiểu số được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, bảo đảm có ít nhất 18% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số.

Số người được giới thiệu để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp cũng phải bảo đảm có ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ; số lượng người ứng cử là người dân tộc thiểu số được xác định phù hợp với tình hình cụ thể của từng địa phương.

Câu 36. Nguyên tắc xác định tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quy định như thế nào?

Việc xác định tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thực hiện theo nguyên tắc:

- Tỉnh miền núi, vùng cao có từ 500.000 dân trở xuống được bầu 50 đại biểu; có trên 500.000 dân thì cứ thêm 50.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 75 đại biểu. Việc xác định tỉnh miền núi, vùng cao để làm căn cứ xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu căn cứ vào văn bản, quyết định còn hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tại Nghị quyết số 1187/NQ-UBTVQH14 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Hướng dẫn việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 đã giao Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các cơ quan có liên quan rà soát, tập hợp các văn bản, quyết định còn hiệu lực pháp luật đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để xác định đơn vị hành chính miền núi, vùng cao và công bố trên Trang thông tin điện tử của Hội đồng bầu cử quốc gia (<http://hoidongbaucu.quochoi.vn>).

- Tỉnh không thuộc trường hợp nêu trên có từ 1.000.000 dân trở xuống được bầu 50 đại biểu; có trên 1.000.000 dân thì cứ thêm 70.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 85 đại biểu.

- Thành phố trực thuộc trung ương có từ 1.000.000 dân trở xuống được bầu 50 đại biểu; có trên 1.000.000 dân thì cứ thêm 60 nghìn dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 85 đại biểu.

- Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh được bầu 95 đại biểu.

Theo quy định tại Nghị quyết số 1187/NQ-UBTVQH14 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, dân số của từng đơn vị hành chính để làm căn cứ xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu được xác định theo số liệu thống kê dân số do cơ quan thống kê cấp tỉnh công bố tại thời điểm gần nhất tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Câu 37. Nguyên tắc xác định tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện được quy định như thế nào?

Việc xác định tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện được thực hiện theo nguyên tắc:

- Huyện miền núi, vùng cao, hải đảo có từ 40.000 dân trở xuống được bầu 30 đại biểu; có trên 40.000 dân thì cứ thêm 7.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 35 đại biểu. Việc xác định huyện miền núi, vùng cao, hải đảo để làm căn cứ xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu căn cứ vào văn bản, quyết định còn hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tại Nghị quyết số 1187/NQ-UBTVQH14 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Hướng dẫn việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 đã giao Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các cơ quan có liên quan rà soát, tập hợp các văn bản, quyết định còn hiệu lực pháp luật đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để xác định đơn vị hành chính miền núi, vùng cao, hải đảo và công bố trên Trang thông tin điện tử của Hội đồng bầu cử quốc gia (<http://hoidongbaucu.quochoi.vn>).

- Huyện không thuộc trường hợp nêu trên, thị xã có từ 80.000 dân trở xuống được bầu 30 đại biểu; có trên 80.000 dân thì cứ thêm 15.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 35 đại biểu.

- Quận, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương có từ 100.000 dân trở xuống được bầu 30 đại biểu; có trên 100.000 dân thì cứ thêm 15.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 35 đại biểu.

- Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương có từ 30 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc trở lên do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, nhưng tổng số không quá 40 đại biểu.

Tại kỳ bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026, trên cả nước có tổng cộng 29 đơn vị cấp huyện (thuộc 11 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) có từ 30 đơn vị hành chính cấp xã trở lên. Trên cơ sở đề nghị của các địa phương cũng như bảo đảm cân đối chung về tỷ lệ dân số và số đơn vị hành

chính trực thuộc của từng địa phương, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã xem xét và ra nghị quyết quyết định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện nhiệm kỳ 2021-2026 cụ thể (từ 37 đến 40 đại biểu) cho từng huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và thành phố Thủ Đức thuộc phạm vi đối tượng nêu trên.

Câu 38. Nguyên tắc xác định tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được quy định như thế nào?

Việc xác định tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được thực hiện theo nguyên tắc:

- Xã, thị trấn miền núi, vùng cao và hải đảo có từ 2.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu.

- Xã, thị trấn miền núi, vùng cao và hải đảo có trên 2.000 dân đến dưới 3.000 dân được bầu 19 đại biểu.

- Xã, thị trấn miền núi, vùng cao và hải đảo có từ 3.000 dân đến 4.000 dân được bầu 21 đại biểu; có trên 4.000 dân thì cứ thêm 1.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu.

Việc xác định xã miền núi, vùng cao, hải đảo để làm căn cứ xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu căn cứ vào văn bản, quyết định còn hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tại Nghị quyết số 1187/NQ-UBTVQH14 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Hướng dẫn việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 đã giao Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các cơ quan có liên quan rà soát, tập hợp các văn bản, quyết định còn hiệu lực pháp luật đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để xác định đơn vị hành chính miền núi, vùng cao, hải đảo và công bố trên Trang thông tin điện tử của Hội đồng bầu cử quốc gia (<http://hoidongbaucu.quochoi.vn>).

- Xã, thị trấn không thuộc trường hợp nêu trên có từ 5.000 dân trở xuống được bầu 25 đại biểu; có trên 5.000 dân thì cứ thêm 2.500 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu.

- Phường có từ 10.000 dân trở xuống được bầu 21 đại biểu.

- Phường có trên 10.000 dân thì cứ thêm 5.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu.

Câu 39. Trường hợp số dân dùng để tính số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ở mỗi đơn vị hành chính còn dư thì có được làm tròn số không?

Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2019 và Nghị quyết số 1187/NQ-UBTVQH14 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã quy định cụ thể nguyên

tắc xác định số lượng đại biểu HĐND đối với từng loại đơn vị hành chính: tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; xã, phường, thị trấn căn cứ vào dân số, đặc điểm (miền núi, vùng cao, hải đảo) và số lượng đơn vị hành chính trực thuộc. Chẳng hạn:

- Tỉnh miền núi, vùng cao có từ 500.000 dân trở xuống được bầu 50 đại biểu; có trên 500.000 dân thì cứ thêm 50.000 dân được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá 75 đại biểu.

- Huyện không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 25 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương có từ 80.000 dân trở xuống được bầu 30 đại biểu; có trên 80.000 dân thì cứ thêm 15.000 dân được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá 35 đại biểu.

- Phường có từ 10.000 dân trở xuống được bầu 21 đại biểu; phường có trên 10 nghìn dân thì cứ thêm 5.000 dân được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu.

Thực hiện đúng các quy định nêu trên thì nếu số lượng dân tăng thêm (so với mức chuẩn đầu tiên) ở 01 đơn vị hành chính đáp ứng đủ điều kiện để bầu thêm 01 đại biểu thì mới được tính thêm 01 đại biểu vào tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ở đơn vị hành chính đó (tức là không có việc chia bình quân và làm tròn số). Ví dụ: tại phường X có tổng số dân là 14.000 người thì số đại biểu Hội đồng nhân dân phường được bầu vẫn chỉ là 21 đại biểu bởi số dân tăng thêm so với tiêu chuẩn 10.000 dân chỉ có 4.000 người (thấp hơn mức 5000 dân để được tăng thêm 01 đại biểu theo quy định của Luật). Tại tỉnh Y có dân số là 1.541.829 người (tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020), căn cứ theo quy định của Luật sẽ được bầu 50 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ứng với 500.000 dân đầu tiên và thêm 20 đại biểu ứng với 1.000.000 dân tiếp theo (50.000 người x 20 lần); số dân còn lại là 41.829 người ít hơn 50.000 người, chưa đủ để bầu thêm 01 đại biểu nên không được tính nữa. Như vậy, tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Y nhiệm kỳ 2021-2026 được bầu là 70 đại biểu.

Câu 40. Việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được thực hiện như thế nào?

Căn cứ vào số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu, nguyên tắc về việc bảo đảm số dư khi lập danh sách người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại khoản 3 Điều 58 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, sau khi thống nhất ý kiến với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban nhân dân cùng cấp, dự kiến cụ thể cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở cấp mình và các đơn vị hành chính cấp

dưới (đối với cấp tỉnh, cấp huyện), các thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã), đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế trên địa bàn được giới thiệu để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính cấp mình.

Việc dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người được giới thiệu để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi đơn vị hành chính phải bảo đảm dân chủ, công tâm, khách quan, minh bạch; coi trọng chất lượng, lựa chọn đại biểu là những người tiêu biểu về phẩm chất, đạo đức, uy tín, trí tuệ; đồng thời bảo đảm cơ cấu hợp lý trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở cấp mình và các đơn vị hành chính cấp dưới (đối với cấp tỉnh, cấp huyện), các thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã), đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế trên địa bàn; có đại diện của các thành phần xã hội, nghề nghiệp, tôn giáo, độ tuổi và đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Bảo đảm có ít nhất là 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ; phần đầu tỷ lệ phụ nữ trúng cử là khoảng 30% tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Bảo đảm tỷ lệ hợp lý người trong danh sách chính thức những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là người dân tộc thiểu số, phù hợp với đặc điểm, cơ cấu dân số của từng địa phương. Quan tâm đến những dân tộc thiểu số trong nhiều khóa chưa có người tham gia vào hoạt động của Hội đồng nhân dân.

- Phần đầu đạt tỷ lệ người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là người ngoài Đảng không thấp hơn 10% tổng số người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Phần đầu đạt tỷ lệ người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là đại biểu trẻ tuổi (dưới 40 tuổi) không thấp hơn 15% tổng số người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Phần đầu đạt tỷ lệ từ 30% trở lên đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2016 - 2021 tái cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 ở từng cấp.

- Giảm tỷ lệ người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân công tác ở các cơ quan quản lý nhà nước so với nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Câu 41. Việc xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách ở từng đơn vị hành chính nhiệm kỳ 2021-2026 được thực hiện như thế nào?

Việc xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách ở từng đơn vị hành chính được căn cứ vào quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2019, Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về Thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng, Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11

năm 2020 của Quốc hội về Tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể như sau:

- Đối với cấp tỉnh, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách giữ chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tối đa là 02 người; số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách giữ chức vụ Trưởng ban, Phó Trưởng ban ở mỗi Ban của Hội đồng nhân dân tối đa là 02 người, trừ Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng.

Đối với Thành phố Hồ Chí Minh, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách giữ chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố tối đa là 03 người; số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách giữ chức vụ Trưởng ban, Phó Trưởng ban và Ủy viên ở mỗi Ban của Hội đồng nhân dân thành phố tối đa là 04 người.

Đối với thành phố Đà Nẵng, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách giữ chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố tối đa là 02 người; số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách giữ chức vụ Trưởng ban, Phó Trưởng ban ở mỗi Ban của Hội đồng nhân dân thành phố tối đa là 03 người.

- Đối với cấp huyện, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách giữ chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tối đa là 02 người; số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách giữ chức vụ Trưởng ban, Phó Trưởng ban ở mỗi Ban của Hội đồng nhân dân tối đa là 02 người.

- Đối với cấp xã, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân là 01 người.

Câu 42. Trách nhiệm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được quy định như thế nào?

Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có trách nhiệm thực hiện việc dự kiến và phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu; xác định cơ cấu, thành phần những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội; hướng dẫn việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; tổ chức giám sát công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, bảo đảm cho việc bầu cử được tiến hành dân chủ, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm.

Câu 43. Trách nhiệm của Chính phủ đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được quy định như thế nào?

Theo quy định tại khoản 4 Điều 4 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, Chính phủ có trách nhiệm chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện công tác bầu cử theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm kinh phí, hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức bầu cử, bảo đảm công tác thông tin, tuyên truyền, an ninh, an toàn và các điều kiện cần thiết khác phục vụ cuộc bầu cử.

Câu 44. Trách nhiệm của Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?

Theo quy định tại khoản 7 Điều 4 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân của cấp mình. Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm giám sát, kiểm tra và thực hiện công tác bầu cử theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Câu 45. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được quy định như thế nào?

Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp, thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương.

Riêng Ủy ban nhân dân cấp xã còn có thêm một số trách nhiệm khác như xác định khu vực bỏ phiếu và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê chuẩn; đối với các đơn vị hành chính cấp huyện không chia thành đơn vị hành chính cấp xã thì việc xác định khu vực bỏ phiếu do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định (khoản 4 Điều 11 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân). Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách cử tri theo khu vực bỏ phiếu; đối với những nơi không có đơn vị hành chính cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp huyện lập danh sách cử tri theo từng khu vực bỏ phiếu.

Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và tổ chức triển khai công tác bầu cử theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn cho cuộc bầu cử.

Câu 46. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với cuộc bầu

cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được quy định như thế nào?

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; tham gia giám sát việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp, tham gia cùng Ủy ban nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương.

Câu 47. Đơn vị bầu cử là gì? Có bao nhiêu loại đơn vị bầu cử trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp?

Các cuộc bầu cử phải được tiến hành theo các đơn vị bầu cử. Đơn vị bầu cử là khái niệm chỉ một phạm vi địa lý hành chính tương ứng với một lượng dân cư nhất định để bầu một số lượng đại biểu Quốc hội hay đại biểu Hội đồng nhân dân xác định.

Theo quy định tại Điều 10 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì có các loại đơn vị bầu cử sau đây:

- Đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội. Theo đó, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội.

- Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Theo đó, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện. Theo đó, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện.

- Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Theo đó, xã, phường, thị trấn được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Câu 48. Việc ấn định số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử được tiến hành như thế nào?

Đối với bầu cử đại biểu Quốc hội: Theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội. Số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội được tính căn cứ theo số dân, do Hội đồng bầu cử quốc gia ấn định theo đề nghị của Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và được công bố **chậm nhất là ngày 04 tháng 3 năm 2021** (80 ngày trước ngày bầu cử).

Đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân: Theo quy định tại khoản 3 Điều 10 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì số đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử do Ủy ban bầu cử ở cấp đó ấn định theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cùng cấp và được công bố chậm nhất là **chậm nhất là ngày 04 tháng 3 năm 2021** (80 ngày trước ngày bầu cử).

Câu 49. Số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?

Tại khoản 4 Điều 10 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định:

- Mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội được bầu không quá 03 đại biểu.
- Mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu không quá 05 đại biểu.

Câu 50. Khu vực bỏ phiếu là gì? Việc xác định khu vực bỏ phiếu được tiến hành như thế nào?

Khu vực bỏ phiếu là phạm vi địa lý hành chính có số dân nhất định. Việc chia khu vực bỏ phiếu mang ý nghĩa kỹ thuật, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cử tri thực hiện quyền bầu cử của mình. Chính vì vậy, khu vực bỏ phiếu có phạm vi hành chính nhỏ hơn đơn vị bầu cử. Thông thường, các khu vực bỏ phiếu được thành lập theo các đơn vị hành chính cơ sở như xã, phường hoặc thôn, tổ dân phố, khu phố (cá biệt cũng có một số trường hợp đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã chỉ có duy nhất 01 khu vực bỏ phiếu).

Theo quy định tại Điều 11 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân chia thành các khu vực bỏ phiếu. Khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội đồng thời là khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Mỗi khu vực bỏ phiếu có từ 300 cử tri đến 4.000 cử tri. Ở miền núi, vùng cao, hải đảo và những nơi dân cư không tập trung thì dù chưa có đủ 300 cử tri cũng được thành lập một khu vực bỏ phiếu. Bệnh viện, nhà hộ sinh, nhà an dưỡng, cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi có từ 50 cử tri trở lên; đơn vị vũ trang nhân dân; cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, trại tạm giam có thể thành lập khu vực bỏ phiếu riêng.

Việc xác định đơn vị vũ trang nhân dân là khu vực bỏ phiếu riêng do Ban Chỉ huy đơn vị quyết định. Việc xác định các khu vực bỏ phiếu còn lại do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định và được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê chuẩn. Đối với những huyện không có đơn vị hành chính xã, thị trấn thì việc xác định khu vực bỏ phiếu do Ủy ban nhân dân huyện quyết định.

Số cử tri làm căn cứ để xác định thành lập khu vực bỏ phiếu là số lượng cử tri được xác định một cách tương đối tại thời điểm thành lập, phê chuẩn việc thành lập khu vực bỏ phiếu đó. Trên cơ sở các khu vực bỏ phiếu đã được xác định, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành việc lập và công bố danh sách cử tri. Sau khi danh sách cử tri đã được công bố, nếu có cử tri ở nơi khác chuyển đến và đăng ký bỏ phiếu tại địa phương thì Ủy ban nhân dân bổ sung tên cử tri vào danh sách cử tri và số cử tri này được tính vào tổng số cử tri của khu vực bỏ phiếu đó khi lập biên bản kết quả kiểm phiếu; trường hợp cử tri bị xóa tên trong danh sách cử tri, cử tri đã được chứng nhận đi bỏ phiếu ở nơi khác thì không được tính vào tổng số cử tri của khu vực bỏ phiếu.

Câu 51. Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến bầu cử được thực hiện như thế nào?

1. Do tính chất và đặc điểm về thời gian tổ chức bầu cử, nên việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo trong bầu cử không thực hiện theo các quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo. Việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo trong bầu cử chủ yếu nhằm mục đích bảo đảm cho các bước, các công đoạn trong quá trình tổ chức bầu cử được tiến hành đúng quy định của pháp luật; việc xem xét, xác định trách nhiệm cụ thể của các cá nhân, tổ chức có vi phạm vẫn thực hiện theo các quy định khác có liên quan của pháp luật (ví dụ như pháp luật về cán bộ, công chức, pháp luật về thanh tra, về khiếu nại, tố cáo, về hình sự...)

2. Điều 55 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định về việc xác minh, trả lời các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phát sinh trong quá trình giới thiệu, hiệp thương, lựa chọn người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Điều luật này đã nêu rõ trách nhiệm và thời hạn xác minh, trả lời đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo. Kết quả xác minh, trả lời về các vụ việc nói trên là cơ sở để Hội nghị hiệp thương lần thứ ba xem xét, quyết định danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình.

Điều 61 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định chung về khiếu nại, tố cáo về người ứng cử, lập danh sách người ứng cử. Theo đó, công dân có quyền tố cáo về người ứng cử, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử không phân biệt về thời điểm thực hiện việc khiếu nại, tố cáo. Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân là các cơ quan chịu trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình.

Như vậy, các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đều phải được Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử tương ứng tiếp nhận, ghi vào sổ, chuyển đến các cơ quan, tổ chức hữu quan để thực hiện việc xác minh, trả lời làm cơ sở cho việc giải quyết của các cơ quan phụ trách bầu cử theo thẩm quyền.

Đối với các vụ việc cử tri nêu lên về người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trong thời gian tiến hành hiệp thương thì việc xác minh và trả lời được thực hiện theo quy định tại Điều 55 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Kết quả xác minh, trả lời được gửi cho Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương để làm cơ sở cho Hội nghị hiệp thương lần thứ ba xem xét, quyết định danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình.

Các tố cáo về người ứng cử từ sau khi kết thúc Hội nghị hiệp thương lần thứ ba hoặc việc xử lý kết quả xác minh những vụ việc cử tri nêu mà chưa được trả lời theo thời hạn quy định tại khoản 4 Điều 55 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân đều thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử theo quy định tại Điều 61 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử ngừng việc xem xét, giải quyết mọi khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về người ứng cử và việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân 10 ngày trước ngày bầu cử. Các khiếu nại, tố cáo chưa được giải quyết được chuyển đến Thường trực Hội đồng nhân khóa mới để tiếp tục xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

3. Về nguyên tắc, các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về tư cách của người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, liên quan đến việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các thông tin trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban bầu cử nơi đã lập và công bố danh sách này. Khi tiếp nhận các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị thuộc loại nói trên, Ban bầu cử phải chuyển ngay cho Ủy ban bầu cử để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền (điểm e khoản 2 Điều 24 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân). Căn cứ vào kết quả xác minh, trả lời của các cơ quan hữu quan, Ủy ban bầu cử có thể quyết định xóa tên người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân trong danh sách chính thức những người ứng cử hoặc thực hiện việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các nội dung cần thiết trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Quyết định của Ủy ban bầu cử là quyết định cuối cùng.

Ban bầu cử chỉ giải quyết những khiếu nại, tố cáo, kiến nghị mang tính kỹ thuật liên quan đến việc công bố, niêm yết danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử (ví dụ như về thời điểm niêm yết, vị trí, cách thức niêm yết danh sách, các sai sót in ấn trong danh sách đã niêm yết...). Trong trường hợp công dân không đồng ý với giải quyết của Ban bầu cử thì Ủy ban bầu cử cấp tương ứng giải quyết; trình tự giải quyết được căn cứ vào nội dung vụ việc khiếu nại hay tố cáo.

4. Các tố cáo liên quan đến sai phạm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hiệp thương, đến thành viên của Ủy ban bầu cử, đến các Ban bầu cử, Tổ bầu cử đều thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng. Tuy nhiên, Ủy ban bầu cử chỉ xem xét, quyết định về các nội dung liên quan trực tiếp đến việc tổ chức bầu cử; việc xem xét, xác định trách nhiệm cụ

thể của các cá nhân, tổ chức có vi phạm được thực hiện theo các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Câu 52. Người có hành vi vi phạm pháp luật về bầu cử bị xử lý như thế nào?

Điều 95 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân đã quy định rõ: Người nào dùng thủ đoạn lừa gạt, mua chuộc hoặc cưỡng ép làm trở ngại việc bầu cử, ứng cử của công dân; vi phạm các quy định về vận động bầu cử; người có trách nhiệm trong công tác bầu cử mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu bầu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bầu cử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào quy định của Luật này, Bộ luật Hình sự đã quy định cụ thể 02 tội liên quan đến bầu cử gồm:

- Tội xâm phạm quyền bầu cử, ứng cử hoặc biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân của công dân (Điều 160):

“1. Người nào lừa gạt, mua chuộc, cưỡng ép hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở công dân thực hiện quyền bầu cử, quyền ứng cử hoặc quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 02 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- c) Dẫn đến hoãn ngày bầu cử, bầu cử lại hoặc hoãn việc trưng cầu ý dân.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

- Tội làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân (Điều 161):

“1. Người nào có trách nhiệm trong việc tổ chức, giám sát việc bầu cử, tổ chức trưng cầu ý dân mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Dẫn đến phải tổ chức lại việc bầu cử hoặc trưng cầu ý dân.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01

năm đến 05 năm.”

Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân mà có hành vi vi phạm pháp luật về bầu cử (như kê khai hồ sơ ứng cử không trung thực, gian dối, giả mạo thông tin, vi phạm các quy định về vận động bầu cử...) thì có thể bị xóa tên trong Danh sách chính thức những người ứng cử hoặc nếu đã được bầu thì cũng không được công nhận tư cách đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

PHẦN THỨ HAI CÁC TỔ CHỨC PHỤ TRÁCH BẦU CỬ

Câu 53. Các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp gồm những tổ chức nào?

Các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp gồm có:

- Hội đồng bầu cử quốc gia.
- Các Ủy ban bầu cử được thành lập ở các đơn vị hành chính có tổ chức Hội đồng nhân dân gồm:
 - + Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
 - + Ủy ban bầu cử ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.
 - + Ủy ban bầu cử ở xã, phường, thị trấn.
- Các Ban bầu cử được thành lập ở từng đơn vị bầu cử gồm:
 - + Ban bầu cử đại biểu Quốc hội.
 - + Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.
 - + Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện.
 - + Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.
- Các Tổ bầu cử được thành lập ở từng khu vực bỏ phiếu.

Riêng tại các địa phương thực hiện hoặc thí điểm thực hiện mô hình chính quyền đô thị, việc tổ chức các tổ chức phụ trách bầu cử xin xem thêm Câu 79.

Câu 54. Hội đồng bầu cử quốc gia được thành lập như thế nào? Số lượng thành viên, cơ cấu tổ chức của Hội đồng bầu cử được quy định như thế nào?

Theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Hội đồng bầu cử quốc gia do Quốc hội thành lập gồm từ 15 đến 21 thành viên gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên.

Hội đồng bầu cử quốc gia được thành lập theo Nghị quyết số 118/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội khóa XIV để tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, chỉ đạo và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia là bà Nguyễn Thị Kim Ngân, Ủy viên Bộ Chính trị khóa XII, Chủ tịch Quốc hội được Quốc hội bầu theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. 04 Phó Chủ tịch và 16 Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia do Quốc hội phê chuẩn theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia đại diện cho các cơ quan

trung ương của Đảng, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

Câu 55. Chức năng, nhiệm vụ cơ bản của Hội đồng bầu cử quốc gia là gì?

Hội đồng bầu cử quốc gia có các chức năng, nhiệm vụ cơ bản sau đây:

- Tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội.
- Chỉ đạo, hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.
- Chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử.
- Chỉ đạo công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong cuộc bầu cử.
- Kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử.
- Quy định mẫu hồ sơ ứng cử, mẫu Thẻ cử tri, mẫu phiếu bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu, các mẫu văn bản khác sử dụng trong công tác bầu cử.

Câu 56. Trong việc tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, Hội đồng bầu cử quốc gia có các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể nào?

Trong việc tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, Hội đồng bầu cử quốc gia được giao thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Ấn định và công bố số đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Quốc hội khóa XV được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử.

2. Nhận và xem xét hồ sơ của người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV; nhận hồ sơ và danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV do Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi đến.

3. Gửi danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của những người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV đến Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để thực hiện việc hiệp thương. Giới thiệu và gửi hồ sơ của người ứng cử đại biểu Quốc hội đã được Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiệp thương, giới thiệu để về ứng cử tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

4. Lập và công bố Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV theo từng đơn vị bầu cử; xóa tên người ứng cử trong Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội trong trường hợp có căn cứ theo quy định của luật.

5. Nhận và kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội

khóa XV của các Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội chuyển đến; lập biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV trong cả nước.

6. Quyết định việc bầu cử thêm, bầu cử lại đại biểu Quốc hội hoặc hủy bỏ kết quả bầu cử và quyết định ngày bầu cử lại ở khu vực bỏ phiếu, đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội có vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

7. Xác nhận và công bố kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV trong cả nước; xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV.

8. Trình Quốc hội khóa XV báo cáo tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước và kết quả xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội được bầu.

9. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử đại biểu Quốc hội; chuyển giao hồ sơ, khiếu nại, tố cáo liên quan đến những người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

10. Quản lý và phân bổ kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV.

Câu 57. Trong việc chỉ đạo, hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, Hội đồng bầu cử quốc gia có các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể nào?

Trong việc chỉ đạo, hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, Hội đồng bầu cử quốc gia có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Hướng dẫn hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026.

3. Kiểm tra việc tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026.

4. Hủy bỏ kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và quyết định ngày bầu cử lại ở khu vực bỏ phiếu, đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân có vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

Câu 58. Cơ cấu tổ chức và bộ máy giúp việc của Hội đồng bầu cử quốc gia được tổ chức như thế nào?

Để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Hội đồng bầu cử quốc gia đã thành lập 04 Tiểu ban để tham mưu và giúp Hội đồng trực tiếp chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn, xử lý một số công việc trong từng mảng lĩnh vực cụ thể, gồm có:

- Tiểu ban Nhân sự.

- Tiểu ban Giải quyết khiếu nại, tố cáo.
- Tiểu ban Văn bản pháp luật và Thông tin, tuyên truyền.
- Tiểu ban An ninh, Trật tự và Y tế.

Mỗi Tiểu ban có từ 9-21 thành viên vừa có đại diện thành viên của Hội đồng bầu cử quốc gia tham gia làm Trưởng, Phó Trưởng Tiểu ban, vừa có đại diện lãnh đạo các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ, Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo dõi, phụ trách các lĩnh vực, mảng công việc tương ứng.

Đồng thời, trên cơ sở Nghị quyết số 1000/2020/UBTVQH14 ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về bộ máy giúp việc của Hội đồng bầu cử quốc gia, Hội đồng bầu cử quốc gia đã thành lập Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia với tư cách là bộ máy tham mưu, giúp việc, trực tiếp phục vụ việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng, các Tiểu ban của Hội đồng; đồng thời đã bổ nhiệm Chánh Văn phòng, các Phó Chánh Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia. Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia cũng tổ chức bộ phận thường trực và 05 Tổ giúp việc để tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ của Văn phòng. Công chức làm việc tại Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia chủ yếu gồm công chức của Văn phòng Quốc hội, cán bộ, công chức trung tập hoặc kiêm nhiệm của một số cơ quan nhà nước khác, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có liên quan.

Câu 59. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Tiểu ban và Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia được quy định như thế nào?

1. Tiểu ban Nhân sự giúp Hội đồng bầu cử quốc gia về công tác nhân sự, tiếp nhận, xử lý đối với hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội ở trung ương, tham mưu lập Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, lập danh sách đơn vị bầu cử, phân bổ người ứng cử đại biểu Quốc hội ở trung ương về địa phương, xác nhận và công bố kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV.

2. Tiểu ban Giải quyết khiếu nại, tố cáo giúp Hội đồng bầu cử quốc gia chỉ đạo, hướng dẫn và xem xét việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong bầu cử theo quy định của pháp luật.

3. Tiểu ban Văn bản pháp luật và Thông tin, tuyên truyền giúp Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về bầu cử; chỉ đạo, hướng dẫn công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử.

4. Tiểu ban An ninh, trật tự và Y tế giúp Hội đồng bầu cử quốc gia chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh, trật tự và y tế trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

5. Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Phục vụ Hội đồng bầu cử quốc gia, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Hội

đồng bầu cử quốc gia và các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Giúp Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử quốc gia soạn thảo các văn bản thuộc thẩm quyền theo phân công.

- Tổ chức phục vụ các phiên họp, cuộc họp của Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử quốc gia.

- Giúp Hội đồng bầu cử quốc gia đôn đốc, theo dõi việc triển khai thực hiện công tác bầu cử.

- Giúp Hội đồng bầu cử quốc gia quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của Hội đồng bầu cử quốc gia.

- Thực hiện công tác hành chính, văn thư liên quan đến hoạt động của Hội đồng bầu cử quốc gia.

Ngoài các nhiệm vụ nêu trên, các Tiểu ban và Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia còn thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia giao.

Câu 60. Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thành lập như thế nào?

Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thành lập để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Chậm nhất là ngày 07 tháng 2 năm 2021 (105 ngày trước ngày bầu cử), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp phải ra quyết định thành lập Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có từ 21 đến 31 thành viên gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên là đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

Danh sách Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Câu 61. Ủy ban bầu cử ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban bầu cử ở xã, phường, thị trấn được thành lập như thế nào?

Ủy ban bầu cử ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, xã, phường, thị trấn được thành lập để tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã tương ứng trên địa bàn.

Chậm nhất là ngày 07 tháng 2 năm 2021 (105 ngày trước ngày bầu cử), Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập Ủy ban bầu cử ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban bầu cử ở xã, phường, thị trấn.

Ủy ban bầu cử ở cấp huyện có từ 11 đến 15 thành viên; Ủy ban bầu cử ở cấp xã có từ 09 đến 11 thành viên. Thành viên Ủy ban bầu cử ở cấp huyện, cấp xã gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên là đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

Danh sách Ủy ban bầu cử ở cấp huyện, Ủy ban bầu cử ở cấp xã phải được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp.

Câu 62. Trong việc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, Ủy ban bầu cử ở cấp tỉnh có các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể nào?

Trong bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, Ủy ban bầu cử ở cấp tỉnh có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Chỉ đạo việc chuẩn bị và tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV ở các đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội của các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử.

2. Chỉ đạo thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử đại biểu Quốc hội ở địa phương.

3. Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV ở địa phương.

4. Nhận và xem xét hồ sơ của người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế ở địa phương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và hồ sơ của người tự ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV tại địa phương; gửi danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của những người được giới thiệu ứng cử và những người tự ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để tiến hành hiệp thương; gửi hồ sơ và danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV tại địa phương đến Hội đồng bầu cử quốc gia.

5. Lập danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV theo đơn vị bầu cử và báo cáo để Hội đồng bầu cử quốc gia quyết định.

6. Chỉ đạo, kiểm tra việc lập và niêm yết danh sách cử tri.

7. Nhận tài liệu, phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và phân phối cho các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội ***chậm nhất là ngày 27 tháng 4 năm 2021*** (25 ngày trước ngày bầu cử).

8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử; khiếu nại, tố cáo về bầu cử đại biểu Quốc hội do Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử chuyển đến; khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội.

9. Nhận và kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV của các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội; lập biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV ở địa phương.

10. Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV theo yêu cầu của Hội đồng bầu cử quốc gia.

11. Chuyển hồ sơ, biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV đến Hội đồng bầu cử quốc gia.

12. Tổ chức việc bầu cử thêm, bầu cử lại đại biểu Quốc hội theo quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia.

Câu 63. Trong việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, các Ủy ban bầu cử có các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể nào?

Trong bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026, Ủy ban bầu cử ở các cấp có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Chỉ đạo việc tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình nhiệm kỳ 2021-2026; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Quản lý và phân bổ kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình.

3. Chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương.

4. Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương.

5. Ấn định và công bố số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình được bầu của mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng.

6. Nhận và xem xét hồ sơ của những người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, thôn, tổ dân phố ở địa phương giới thiệu ứng cử và những người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình nhiệm kỳ 2021-2026; gửi danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử đại

biểu Hội đồng nhân dân cấp mình nhiệm kỳ 2021-2026 đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để tiến hành hiệp thương.

7. Lập và công bố Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình nhiệm kỳ 2021-2026 theo từng đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; xóa tên người ứng cử trong Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình nhiệm kỳ 2021-2026 khi có các căn cứ theo quy định của luật.

8. Nhận tài liệu, phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân từ Ủy ban nhân dân cùng cấp và phân phối cho các Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình **chậm nhất là ngày 27 tháng 4 năm 2021** (25 ngày trước ngày bầu cử).

9. Nhận và kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình nhiệm kỳ 2021-2026 ở từng đơn vị bầu cử do các Ban bầu cử gửi đến; lập biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cấp mình.

10. Chỉ đạo việc bầu cử thêm, bầu cử lại đại biểu Hội đồng nhân dân trong trường hợp cần thiết.

11. Xác nhận và công bố kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình nhiệm kỳ 2021-2026; xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

12. Trình Hội đồng nhân dân khóa mới ở cấp mình báo cáo tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 và kết quả xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp được bầu.

13. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình, Tổ bầu cử; khiếu nại, tố cáo về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình do Ban bầu cử, Tổ bầu cử chuyển đến; khiếu nại, tố cáo về người ứng cử, việc lập danh sách người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình.

14. Bàn giao các biên bản tổng kết và hồ sơ, tài liệu về cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021 – 2026 cho Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp khóa mới.

Câu 64. Ban bầu cử đại biểu Quốc hội được thành lập như thế nào?

Ban bầu cử đại biểu Quốc hội được thành lập ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội để trực tiếp phụ trách công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV tại đơn vị bầu cử đó.

Chậm nhất là ngày 14 tháng 3 năm 2021 (70 ngày trước ngày bầu cử), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp phải ra quyết định thành lập ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội một Ban bầu cử đại biểu Quốc

hội.

Ban bầu cử đại biểu Quốc hội có từ 9 đến 15 thành viên gồm Trưởng ban, các Phó Trưởng ban và các Ủy viên là đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

Danh sách Ban bầu cử đại biểu Quốc hội phải được gửi đến Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

Câu 65. Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được thành lập như thế nào?

Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân từng cấp (tỉnh, huyện, xã) được thành lập ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cấp tương ứng để trực tiếp phụ trách công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 tại đơn vị bầu cử đó.

Chậm nhất là ngày 14 tháng 3 năm 2021 (70 ngày trước ngày bầu cử), Ủy ban nhân dân ở cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình một Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có từ 11 đến 13 thành viên. Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện có từ 9 đến 11 thành viên. Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã có từ 7 đến 9 thành viên. Ban bầu cử gồm Trưởng ban, các Phó Trưởng ban và các Ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội.

Danh sách Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp nào thì phải được gửi đến Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp với Ủy ban bầu cử đó nhằm bảo đảm thực hiện công tác chỉ đạo, tổ chức bầu cử và kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương.

Câu 66. Người tham gia làm thành viên Ban bầu cử này có được đồng thời tham gia kiêm nhiệm thành viên Ban bầu cử khác nữa không?

Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân đã quy định rõ thành phần tham gia các Ban bầu cử phải có đại diện của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tương ứng với từng cấp và một số cơ quan, tổ chức hữu quan khác.

Luật không quy định thành viên của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội không thể đồng thời là thành viên của Ban bầu cử khác mà chỉ có quy định về những trường hợp không được tham gia vào các tổ chức phụ trách bầu cử, trong đó bao gồm các Ban bầu cử (nếu là người thuộc danh sách ứng cử tại đơn vị bầu cử

thuộc phạm vi phụ trách của Ban bầu cử đó). Do đó, tùy tình hình nhân sự và thực tiễn của địa phương, các cơ quan nói trên có thể xem xét, phân công người thích hợp tham gia vào các Ban bầu cử, bảo đảm đầy đủ thành phần theo quy định của Luật.

Câu 67. Ban bầu cử có các nhiệm vụ, quyền hạn nào?

Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã có chung những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử của các Tổ bầu cử thuộc đơn vị bầu cử.
2. Kiểm tra, đôn đốc việc lập, niêm yết danh sách cử tri và việc niêm yết danh sách những người ứng cử ở các Tổ bầu cử thuộc đơn vị bầu cử.
3. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc bố trí các phòng bỏ phiếu và công việc bầu cử ở các phòng bỏ phiếu.
4. Nhận và phân phối tài liệu, phiếu bầu cử cho các Tổ bầu cử chậm nhất là 15 ngày trước ngày bầu cử.
5. Nhận, tổng hợp và kiểm tra biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử của các Tổ bầu cử; lập biên bản xác định kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử.
6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện công tác bầu cử của các Tổ bầu cử và khiếu nại, tố cáo về bầu cử do các Tổ bầu cử chuyển đến; nhận và chuyển đến Ủy ban bầu cử ở cấp tỉnh khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội; nhận và chuyển đến Ủy ban bầu cử tương ứng khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.
7. Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử theo hướng dẫn, yêu cầu của Hội đồng bầu cử quốc gia hoặc theo yêu cầu của Ủy ban bầu cử cùng cấp.
8. Chuyển hồ sơ, tài liệu về bầu cử đại biểu Quốc hội đến Ủy ban bầu cử ở tỉnh; chuyển hồ sơ, tài liệu về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân đến Ủy ban bầu cử cùng cấp.
9. Tổ chức thực hiện việc bầu cử thêm, bầu cử lại (nếu có).

Câu 68. Tổ bầu cử được thành lập như thế nào?

Tổ bầu cử được thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Chậm nhất là ngày 03 tháng 4 năm 2021 (50 ngày trước ngày bầu cử), Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ bầu cử để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Tổ bầu cử có từ 11 đến 21 thành viên gồm Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đại diện cử tri ở địa phương.

Câu 69. Tổ bầu cử ở đơn vị vũ trang nhân dân được thành lập như thế nào? Trường hợp đơn vị vũ trang nhân dân và địa phương có chung khu vực bỏ phiếu thì việc thành lập Tổ bầu cử được thực hiện như thế nào?

Trường hợp đơn vị vũ trang nhân dân được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng thì chỉ huy đơn vị quyết định thành lập một Tổ bầu cử có từ 5 đến 9 thành viên gồm Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện chỉ huy đơn vị và đại diện quân nhân của đơn vị vũ trang nhân dân đó. Danh sách Tổ bầu cử phải được gửi đến Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện có tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tại khu vực bỏ phiếu đó và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đơn vị đóng quân.

Trường hợp đơn vị vũ trang nhân dân và địa phương tổ chức chung thành một khu vực bỏ phiếu thì Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân quyết định thành lập Tổ bầu cử có từ 11 đến 21 thành viên gồm Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đại diện cử tri ở địa phương, đại diện chỉ huy đơn vị và đại diện quân nhân của đơn vị vũ trang nhân dân đó.

Câu 70. Việc thành lập Tổ bầu cử tại các khu vực bỏ phiếu riêng khác được thực hiện như thế nào?

Ngoài đơn vị vũ trang nhân dân (như đã nêu tại Câu 69), tại các khu vực bỏ phiếu riêng khác như bệnh viện, nhà hộ sinh, nhà an dưỡng, cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi có từ 50 cử tri trở lên hoặc cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện, trại tạm giam (quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 11 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân) thì việc thành lập Tổ bầu cử vẫn do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện như đối với các khu vực bỏ phiếu thông thường khác.

Câu 71. Ở những đơn vị hành chính cấp huyện không có đơn vị hành chính cấp xã thì việc thành lập Tổ bầu cử được thực hiện như thế nào?

Đối với các đơn vị hành chính cấp huyện không được chia thành các đơn vị hành chính cấp xã (ví dụ như tại một số huyện đảo) thì Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ bầu cử có từ 11 đến 21 thành viên gồm Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị -

xã hội, tổ chức xã hội, đại diện cử tri ở địa phương.

Câu 72. Tổ bầu cử có các nhiệm vụ, quyền hạn nào?

Trong việc thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, Tổ bầu cử có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Phụ trách công tác bầu cử trong khu vực bỏ phiếu.
2. Bố trí phòng bỏ phiếu, chuẩn bị hòm phiếu.
3. Nhận tài liệu và phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân từ các Ban bầu cử tương ứng; phát Thẻ cử tri, phiếu bầu cử có đóng dấu của Tổ bầu cử cho cử tri.
4. Thường xuyên thông báo cho cử tri biết ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu trong thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử (tức là *từ ngày 13 tháng 5 đến ngày 22 tháng 5 năm 2021*).
5. Bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về bầu cử và nội quy phòng bỏ phiếu.
6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; nhận và chuyển đến Ban bầu cử tương ứng khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân mỗi cấp và các khiếu nại, tố cáo khác không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tổ bầu cử.
7. Kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân từng cấp nhiệm kỳ 2021-2026 để gửi đến các Ban bầu cử tương ứng.
8. Chuyển biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử và toàn bộ phiếu bầu cử đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có khu vực bỏ phiếu khi kết thúc việc kiểm phiếu.
9. Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử theo quy định của các tổ chức phụ trách bầu cử cấp trên.
10. Thực hiện việc bầu cử thêm, bầu cử lại tại khu vực bỏ phiếu (nếu có).

Câu 73. Các tổ chức phụ trách bầu cử hoạt động theo nguyên tắc nào?

Hội đồng bầu cử quốc gia hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Các cuộc họp được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên của Hội đồng bầu cử quốc gia tham dự; các quyết định được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành. Hội đồng bầu cử quốc gia chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo về hoạt động của mình trước Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương (bao gồm các Ủy ban bầu cử, các Ban bầu cử, các Tổ bầu cử) hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa

số. Các cuộc họp được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên tham dự; các quyết định được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành.

Các quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia, của các Ủy ban bầu cử ở các đơn vị hành chính được thông qua và thể hiện dưới hình thức nghị quyết.

Câu 74. Các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương tổ chức công việc như thế nào?

Căn cứ điều kiện cụ thể, cơ quan có thẩm quyền thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử có quyền trung tập cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội giúp việc cho tổ chức phụ trách bầu cử theo quyết định của người đứng đầu tổ chức phụ trách bầu cử.

Các tổ chức phụ trách bầu cử tổ chức quán triệt những nhiệm vụ, quyền hạn của từng tổ chức phụ trách bầu cử đã được Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định; các thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử phải được tập huấn đầy đủ các kỹ năng, nghiệp vụ thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, trong đó đặc biệt chú trọng công tác tập huấn đối với thành viên Tổ bầu cử.

Các tổ chức phụ trách bầu cử thực hiện các công việc theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo tiến độ về tình hình chuẩn bị, triển khai, thực hiện công tác bầu cử với tổ chức phụ trách bầu cử cấp trên trực tiếp và cơ quan có thẩm quyền.

Câu 75. Trách nhiệm của thành viên tổ chức phụ trách bầu cử được quy định như thế nào?

Người đứng đầu tổ chức phụ trách bầu cử phân công, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể đối với từng thành viên trong quá trình thực hiện công tác bầu cử.

Thành viên các tổ chức phụ trách bầu cử có trách nhiệm tham gia đầy đủ việc tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ thực hiện công tác bầu cử; nắm vững và thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; công tâm, khách quan, trung thực trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao, các thành viên tổ chức phụ trách bầu cử phải trao đổi, hội ý công việc, đánh giá rút kinh nghiệm về những công việc đã thực hiện của mỗi thành viên; người đứng đầu tổ chức phụ trách bầu cử chịu trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc các thành viên thực hiện những công việc còn tồn đọng và phân công các thành viên thực hiện các công việc tiếp theo của tổ chức phụ trách bầu cử theo tiến độ thực hiện công tác bầu cử.

Trong ngày bầu cử, các thành viên tổ chức phụ trách bầu cử phải đeo phù

hiệu của tổ chức phụ trách bầu cử cấp mình.

Câu 76. Các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương được sử dụng con dấu như thế nào?

Trong quá trình tổ chức, thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương được cấp và sử dụng thống nhất các con dấu theo mẫu do Hội đồng bầu cử quốc gia quy định (theo Mẫu số 41/HĐBC tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐBCQG ngày 18 tháng 01 năm 2021). Các mẫu dấu này đã được thiết kế để dùng ổn định, lâu dài trong tất cả các cuộc bầu cử để tiết kiệm chi phí và đã được sử dụng trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2016-2021 (năm 2016). Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm chuẩn bị các con dấu của các tổ chức phụ trách bầu cử ở cấp mình; Ủy ban nhân dân cấp xã chuẩn bị con dấu của Tổ bầu cử và con dấu “Đã bỏ phiếu” để bàn giao cho các tổ chức phụ trách bầu cử tương ứng.

Do đó, các con dấu đã được sử dụng trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2016-2021 nếu vẫn trong tình trạng sử dụng tốt và các thông tin về đơn vị hành chính có liên quan (tên loại, tên gọi) không có sự thay đổi, điều chỉnh thì vẫn được sử dụng cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Các tổ chức phụ trách bầu cử có trách nhiệm thực hiện đúng quy định về quản lý và sử dụng con dấu.

Câu 77. Đối với đơn vị hành chính cấp xã chỉ có duy nhất 01 khu vực bỏ phiếu thì Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã có đồng thời thực hiện nhiệm vụ của Tổ bầu cử được hay không?

Tại đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã chỉ có duy nhất một khu vực bỏ phiếu, vẫn thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã và Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu. Thành viên Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã có thể kiêm nhiệm làm thành viên của Tổ bầu cử. Ban bầu cử, Tổ bầu cử thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về bầu cử.

Câu 78. Trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, việc tổ chức bầu cử tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng có điểm gì khác biệt?

Theo các nghị quyết số 97/2019/QH14, số 119/2020/QH14 và số 131/2020/QH14 của Quốc hội thì tại thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng sẽ tổ chức thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị, thành phố Hồ Chí Minh sẽ chính thức thực hiện mô hình chính quyền đô thị từ năm 2021. Theo đó, bắt đầu từ nhiệm kỳ 2021-2026, ở các phường của thành phố Hà Nội sẽ không tổ chức Hội đồng nhân dân phường; ở các quận, phường của thành phố Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh đều không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, Hội đồng nhân

dân phường. Như vậy, việc tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn các thành phố nói trên sẽ được tiến hành như sau:

- Trên địa bàn thành phố Hà Nội, chỉ tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, đại biểu Hội đồng nhân dân các quận, đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã Sơn Tây, đại biểu Hội đồng nhân dân các huyện thuộc thành phố Hà Nội và đại biểu Hội đồng nhân dân các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã của thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2021-2026.

- Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, chỉ tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng, đại biểu Hội đồng nhân dân huyện Hòa Vang và đại biểu Hội đồng nhân dân các xã thuộc huyện Hòa Vang nhiệm kỳ 2021-2026.

- Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, chỉ tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức, đại biểu Hội đồng nhân dân các huyện thuộc thành phố Hồ Chí Minh và đại biểu Hội đồng nhân dân các xã, thị trấn thuộc các huyện của thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2021-2026.

Câu 79. Việc thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng được thực hiện thế nào?

Để tổ chức việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nêu tại Câu 78, thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh sẽ cần thành lập các loại tổ chức phụ trách bầu cử sau đây:

1. Đối với thành phố Hà Nội:

- Thành lập Ủy ban bầu cử ở thành phố Hà Nội để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2021-2026.

- Thành lập Ủy ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở các quận, huyện, thị xã, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội để tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 ở từng đơn vị hành chính tương ứng. Không thành lập Ủy ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại các phường thuộc quận, thị xã của thành phố Hà Nội.

- Thành lập các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội tại mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Thành lập các Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, quận, thị xã, xã, thị trấn tại mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cấp tương ứng. Không thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại các phường thuộc quận, thị xã thuộc thành phố Hà Nội.

- Thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ bầu cử để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân của cấp được tổ chức bầu cử trên địa bàn khu vực bỏ phiếu. Như vậy, Tổ bầu cử được thành lập ở các khu vực bỏ phiếu trên địa bàn các quận nội thành của thành phố Hà Nội và các phường thuộc thị xã Sơn Tây sẽ chỉ thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, đại biểu Hội đồng nhân dân quận hoặc thị xã thuộc thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2021-2026.

2. Đối với thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng:

- Thành lập Ủy ban bầu cử ở thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố nhiệm kỳ 2021-2026.

- Thành lập Ủy ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở thành phố Thủ Đức, các huyện, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, ở huyện Hòa Vang, các xã thuộc huyện Hòa Vang của thành phố Đà Nẵng để tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 ở từng đơn vị hành chính tương ứng. Không thành lập Ủy ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân quận, Ủy ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại các quận và tại các phường thuộc quận của thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng; không thành lập Ủy ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại các phường thuộc thành phố Thủ Đức.

- Thành lập các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội tại mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng.

- Thành lập các Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, xã, thị trấn tại mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cấp tương ứng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Thành lập các Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân huyện Hòa Vang, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các xã thuộc huyện Hòa Vang thuộc thành phố Đà Nẵng. Không thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân quận, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại các phường thuộc quận của thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng; không thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại các phường thuộc thành phố Thủ Đức.

- Thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ bầu cử để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân của cấp được tổ chức bầu cử trên địa bàn khu vực bỏ phiếu. Như vậy, Tổ bầu cử được thành lập ở các khu vực bỏ phiếu trên địa bàn các quận của thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng sẽ chỉ thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2021-2026; Tổ bầu cử được thành lập ở các khu

vực bỏ phiếu trên địa bàn thành phố Thủ Đức chỉ thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức nhiệm kỳ 2021-2026.

Do số lượng các tổ chức phụ trách bầu cử tại các thành phố sẽ tổ chức mô hình chính quyền đô thị có sự giảm bớt khá nhiều so với các đơn vị hành chính thông thường khác, nên để có thể bảo đảm thực hiện có hiệu quả công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn, thì cấp ủy, chính quyền địa phương, đặc biệt là Ủy ban bầu cử ở các thành phố nói trên, cần tập trung đẩy mạnh, tổ chức thực hiện tốt công tác chỉ đạo việc tổ chức bầu cử; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử trên toàn địa bàn thành phố; chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về cuộc bầu cử; chú trọng công tác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn; có phương án chủ động ứng phó với những tình huống thiên tai, dịch bệnh có thể xảy ra trong thời gian tiến hành bầu cử,... Sau khi kết thúc cuộc bầu cử, các tổ chức phụ trách bầu cử cần tiến hành tổng kết cụ thể, chi tiết về việc triển khai thực hiện công tác bầu cử ở địa phương mình để đánh giá, rút kinh nghiệm, chỉ ra các nội dung còn khó khăn, vướng mắc và đề xuất các giải pháp, điều chỉnh cần thiết nhằm thực hiện tốt hơn nữa công tác này trong các kỳ bầu cử tiếp theo.

Câu 80. Khi nào Hội đồng bầu cử quốc gia kết thúc nhiệm vụ?

Hội đồng bầu cử quốc gia kết thúc nhiệm vụ sau khi đã trình Quốc hội khóa XV báo cáo tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước và kết quả xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội được bầu, bàn giao biên bản tổng kết và hồ sơ, tài liệu về bầu cử đại biểu Quốc hội cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV.

Câu 81. Khi nào Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử kết thúc nhiệm vụ?

Ủy ban bầu cử ở cấp tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử kết thúc nhiệm vụ đối với bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV sau khi Hội đồng bầu cử quốc gia kết thúc việc tổng kết công tác bầu cử đại biểu Quốc hội trong cả nước và công bố kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV.

Ủy ban bầu cử ở các cấp kết thúc nhiệm vụ đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp nhiệm kỳ 2021-2026 sau khi Ủy ban bầu cử đã trình báo cáo tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và hồ sơ, tài liệu về bầu cử tại kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân cấp tương ứng nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Tổ bầu cử hết nhiệm vụ đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 sau khi Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng kết thúc việc tổng kết công tác bầu cử và công bố kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cấp mình nhiệm kỳ 2021-2026.

Câu 82. Những trường hợp không được tham gia vào các tổ chức phụ trách bầu cử và việc thay đổi, bổ sung hoặc giữ nguyên thành viên tổ chức

phụ trách bầu cử được quy định như thế nào?

Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân không được làm thành viên Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị bầu cử mà mình ứng cử.

Nếu đã là thành viên của Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị bầu cử mà mình có tên trong Danh sách chính thức những người ứng cử thì người ứng cử phải xin rút khỏi danh sách thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử đó chậm nhất là vào ngày công bố Danh sách chính thức những người ứng cử theo từng đơn vị bầu cử. Trường hợp người ứng cử không có đơn xin rút thì cơ quan đã quyết định thành lập Ban bầu cử, Tổ bầu cử ra quyết định xóa tên người đó khỏi danh sách thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử và bổ sung thành viên khác để thay thế.

Câu 83. Trường hợp bị khuyết thành viên tổ chức phụ trách bầu cử thì xử lý như thế nào?

Trường hợp thành viên tổ chức phụ trách bầu cử bị chết, bị kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc vì lý do khác dẫn đến khuyết thành viên tổ chức phụ trách bầu cử so với số lượng ghi trong quyết định thành lập thì căn cứ tình hình cụ thể của mỗi địa phương, Ủy ban nhân dân sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thay đổi, bổ sung thành viên tổ chức phụ trách bầu cử ở cấp mình trước ngày bầu cử.

Câu 84. Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử có được cử thêm chức danh Thư ký Ủy ban bầu cử và Thư ký Ban bầu cử để thường xuyên giúp việc cho các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương hay không?

Các luật bầu cử trước đây có quy định về chức danh Thư ký Ủy ban bầu cử, Thư ký Ban bầu cử trong số các thành viên của Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử. Tuy nhiên, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 không có quy định cụ thể về chức danh này. Điều 4 của Thông tư số 01/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 đã nêu rõ: Người đứng đầu tổ chức phụ trách bầu cử chịu trách nhiệm phân công nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của từng thành viên tổ chức phụ trách bầu cử cấp mình từ giai đoạn chuẩn bị, triển khai, tổ chức ngày bầu cử, các công việc tiến hành sau ngày bầu cử cho đến khi kết thúc cuộc bầu cử; trong đó phân công một thành viên làm thư ký chịu trách nhiệm quản lý tài liệu, con dấu, tổng hợp chung công tác bầu cử của Ủy ban bầu cử và Ban bầu cử. Do đó, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử có thể phân công một Phó Trưởng ban hoặc một Ủy viên thực hiện các nhiệm vụ của Thư ký Ủy ban bầu cử, Thư ký Ban bầu cử trước đây mà không cần có chức danh riêng cho công tác này.

Câu 85. Địa phương có thể thành lập thêm các tổ chức trung gian ở xã, phường, thị trấn và ở các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh để giúp các Ban bầu cử tập hợp kết quả bầu cử được không?

Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân đã quy định rõ về các tổ chức phụ trách bầu cử ở trung ương và ở địa phương. Nhiệm vụ, quyền hạn của từng loại tổ chức phụ trách bầu cử cũng đã được quy định rất cụ thể. Vì vậy, để bảo đảm thống nhất và phù hợp với các quy định của pháp luật, các địa phương không được thành lập thêm các tổ chức trung gian để tập hợp kết quả bầu cử hoặc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác mà Luật đã quy định cho các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương.

Câu 86. Việc trung tập người để hỗ trợ hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử được thực hiện như thế nào?

Hội đồng bầu cử quốc gia có quyền trung tập cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để giúp việc cho Hội đồng bầu cử quốc gia.

Cơ quan có thẩm quyền thành lập tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương có quyền trung tập cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập để giúp thực hiện các công việc liên quan đến tổ chức bầu cử.

PHẦN THỨ BA CỬ TRI VÀ DANH SÁCH CỬ TRI

Câu 87. Những người nào được gọi là cử tri?

Cử tri là người có quyền bầu cử. Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam – là người có quốc tịch Việt Nam, tính đến ngày bầu cử (Ngày 23 tháng 5 năm 2021), đủ 18 tuổi trở lên và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về bầu cử đều có quyền bầu cử.

Câu 88. Việc xác định một người có quốc tịch Việt Nam được quy định như thế nào?

Theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam, người được xác định có quốc tịch Việt Nam (là công dân Việt Nam) nếu có một trong những căn cứ sau đây:

1. Cha, mẹ đều là công dân Việt Nam, được sinh ra ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài.

2. Cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là người không quốc tịch hoặc có mẹ là công dân Việt Nam còn cha không rõ là ai, được sinh ra ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài.

3. Cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam, còn người kia là công dân nước ngoài, nếu cha mẹ có sự thỏa thuận bằng văn bản về việc chọn quốc tịch Việt Nam vào thời điểm đăng ký khai sinh cho con.

4. Cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài mà được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam và cha mẹ không thỏa thuận được việc lựa chọn quốc tịch cho con.

5. Được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có cha mẹ đều là người không quốc tịch, nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam.

6. Được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có mẹ là người không quốc tịch, nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam, còn cha không rõ là ai.

7. Người được nhập quốc tịch Việt Nam.

8. Người được trở lại quốc tịch Việt Nam.

9. Trẻ sơ sinh bị bỏ rơi và trẻ em được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam mà không rõ cha mẹ là ai.

10. Trẻ em là công dân Việt Nam được người nước ngoài nhận làm con nuôi thì vẫn giữ quốc tịch Việt Nam.

11. Trẻ em là người nước ngoài được công dân Việt Nam nhận làm con nuôi thì có quốc tịch Việt Nam, kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam công nhận việc nuôi con nuôi.

12. Người có quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà

Việt Nam là thành viên.

Khi có sự thay đổi về quốc tịch do nhập, trở lại hoặc thôi quốc tịch Việt Nam của cha mẹ thì quốc tịch của con chưa thành niên sinh sống cùng với cha mẹ cũng được thay đổi theo quốc tịch của họ (nếu người con từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi phải được sự đồng ý bằng văn bản của người con).

Người đã có quốc tịch Việt Nam mà bị mất quốc tịch Việt Nam, được Chủ tịch nước quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam, hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, bị tước quốc tịch Việt Nam thì không còn là công dân Việt Nam.

Người có quốc tịch Việt Nam có thể được chứng minh bằng một trong các loại giấy tờ sau đây:

1. Giấy khai sinh; trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ.
2. Giấy chứng minh nhân dân, Căn cước công dân hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương.
3. Hộ chiếu Việt Nam.
4. Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài, Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.

Câu 89. Cách tính tuổi công dân để ghi tên vào danh sách cử tri được quy định như thế nào?

Công dân từ đủ 18 tuổi tính đến Ngày bầu cử 23 tháng 5 năm 2021, tức là ***có ngày sinh từ ngày 23 tháng 5 năm 2003 trở về trước*** thì được xác định là đủ tuổi để được ghi vào danh sách cử tri để bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Cách tính tuổi công dân được thực hiện như sau:

- Tuổi của công dân được tính từ ngày, tháng, năm sinh ghi trong Giấy khai sinh đến ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 đã được ấn định (ngày 23 tháng 5 năm 2021). Trường hợp không có Giấy khai sinh thì căn cứ vào thông tin ghi trong Sổ hộ khẩu hoặc Giấy chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Hộ chiếu để tính tuổi thực hiện quyền bầu cử, ứng cử.

- Mỗi tuổi tròn được tính từ ngày, tháng sinh dương lịch của năm trước đến ngày, tháng sinh dương lịch của năm sau.

- Trường hợp không xác định được ngày sinh thì lấy ngày 01 của tháng sinh làm căn cứ để xác định tuổi thực hiện quyền bầu cử và ứng cử. Trường hợp không xác định được ngày và tháng sinh thì lấy ngày 01 tháng 01 của năm sinh

làm căn cứ để xác định tuổi thực hiện quyền bầu cử và ứng cử.

Câu 90. Những người nào không được ghi tên vào danh sách cử tri?

Những người thuộc các trường hợp sau đây không được ghi tên vào danh sách cử tri:

- Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.
- Người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án.
- Người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo.
- Người mất năng lực hành vi dân sự.

Câu 91. Người bị Tòa án kết án phạt tù nhưng được hưởng án treo thì có được ghi tên vào danh sách cử tri để thực hiện quyền bầu cử không?

Khoản 1 Điều 30 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định: “Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri”. Như vậy, công dân đủ 18 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự, bị Tòa án kết án phạt tù nhưng được hưởng án treo, nếu không bị tước quyền bầu cử (trong bản án không ghi hình phạt bị tước quyền bầu cử) vẫn có quyền bầu cử và được ghi tên vào danh sách cử tri ở nơi mình cư trú để tham gia bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

Câu 92. Người bị kết án phạt tù nhưng được hoãn chấp hành hình phạt tù hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù thì có được ghi tên vào danh sách cử tri để thực hiện quyền bầu cử không?

Khoản 1 Điều 30 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định: “Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri”. Như vậy, những người bị kết án phạt tù nhưng được hoãn chấp hành hình phạt tù hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù thì không được tính là đang trong thời hạn chấp hành hình phạt tù và vẫn được ghi tên vào danh sách cử tri để thực hiện quyền bầu cử.

Câu 93. Thế nào là người mất năng lực hành vi dân sự? Người có dấu hiệu bị bệnh tâm thần nhưng không có điều kiện tổ chức khám và xác nhận của cơ quan y tế thì có được ghi tên vào danh sách cử tri hay không?

Khi một người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên

quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần. Người bị mất năng lực hành vi dân sự sẽ không được thực hiện quyền ứng cử và bầu cử.

Trên thực tế, bệnh nhân tâm thần thường không cư trú cố định ở một nơi. Mạng lưới y tế chuyên khoa hiện tại cũng chưa phát triển rộng khắp nên chưa khám và xác định được họ. Do đó, ở địa phương, nếu có trường hợp có biểu hiện bệnh lý tâm thần rõ rệt, thường xuyên không làm chủ được nhận thức và hành vi thì tuy chưa có điều kiện tổ chức khám và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền, chưa được Tòa án tuyên bố là người mất năng lực hành vi dân sự nhưng gia đình, người giám hộ có cam kết và chính quyền địa phương xác nhận thì họ cũng bị coi là người mất năng lực hành vi dân sự và không được ghi tên vào danh sách cử tri.

Câu 94. Người vừa câm, vừa điếc có được ghi tên vào danh sách cử tri hay không?

Người vừa câm, vừa điếc nếu không thuộc các trường hợp không được ghi tên vào danh sách cử tri quy định tại Điều 30 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì vẫn được ghi tên vào danh sách cử tri để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Câu 95. Việc lập danh sách cử tri được tiến hành như thế nào?

Danh sách cử tri do Ủy ban nhân dân cấp xã lập theo khu vực bỏ phiếu (theo Mẫu số 33/HĐBC); đối với những nơi không có đơn vị hành chính cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp huyện lập danh sách cử tri theo từng khu vực bỏ phiếu. Danh sách cử tri trong đơn vị vũ trang nhân dân do chỉ huy đơn vị lập theo đơn vị vũ trang nhân dân để đưa vào danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu nơi đơn vị đóng quân. Việc lập danh sách cử tri phải được hoàn thành **chậm nhất là ngày 04 tháng 4 năm 2021** (50 ngày trước ngày bầu cử).

Mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát Thẻ cử tri bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 (theo Mẫu số 11/HĐBC), trừ những người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự.

Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cử tri trên địa bàn đơn vị hành chính cấp xã về việc lập danh sách cử tri theo từng khu vực bỏ phiếu. Các cử tri đang đăng ký thường trú tại địa bàn được ghi tên vào danh sách cử tri tại nơi mình thường trú; trường hợp cử tri có nguyện vọng bỏ phiếu ở nơi khác thì cần thông báo lại để Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đã đăng ký

thường trú biết và không ghi tên vào danh sách cử tri ở địa phương. Trong quá trình lập danh sách cử tri, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ ghi vào danh sách những cử tri thuộc diện đăng ký tạm trú ở địa phương mình nếu cử tri đó thể hiện rõ nguyện vọng được tham gia bỏ phiếu tại nơi mình đang tạm trú (có thể bằng văn bản hoặc trực tiếp bằng lời nói với người có trách nhiệm, ví dụ như trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc cán bộ phụ trách công tác lập danh sách cử tri của Ủy ban nhân dân cấp xã...).

Sau khi danh sách cử tri đã được lập và công bố, việc thay đổi, bổ sung danh sách được thực hiện theo quy định của Luật và văn bản quy định về các mẫu văn bản sử dụng trong bầu cử của Hội đồng bầu cử quốc gia.

Câu 96. Việc lập danh sách cử tri và cấp Thẻ cử tri đối với các đơn vị vũ trang nhân dân được thực hiện như thế nào?

Trong trường hợp đơn vị vũ trang nhân dân và địa phương có chung khu vực bỏ phiếu thì chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân lập danh sách cử tri trong đơn vị và chuyển cho Ủy ban nhân dân cấp xã để đưa vào danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu. Trong danh sách cử tri (theo Mẫu số 33/HĐBC), đối với cử tri là quân nhân, cột “nghề nghiệp” ghi chung là “lực lượng vũ trang”; cột “nơi cư trú” ghi tên đơn vị hành chính cấp xã nơi đơn vị vũ trang nhân dân đóng quân, không ghi tên hoặc phiên hiệu đơn vị vũ trang nhân dân; cử tri là quân nhân tham gia bầu cử tại nơi đóng quân chỉ thực hiện việc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký, đóng dấu vào danh sách cử tri và Thẻ cử tri và chuyển lại cho đơn vị vũ trang nhân dân để thực hiện việc niêm yết tại đơn vị và phát Thẻ cử tri cho quân nhân.

Trường hợp đơn vị vũ trang nhân dân được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng thì chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân tổ chức việc lập danh sách cử tri, ghi Thẻ cử tri đối với các cử tri là quân nhân trong đơn vị và chuyển cho Ủy ban nhân dân cấp xã để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký, đóng dấu vào danh sách cử tri và Thẻ cử tri. Danh sách cử tri chỉ được niêm yết trong phạm vi đơn vị vũ trang nhân dân. Quân nhân đã đăng ký thường trú, tạm trú ở địa phương gần khu vực đóng quân có thể được chỉ huy đơn vị cấp giấy chứng nhận để được ghi tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu ở nơi cư trú (theo Mẫu số 13/HĐBC). Khi cấp giấy chứng nhận, chỉ huy đơn vị phải ghi ngay vào danh sách cử tri tại đơn vị vũ trang nhân dân bên cạnh tên người đó cụm từ “Bỏ phiếu ở nơi cư trú”.

Trường hợp 01 đơn vị vũ trang nhân dân có doanh trại đóng quân tập trung trên địa bàn của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thì chỉ huy đơn vị trao đổi với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đơn vị đóng quân, đề nghị chỉ định Ủy ban nhân dân của 01 trong các đơn vị hành chính cấp xã liên quan phối hợp thực hiện việc lập danh sách cử tri và phát Thẻ cử tri cho cử tri tại đơn vị vũ trang nhân dân.

Câu 97. Việc niêm yết danh sách cử tri được tiến hành như thế nào?

Chậm nhất là ngày 14 tháng 4 năm 2021 (40 ngày trước ngày bầu cử), Ủy ban nhân dân cấp xã đã lập danh sách cử tri phải niêm yết danh sách đó tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại những địa điểm công cộng của khu vực bỏ phiếu, đồng thời thông báo rộng rãi danh sách cử tri và việc niêm yết để Nhân dân kiểm tra.

Câu 98. Quyền bầu cử của các cử tri có giống nhau hay không?

Tùy thuộc thời gian cư trú hoặc quan hệ gắn bó với địa phương nơi đăng ký tham gia bầu cử mà Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân đã quy định từng nhóm đối tượng cử tri có phạm vi tham gia bầu cử không hoàn toàn giống nhau. Cụ thể là:

- Cử tri là người đăng ký thường trú tại khu vực bỏ phiếu và cử tri là người đăng ký tạm trú, có thời gian đăng ký tạm trú tại đơn vị hành chính cấp xã nơi có đơn vị bỏ phiếu từ đủ 12 tháng trở lên thì được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cả 3 cấp: cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã (trừ nơi không có đơn vị hành chính cấp xã hoặc nơi thực hiện mô hình chính quyền đô thị không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, phường).

- Cử tri là người đăng ký tạm trú tại đơn vị hành chính cấp xã nơi có khu vực bỏ phiếu và có thời gian đăng ký tạm trú chưa đủ 12 tháng thì chỉ được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện ở nơi mình tạm trú nếu có nguyện vọng tham gia bỏ phiếu tại nơi tạm trú.

- Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Câu 99. Những trường hợp nào cử tri chỉ được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh?

- Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc chỉ được ghi tên vào danh sách cử tri để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Cử tri vì đi nơi khác, không thể tham gia bỏ phiếu ở nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì làm thủ tục để được bổ sung tên vào danh sách cử tri và tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi mình có thể tham gia bỏ phiếu.

- Cử tri thuộc danh sách cử tri ở các khu vực bỏ phiếu được tổ chức trên địa bàn các quận của thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng (nơi tổ chức mô hình chính quyền đô thị không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, phường).

Câu 100. Những trường hợp nào cử tri chỉ được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện?

- Cử tri là người tạm trú tại đơn vị hành chính cấp xã và có thời gian đăng ký tạm trú chưa đủ 12 tháng chỉ được ghi tên vào danh sách cử tri để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện nơi mình đang tạm trú.

- Cử tri là quân nhân ở các đơn vị vũ trang nhân dân được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện ở nơi tạm trú hoặc đóng quân.

- Công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ thì làm thủ tục để được ghi tên vào danh sách cử tri ở nơi tạm trú và tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

- Người chuyển đến tạm trú ở nơi khác với đơn vị hành chính cấp xã mà mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri và có nguyện vọng tham gia bầu cử ở nơi tạm trú mới thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi tạm trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

- Cử tri thuộc danh sách cử tri ở các khu vực bỏ phiếu được tổ chức trên địa bàn thành phố Thủ Đức, địa bàn các quận, thị xã của thành phố Hà Nội (nơi thực hiện mô hình chính quyền đô thị không tổ chức Hội đồng nhân dân phường).

Câu 101. Những trường hợp nào cử tri được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cả ba cấp?

Cử tri được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ở cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã khi thuộc các trường hợp sau đây:

- Cử tri là người thường trú tại đơn vị hành chính cấp xã nơi có khu vực bỏ phiếu.

- Cử tri là người tạm trú tại đơn vị hành chính cấp xã nơi có khu vực bỏ phiếu và có thời gian đăng ký tạm trú từ đủ 12 tháng trở lên.

- Công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ đã làm thủ tục để được ghi tên vào danh sách cử tri ở nơi thường trú.

- Người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ mà được trả tự do hoặc đã hết thời gian giáo dục bắt

buộc, cai nghiện bắt buộc và đã làm thủ tục để được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi có trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc và được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi thường trú.

Câu 102. Quyền bầu cử của người tự nguyện xin vào cai nghiện, chữa trị tại cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện được thực hiện như thế nào?

Khoản 5 Điều 29 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định: “Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc”. Như vậy, quy định này chỉ áp dụng đối với cử tri là người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Đối với cử tri là người tự nguyện xin vào cai nghiện, chữa trị tại cơ sở cai nghiện bắt buộc thì việc bảo đảm thực hiện quyền bầu cử được xác định như đối với cử tri là người tạm trú quy định tại khoản 3 Điều 29 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Theo đó, nếu đến trước ngày bầu cử những cử tri này trở về nơi thường trú thì được bổ sung tên vào danh sách cử tri ở nơi thường trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân ở cả ba cấp tỉnh, huyện, xã. Trường hợp đến ngày bầu cử họ vẫn đang thực hiện việc cai nghiện, chữa trị ở cơ sở cai nghiện, nếu thời gian từ khi bắt đầu cai nghiện, chữa trị tại cơ sở đến ngày bầu cử chưa đủ 12 tháng thì những cử tri này được tham gia bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện; nếu thời gian từ khi bắt đầu cai nghiện, chữa trị tại cơ sở đến ngày bầu cử là từ đủ 12 tháng trở lên thì họ được tham gia bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ở cả ba cấp tại khu vực bỏ phiếu nơi có cơ sở cai nghiện.

Câu 103. Cử tri là người di cư tự do, chưa đăng ký thường trú hoặc tạm trú tại địa phương thì có quyền tham gia bầu cử đại biểu ở cấp nào?

Về nguyên tắc, mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát Thẻ cử tri để thực hiện quyền bầu cử. Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú. Trên thực tế, ở một số địa phương, nhất là các tỉnh khu vực Tây Nguyên đang có một số lượng khá lớn người di cư tự do sinh sống thực tế trên địa bàn nhưng chưa thể hoàn thành thủ tục đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương do nhiều lý do khác nhau (ví dụ như chưa có chỗ ở hợp pháp, chưa hoàn thành thủ tục hành chính hoặc không thực hiện việc đăng ký do không hiểu luật...). Do đó, để bảo đảm quyền bầu cử của cử tri là người di cư tự do, tránh gây phiền hà cho cử tri trong việc thực hiện quyền cơ bản của công dân, thì theo hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia từ cuộc bầu cử năm 2016, Ủy ban nhân dân cấp xã cần thông tin cho cử tri trên địa bàn biết về cách thức thực

hiện quyền bầu cử và việc lập danh sách cử tri để cử tri quyết định nơi mình đăng ký thực hiện quyền bầu cử (có thể là trở về nơi họ đang đăng ký thường trú hoặc tạm trú). Trường hợp cử tri vẫn có nguyện vọng được thực hiện việc bầu cử tại địa phương nơi họ đang thực tế sinh sống thì địa phương tạo điều kiện để ghi tên những cử tri này vào danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu tương ứng nơi họ đang thực tế sinh sống và thực hiện quyền bầu cử như đối với cử tri là người tạm trú, có thời gian đăng ký tạm trú chưa đủ 12 tháng (do không có cơ sở để xác định thời gian bắt đầu cư trú tại địa phương).

Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức để cử tri là người di cư tự do chưa đăng ký thường trú hoặc tạm trú tham gia bỏ phiếu tại khu vực bỏ phiếu của địa phương được xác định trên cơ sở các thôn, bản, cụm dân cư hiện có trên địa bàn.

Câu 104. Cử tri đăng ký thường trú ở địa phương nhưng đi lao động, học tập ở địa phương khác nên thường xuyên không có mặt ở nơi thường trú dài ngày thì việc bảo đảm quyền bầu cử cho họ được thực hiện như thế nào?

Trường hợp cử tri đã đăng ký thường trú ở địa phương, nếu đã làm thủ tục khai báo tạm vắng trước khi đi lao động, học tập tại địa phương khác thì được coi là không thường trú tại địa phương. Ủy ban nhân dân cấp xã tại nơi công dân đăng ký thường trú không ghi tên công dân đó vào danh sách cử tri. Trong trường hợp này, công dân có quyền đăng ký để được ghi tên vào danh sách cử tri ở nơi mình đang tạm trú và thực hiện quyền bầu cử tại nơi tạm trú.

Trường hợp cử tri trở về nơi thường trú trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú đề nghị được bổ sung tên vào danh sách cử tri và nhận Thẻ cử tri bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Trường hợp công dân đã đăng ký thường trú ở địa phương nhưng chưa làm thủ tục khai báo tạm vắng trước khi đi lao động, học tập tại địa phương khác thì dù trên thực tế đã vắng mặt dài ngày ở nơi thường trú, Ủy ban nhân dân cấp xã vẫn phải ghi tên công dân đó vào danh sách cử tri để họ thực hiện quyền bầu cử ở địa phương, trừ trường hợp bản thân cử tri hoặc người thân của cử tri đó đã thông báo nguyện vọng của cử tri về việc không tham gia bỏ phiếu ở nơi thường trú. Đồng thời cần có biện pháp thông tin phù hợp để cử tri biết về việc danh sách cử tri và thực hiện quyền bầu cử của mình.

Câu 105. Cử tri là sinh viên của các cơ sở giáo dục đại học hoặc là công nhân khu công nghiệp có thể được ghi tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu tại khu vực bỏ phiếu nơi có cơ sở giáo dục hoặc nơi có khu nhà ở tập trung của khu công nghiệp để tiện cho việc tham gia bỏ phiếu có được không?

Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân đã quy định:

“Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú”. Như vậy, về nguyên tắc, cử tri là sinh viên, công nhân cần đăng ký để được ghi tên vào danh sách cử tri nơi mình thường trú hoặc tạm trú.

Trường hợp trường đại học, cao đẳng hoặc khu công nghiệp được thành lập khu vực bỏ phiếu riêng thì cử tri là cán bộ, giáo viên, sinh viên, công nhân không thường trú hoặc tạm trú trong khu ký túc xá hoặc khu nhà ở tập trung của khu công nghiệp mà có nguyện vọng tham gia bầu cử tại khu vực bỏ phiếu nơi có trường đại học, cao đẳng hoặc khu công nghiệp (để thuận lợi hơn cho công việc và sinh hoạt của bản thân) có quyền xin cấp giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đã có tên trong danh sách cử tri (theo Mẫu số 12/HĐBC) để được bổ sung vào danh sách cử tri tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo khu vực bỏ phiếu mới.

Câu 106. Những người tạm vắng khỏi nơi cư trú kể từ ngày danh sách cử tri được niêm yết cho đến ngày bỏ phiếu vì các lý do khác nhau thì thực hiện quyền bầu cử ở đâu?

Từ khi niêm yết danh sách cử tri cho đến ngày bầu cử, nếu cử tri nào vì đi nơi khác, không thể tham gia bỏ phiếu ở nơi mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri (ví dụ như đi công tác, đi học, du lịch, nghỉ dưỡng, chữa bệnh, thăm thân...) thì có thể xin giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đã có tên trong danh sách cử tri (theo Mẫu số 12/HĐBC) để được bổ sung tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi mình có thể tham gia bỏ phiếu. Khi cấp giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp xã phải ghi ngay vào danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu thuộc địa phương mình bên cạnh tên cử tri cụm từ “Bỏ phiếu ở nơi khác”.

Trường hợp người đã được ghi tên vào danh sách cử tri ở 01 khu vực bỏ phiếu nhưng gần đến ngày bầu cử được chuyển đi cách ly y tế tập trung ở địa phương khác cho đến hết ngày bầu cử theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và không thể thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận để đi bỏ phiếu ở nơi khác như đã nêu ở trên thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã lập danh sách cử tri có trách nhiệm nắm thông tin, chủ động cấp giấy chứng nhận và gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở cách ly tập trung để đề nghị bổ sung người này vào danh sách cử tri và cấp Thẻ cử tri mới nhằm giúp họ thực hiện quyền bầu cử theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân nơi đã lập danh sách cử tri ban đầu có trách nhiệm cập nhật vào danh sách cử tri cùng dòng với họ và tên của người bị đưa đi cách ly tập trung nội dung ghi chú “bỏ phiếu ở nơi khác do cách ly y tế”.

Câu 107. Việc điều chỉnh, bổ sung danh sách cử tri sau khi danh sách cử tri đã được lập và niêm yết được thực hiện như thế nào?

Từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, việc điều chỉnh, bổ sung danh sách cử tri ở khu vực bỏ phiếu được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- Người thay đổi nơi thường trú ra ngoài đơn vị hành chính cấp xã nơi mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi thường trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi thường trú mới để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; những người chuyển đến tạm trú ở nơi khác với đơn vị hành chính cấp xã mà mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri và có nguyện vọng tham gia bầu cử ở nơi tạm trú mới thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi tạm trú mới để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện. Khi xóa tên cử tri trong danh sách cử tri và cấp Giấy chứng nhận để cử tri đi bỏ phiếu ở nơi khác, Ủy ban nhân dân cấp xã phải ghi ngay vào danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu thuộc địa phương mình bên cạnh tên cử tri cụm từ “Bỏ phiếu ở nơi khác”.

- Người bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự, nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ được khôi phục lại quyền bầu cử, được trả lại tự do hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận không còn trong tình trạng mất năng lực hành vi dân sự thì tùy theo nguyện vọng của bản thân mà được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi đăng ký thường trú để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã hoặc được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi đăng ký tạm trú để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

- Công dân Việt Nam từ nước ngoài trở về trong khoảng thời gian nói trên, nếu chưa được ghi tên vào danh sách cử tri ở khu vực bỏ phiếu nào thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú tùy theo nguyện vọng của bản thân, xuất trình hộ chiếu để được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (nếu xuất trình tại nơi đăng ký thường trú) hoặc bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện (nếu xuất trình tại nơi đăng ký tạm trú).

- Cử tri nào vì đi nơi khác, không thể tham gia bỏ phiếu ở nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì có quyền xin giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đã có tên trong danh sách cử tri để được bổ sung tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi mình có thể tham gia bỏ phiếu. Khi cấp giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp xã phải ghi ngay vào danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu thuộc địa phương mình bên cạnh tên cử tri cụm từ “Bỏ phiếu ở nơi khác”.

- Người đã có tên trong danh sách cử tri mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị Tòa án tước quyền bầu cử, phải chấp hành hình phạt tù hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Ủy ban nhân dân cấp xã xóa tên người đó trong danh sách cử

tri và thu hồi Thẻ cử tri.

Khác với trước đây, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 không quy định về việc bổ sung cử tri vắng lai vào danh sách cử tri ngay tại phòng bỏ phiếu trong ngày bầu cử. Do đó, về nguyên tắc, những thay đổi liên quan đến cử tri (như từ nước ngoài trở về Việt Nam, thay đổi nơi thường trú, được trả tự do,...) sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết phải được thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, trừ trường hợp bị xóa tên trong danh sách cử tri thì tính đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu. Đối với cử tri đã được cấp giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân nơi mình đã có tên trong danh sách cử tri để được bổ sung tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi mình có thể tham gia bỏ phiếu (theo Mẫu số 12/HĐBC hoặc Mẫu số 13/HĐBC) thì **việc bổ sung tên vào danh sách cử tri ở nơi mới cũng được tính đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu**. Sau thời điểm bắt đầu bỏ phiếu thì Ủy ban nhân dân cấp xã không thực hiện việc bổ sung danh sách cử tri nữa. Trong các biên bản kết quả kiểm phiếu của Tổ bầu cử (theo Mẫu số 20/HĐBC-QH và Mẫu số 25/HĐBC-HĐND), thì tổng số cử tri của khu vực bỏ phiếu được xác định là số cử tri trong danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu được cập nhật đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu.

Câu 108. Còn có những lưu ý gì nữa trong quá trình lập, điều chỉnh, bổ sung danh sách cử tri?

Trong quá trình nắm thông tin địa bàn, tiếp nhận yêu cầu, kiến nghị của cử tri để lập, điều chỉnh, bổ sung danh sách cử, cán bộ thực hiện việc lập danh sách cần ghi chú rõ một số nội dung sau đây:

- Đối với cử tri là người đăng ký tham gia bỏ phiếu ở nơi tạm trú, cần ghi chú cụ thể thời điểm bắt đầu tạm trú tại địa bàn. Nếu đã tạm trú từ năm 2019 trở về trước thì chỉ cần ghi năm bắt đầu tạm trú; nếu tạm trú từ năm 2020 trở về đây thì ghi rõ tháng, năm bắt đầu đăng ký tạm trú để làm cơ sở xác định số cấp đại biểu Hội đồng nhân dân mà cử tri được tham gia bỏ phiếu bầu cử.

- Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc thì ghi chú rõ là “người đang bị tạm giam”, “người đang bị tạm giữ” hoặc “người đang chấp hành biện pháp ... (ghi tên biện pháp xử lý hành chính)”.

- Đối với cử tri là người ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể trực tiếp đi bỏ phiếu; người đang bị cách ly y tế tập trung tại các cơ sở điều trị Covid-19 hoặc các địa điểm cách ly y tế tập trung khác và người đang bị cách ly y tế tại nhà để thực hiện phòng, chống dịch bệnh thì cần ghi chú rõ để dự trù, có kế hoạch đưa hòm phiếu phụ và phiếu bầu cử đến để những cử tri này được thực hiện quyền bầu cử.

- Đối với cử tri có tên trong danh sách nhưng đã được cấp giấy chứng nhận

để tham gia bỏ phiếu ở nơi khác thì phải ghi chú rõ “Bỏ phiếu ở nơi khác”; cử tri là quân nhân trong danh sách cử tri tại đơn vị vũ trang nhân dân đã xin cấp giấy chứng nhận để tham gia bỏ phiếu ở nơi cư trú thì ghi chú rõ “Bỏ phiếu ở nơi cư trú” để không tính vào tổng số cử tri ở đơn vị bầu cử nữa.

Câu 109. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại về danh sách cử tri được thực hiện như thế nào?

Khi kiểm tra danh sách cử tri, nếu thấy có sai sót thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày niêm yết, công dân có quyền khiếu nại với cơ quan lập danh sách cử tri. Cơ quan lập danh sách cử tri phải ghi vào sổ những khiếu nại đó. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, cơ quan lập danh sách cử tri phải giải quyết và thông báo cho người khiếu nại biết kết quả giải quyết.

Trường hợp người khiếu nại không đồng ý về kết quả giải quyết khiếu nại hoặc hết thời hạn giải quyết mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có cơ quan lập danh sách cử tri.

Thời hiệu khởi kiện được quy định tại Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính như sau: Từ ngày nhận được thông báo kết quả giải quyết khiếu nại của cơ quan lập danh sách cử tri hoặc kết thúc thời hạn giải quyết khiếu nại mà không nhận được thông báo kết quả giải quyết khiếu nại của cơ quan lập danh sách cử tri đến trước ngày bầu cử 05 ngày.

Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện, Chánh án Tòa án phân công một Thẩm phán thụ lý ngay vụ án. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày thụ lý vụ án, Thẩm phán được phân công thụ lý vụ án phải ra quyết định đưa vụ án ra xét xử hoặc đình chỉ vụ án và trả lại đơn kiện. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa xét xử. Bản án, quyết định đình chỉ vụ án giải quyết khiếu kiện về danh sách cử tri có hiệu lực thi hành ngay. Đương sự không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân không có quyền kháng nghị. Tòa án phải gửi ngay bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án cho đương sự và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Câu 110. Cách thức ghi số Thẻ cử tri theo danh sách cử tri?

Căn cứ vào Nghị quyết số 41/NQ-HĐBCQG ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia hướng dẫn mẫu hồ sơ ứng cử, mẫu phiếu bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu và các mẫu văn bản sử dụng trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 (tại Mẫu số 11/HĐBC và Mẫu số 33/HĐBC), thì trong danh sách cử tri lập theo từng khu vực bỏ phiếu, họ và tên cử tri xếp theo hộ gia đình hoặc theo tổ chức, đơn vị nơi cử tri đăng ký tham gia bỏ phiếu (ví dụ bệnh viện, nhà an dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, đơn vị vũ trang nhân dân,...). Trường hợp danh sách lập theo hộ gia đình thì tên chủ hộ xếp lên đầu; các hộ xếp theo thứ tự từ đầu xóm đến cuối xóm (ở nông thôn), từ đầu phố đến cuối phố (ở thành thị) hoặc theo một thứ tự thích hợp với đặc điểm của địa phương. Số Thẻ cử tri được ghi theo số thứ

tự của cử tri trong danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu tương ứng.

Câu 111. Việc ghi họ và tên cử tri trên Thẻ cử tri và Danh sách cử tri bằng chữ in hoa hay chữ thường?

Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cùng các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia không quy định cụ thể việc ghi họ và tên cử tri trên Thẻ cử tri và danh sách cử tri bằng chữ in hoa hay in thường. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, tùy tình hình thực tế địa phương có thể hướng dẫn ghi họ và tên cử tri trong Thẻ cử tri và Danh sách cử tri bằng chữ in hoa hoặc chữ in thường, nhưng phải bảo đảm chính xác, rõ ràng, đầy đủ các nội dung theo hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐBCQG ngày 18 tháng 01 năm 2021.

PHẦN THỨ TƯ
VIỆC ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI,
ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Câu 112. Thế nào là người được giới thiệu ứng cử và thế nào là người tự ứng cử?

Người được giới thiệu ứng cử là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan lực lượng vũ trang hoặc người lao động tiêu biểu, xuất sắc đang công tác tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị vũ trang nhân dân hoặc thành viên tiêu biểu của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, người của thôn, tổ dân phố bảo đảm đủ tiêu chuẩn, điều kiện ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và được các cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc thôn, tổ dân phố (đối với ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã) lựa chọn theo thủ tục nhất định để giới thiệu ra ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và đã hoàn thành việc nộp hồ sơ ứng cử theo đúng quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Người tự ứng cử là người tự thấy mình có đủ tiêu chuẩn, điều kiện ứng cử đại biểu Quốc hội hay đủ tiêu chuẩn, điều kiện ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, có nguyện vọng ứng cử đại biểu Quốc hội hoặc ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và đã hoàn thành việc nộp hồ sơ ứng cử theo đúng quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Câu 113. Người ứng cử phải đáp ứng các tiêu chuẩn nào?

Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Luật Tổ chức Quốc hội và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Theo các quy định mới được sửa đổi, bổ sung của 02 đạo luật nói trên thì đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải có các tiêu chuẩn sau đây:

- Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam.

- Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

- Có trình độ văn hóa, chuyên môn, có đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng

nhân dân.

- Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

- Có điều kiện tham gia các hoạt động của Quốc hội, hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Người tự ứng cử, người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của địa phương nào thì phải là người đang cư trú hoặc công tác thường xuyên ở địa phương đó.

Ngoài ra, đối với người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội đang công tác tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước ngoài việc đảm bảo các tiêu chuẩn chung còn phải là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tiêu biểu, xuất sắc; có quan điểm, lập trường chính trị vững vàng, có năng lực phân tích, hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật, có chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn phù hợp với vị trí dự kiến, thể hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, không vi phạm quy định về những điều đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức không được làm.

Đối với người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đang công tác tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước nói chung phải là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tiêu biểu; có tư tưởng chính trị vững vàng; có năng lực xây dựng chính sách và khả năng tổ chức hoạt động giám sát, có chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn phù hợp với vị trí dự kiến; thể hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, không vi phạm quy định về những điều đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức không được làm.

Không giới thiệu và đưa vào danh sách ứng cử người có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực; có tư tưởng cục bộ, bảo thủ, trì trệ; đang bị thanh tra, kiểm tra dấu hiệu vi phạm; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ, việc tham nhũng, lãng phí, mất đoàn kết; những người vi phạm Quy định số 126-QĐ/TW ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ Chính trị hoặc có vấn đề về chính trị chưa được kết luận. Kiên quyết không để lọt những người không xứng đáng, những người chạy chức, chạy quyền tham gia Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

Ngoài các tiêu chuẩn chung nói trên, người được giới thiệu ứng cử để làm làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách còn cần đáp ứng thêm một số tiêu chuẩn cao hơn về trình độ chuyên môn, vị trí công tác đang đảm nhiệm, về tình hình sức khỏe và độ tuổi ứng cử, tái cử (nêu cụ thể tại Hướng dẫn số 36-HD/BTCTW ngày 20 tháng 01 năm 2021).

Câu 114. Người nào không được ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân?

Những người không được ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân gồm có:

- Người chưa đủ 21 tuổi.
- Người đang bị tước quyền ứng cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người đang chấp hành hình phạt tù, người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự.
- Người đang bị khởi tố bị can.
- Người đang chấp hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án.
- Người đã chấp hành xong bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhưng chưa được xóa án tích.
- Người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Câu 115. Thế nào là “có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam”?

Luật số 47/2019/QH14 và Luật số 65/2020/QH14 đã bổ sung vào quy định về tiêu chuẩn đối với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân nội dung: “Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam”. Theo đó, căn cứ vào Luật Quốc tịch Việt Nam, người có quốc tịch Việt Nam là công dân Việt Nam được xác định theo các căn cứ quy định tại Chương II của Luật này. Người có 01 quốc tịch là quốc tịch Việt Nam phải là người không đồng thời có quốc tịch của một quốc gia khác. Về nguyên tắc, người đang có quốc tịch nước ngoài, người có nguyện vọng và đang thực hiện thủ tục xin gia nhập quốc tịch của quốc gia khác đều không đủ điều kiện để ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Thực tế, đây không phải là quy định hoàn toàn mới mà là nội dung đã được thể hiện nhất quán trong Hiến pháp cũng như trong các quy định và thực tiễn công tác bầu cử từ trước đến nay. Việc quy định rõ thành một tiêu chuẩn cụ thể trong các luật nói trên là nhằm khẳng định rõ hơn quan điểm của Đảng, Nhà nước và tạo sự minh bạch, rõ ràng trong áp dụng pháp luật.

Do đó, trong phần khai về quốc tịch trong đơn ứng cử và các tài liệu khác trong hồ sơ ứng cử, Hội đồng bầu cử quốc gia đã hướng dẫn người ứng cử cần ghi rõ: “*Chỉ có 01 quốc tịch là quốc tịch Việt Nam và không trong thời gian thực hiện thủ tục xin gia nhập quốc tịch quốc gia khác*”. Người ứng cử phải cam đoan về các nội dung mình đã khai. Nếu phát hiện thông tin không đúng sự thật, không như nội dung đã kê khai thì người ứng cử phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và tùy theo nội dung, mức độ vi phạm mà có thể bị loại khỏi danh sách người ứng cử; nếu đã trúng cử thì sẽ không được công nhận tư cách đại biểu hoặc bị bãi nhiệm đại biểu.

Câu 116. Một người có thể đồng thời ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ở nhiều cấp khác nhau được không?

Công dân chỉ được nộp hồ sơ ứng cử làm đại biểu Hội đồng nhân dân tối đa ở 02 cấp trong cùng một nhiệm kỳ; nếu đã nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội thì chỉ được nộp thêm hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở 01 cấp nữa.

Trường hợp người ứng cử vi phạm quy định nói trên (ví dụ như nộp đơn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cả ở cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã) thì sẽ bị coi là có vi phạm nghiêm trọng pháp luật về bầu cử và bị xóa tên trong Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở tất cả các cấp mà người đó đã nộp hồ sơ ứng cử; nếu sau khi có kết quả bầu cử mới bị phát hiện thì không được công nhận tư cách đại biểu ở tất cả các cấp mà người đó đã trúng cử.

Câu 117. Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân có thể là thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử được không?

Người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân không được làm thành viên Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị bầu cử hay khu vực bỏ phiếu nơi mình có tên trong Danh sách chính thức những người ứng cử; nếu đã là thành viên của Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị mình ứng cử thì người ứng cử phải rút ra khỏi danh sách thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử đó kể từ ngày được ghi tên vào Danh sách chính thức những người ứng cử theo từng đơn vị bầu cử.

Câu 118. Hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân gồm những gì?

Hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân gồm có:

- Đơn ứng cử.
- Sơ yếu lý lịch có đóng dấu giáp lai và xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người ứng cử công tác hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người ứng cử cư trú.
- Tiểu sử tóm tắt.
- Mỗi bộ hồ sơ ứng cử của người ứng cử gửi kèm theo 03 ảnh chân dung màu, nền trắng, cỡ 4cm x 6cm (không kể ảnh dán trên Sơ yếu lý lịch và Tiểu sử tóm tắt). Ảnh chân dung của người ứng cử là ảnh được chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ ứng cử. Trong Sơ yếu lý lịch, Tiểu sử tóm tắt, ảnh của người ứng cử phải được dán đúng vị trí quy định và được đóng dấu giáp lai của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người ứng cử công tác hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người ứng cử cư trú.
- Bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Người ứng cử thực hiện việc kê khai các nội dung đầy đủ, chính xác theo hướng dẫn trong các mẫu văn bản thuộc hồ sơ ứng cử ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐBC của Hội đồng bầu cử quốc gia. Việc kê khai có thể thực hiện bằng cách viết tay hoặc đánh máy nhưng phải bảo đảm đúng theo các mẫu văn bản thuộc hồ sơ ứng cử do Hội đồng bầu cử quốc gia ban hành. Người ứng cử ký vào từng trang văn bản của hồ sơ ứng cử.

Câu 119. Người ứng cử có phải nộp giấy khám sức khỏe để chứng minh mình đáp ứng tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân hay không?

Theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì trong hồ sơ ứng cử không bao gồm giấy khám sức khỏe. Trong hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia ở các mẫu Sơ yếu lý lịch và Tiểu sử tóm tắt của người ứng cử (các mẫu số 02, 03/HĐBC-QH và 07, 08/HĐBC-HĐND) đều có các mục kê khai thể hiện cụ thể các nội dung liên quan đến tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (trong đó có mục “Tình trạng sức khỏe”) để người ứng cử tự kê khai và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung mình đã kê khai trong hồ sơ ứng cử. Do đó, khi nộp hồ sơ ứng cử, người ứng cử (gồm người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử) không phải nộp kèm theo giấy khám sức khỏe.

Hướng dẫn số 36-HD/BTCTW ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ban Tổ chức trung ương có nêu yêu cầu về tiêu chuẩn sức khỏe là để áp dụng riêng đối với các trường hợp được giới thiệu ứng cử để làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách. Theo đó, người được giới thiệu ứng cử phải được cơ quan y tế có thẩm quyền chứng nhận đủ sức khỏe trong thời gian không quá 06 tháng tính đến tháng 5 năm 2021, cụ thể là đối với cán bộ ở các cơ quan trung ương do Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trung ương hướng dẫn, xác định cơ sở y tế để khám sức khỏe; đối với cán bộ ở địa phương do Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh ủy, thành ủy hướng dẫn, xác định cơ sở y tế để khám sức khỏe. Kết quả khám sức khỏe này sẽ làm căn cứ cho các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế sử dụng trong quá trình *xem xét, lựa chọn nhân sự, giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân để hoạt động chuyên trách tại Quốc hội, Hội đồng nhân dân trong nhiệm kỳ 2021-2026*. Khi đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị thống nhất giới thiệu ra ứng cử thì người được giới thiệu ứng cử thực hiện việc lập và nộp hồ sơ với các thành phần tài liệu theo đúng quy định tại Điều 35 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và Nghị quyết số 41/NQ-HĐBCQG của Hội đồng bầu cử quốc gia.

Câu 120. Thời hạn và việc nộp hồ sơ ứng cử được thực hiện như thế nào?

Chậm nhất là ngày 14 tháng 3 năm 2021 (70 ngày trước ngày bầu cử),

người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (bao gồm cả người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử) phải hoàn thành việc nộp hồ sơ ứng cử.

Việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 được thực hiện như sau:

- Người được tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội nộp 02 bộ hồ sơ ứng cử tại Hội đồng bầu cử quốc gia (qua Tổ giúp việc Tiểu ban Nhân sự của Hội đồng bầu cử quốc gia, địa chỉ: Nhà Quốc hội, số 01 đường Độc Lập, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội).

- Người được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội và người tự ứng cử đại biểu Quốc hội nộp 02 bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi mình cư trú hoặc công tác thường xuyên.

- Người ứng cử được cơ quan, tổ chức, đơn vị, thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nộp 01 bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở đơn vị hành chính mà mình ứng cử.

Ủy ban bầu cử các cấp có trách nhiệm thông báo công khai về địa điểm và thời gian tiếp nhận hồ sơ ứng cử trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương.

Trường hợp người ứng cử không tự mình đến nộp hồ sơ ứng cử được thì có thể ủy quyền cho người đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị của người ứng cử đến nộp hồ sơ cho mình; người đại diện phải có giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó.

Thời hạn nhận hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 là trong giờ hành chính các ngày trong tuần, **bắt đầu từ ngày 22 tháng 02 năm 2021 và kết thúc vào 17 giờ 00 ngày 14 tháng 3 năm 2021**. Riêng thứ Bảy, ngày 13 tháng 3 năm 2021 và Chủ nhật, ngày 14 tháng 3 năm 2021, Tiểu ban Nhân sự của Hội đồng bầu cử quốc gia và Ủy ban bầu cử các cấp cử người trực để nhận hồ sơ ứng cử.

Người được phân công tiếp nhận hồ sơ ứng cử có trách nhiệm nhận, kiểm tra kỹ hồ sơ; nếu các tài liệu trong hồ sơ đã đầy đủ, ghi đủ thông tin theo đúng yêu cầu trong mẫu và hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia thì điền thông tin vào Sổ tiếp nhận và Giấy biên nhận; ký và giao Giấy biên nhận cho người nộp hồ sơ ứng cử.

Câu 121. Việc tiếp nhận hồ sơ ứng cử được thực hiện như thế nào?

1. Đối với hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội:

Hội đồng bầu cử quốc gia có trách nhiệm tổ chức việc tiếp nhận hồ sơ ứng cử của người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ ứng cử của người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế ở địa phương giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử đại biểu Quốc hội.

Sau khi nhận và xem xét hồ sơ của những người ứng cử, nếu thấy hợp lệ theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì Hội đồng bầu cử quốc gia chuyển danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội đến Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chuyển 01 bộ hồ sơ ứng cử của người được giới thiệu ứng cử, người tự ứng cử đại biểu Quốc hội tại địa phương đến Hội đồng bầu cử quốc gia và chuyển danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt, bản kê khai tài sản, thu nhập của người được giới thiệu ứng cử, người tự ứng cử tại địa phương đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để đưa vào danh sách hiệp thương.

2. Đối với hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân:

Ủy ban bầu cử ở cấp nào thì có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ ứng cử của người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế và thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã) giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp đó.

Sau khi nhận và xem xét hồ sơ của những người tự ứng cử, người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, nếu thấy hợp lệ theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì Ủy ban bầu cử chuyển danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của những người ứng cử đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để đưa vào danh sách hiệp thương.

Câu 122. Việc lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội được thực hiện như thế nào?

Chậm nhất là ngày 23 tháng 4 năm 2021 (30 ngày trước ngày bầu cử), Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phải gửi biên bản Hội nghị hiệp thương lần thứ ba kèm theo Danh sách những người đủ tiêu chuẩn được Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội đến Hội đồng bầu cử quốc gia; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh gửi biên bản Hội nghị hiệp thương lần thứ ba và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử được Ủy ban Mặt trận

Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội tại địa phương đến Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Căn cứ vào danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội được Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu, Hội đồng bầu cử quốc gia gửi đến Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương danh sách và 01 bộ hồ sơ của người do cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương giới thiệu ứng cử được dự kiến về ứng cử tại địa phương để Ủy ban bầu cử dự kiến danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội theo đơn vị bầu cử trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và gửi danh sách này đến Hội đồng bầu cử quốc gia để xem xét, quyết định việc lập Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội theo từng đơn vị bầu cử.

Trên cơ sở danh sách giới thiệu của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và dự kiến bố trí người ứng cử đại biểu Quốc hội theo từng đơn vị bầu cử do các địa phương gửi đến, Hội đồng bầu cử quốc gia lập và công bố Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội theo từng đơn vị bầu cử trong cả nước **chậm nhất là ngày 27 tháng 4 năm 2021** (25 ngày trước ngày bầu cử).

Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải công bố danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội ở địa phương mình theo quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia **chậm nhất là ngày 03 tháng 5 năm 2021** (20 ngày trước ngày bầu cử); đồng thời, các Tổ bầu cử có trách nhiệm niêm yết ngay Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội ở khu vực bỏ phiếu mà mình phụ trách kèm theo tiểu sử tóm tắt của từng người để cử tri nắm được thông tin.

Câu 123. Việc lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như thế nào?

Chậm nhất là ngày 23 tháng 4 năm 2021 (30 ngày trước ngày bầu cử), Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã gửi biên bản Hội nghị hiệp thương lần thứ ba và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình đến Ủy ban bầu cử cùng cấp.

Trên cơ sở danh sách giới thiệu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban bầu cử ở từng đơn vị hành chính lập và công bố Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình theo từng đơn vị bầu cử **chậm nhất là ngày 27 tháng 4 năm 2021** (25 ngày trước ngày bầu cử).

Trên cơ sở quyết định của các Ủy ban bầu cử, Tổ bầu cử có trách nhiệm niêm yết ngay Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở khu vực bỏ phiếu mà mình phụ trách kèm theo tiểu sử tóm tắt của từng người **chậm nhất là ngày 03 tháng 5 năm 2021** (20 ngày trước ngày bầu cử) để cử tri nắm được thông tin.

Như vậy, trên cơ sở danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hiệp thương gửi đến, Ủy ban bầu cử các cấp phải lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo từng đơn vị bầu cử. Khi chuyển danh sách cho Ủy ban bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã phải bảo đảm những người trong danh sách đã đủ điều kiện, tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, làm cơ sở cho Ủy ban bầu cử lập danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Ủy ban bầu cử không có thẩm quyền loại bớt người đã có tên trong danh sách hoặc bổ sung người không có tên trong danh sách do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chuyển đến, trừ trường hợp phát hiện ra người ứng cử thuộc đối tượng bị xóa tên do không đủ tiêu chuẩn, điều kiện ứng cử đại biểu hoặc trường hợp người ứng cử chết hay vì lý do khác không thể tiếp tục ứng cử được nữa.

Câu 124. Yêu cầu đối với việc lập Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?

Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải ghi rõ họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, quốc tịch, dân tộc, tôn giáo, quê quán, nơi ở hiện nay, trình độ, nghề nghiệp, chức vụ, nơi công tác của người ứng cử và một số thông tin bổ sung khác (như ngày vào Đảng, là đại biểu Quốc hội hay đại biểu Hội đồng nhân dân các khóa nào chưa...). Danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo từng đơn vị bầu cử được xếp theo vần chữ cái A, B, C...

Tổ chức phụ trách bầu cử cần ghi đúng họ và tên đã khai trong hồ sơ của người ứng cử. Trường hợp họ và tên khai sinh của người ứng cử khác với họ và tên thường dùng hoặc người ứng cử có chức vị, pháp danh, pháp hiệu theo tôn giáo thì tại phần ghi họ và tên người ứng cử trong danh sách người ứng cử, họ và tên khai sinh được viết trước, họ và tên thường dùng hoặc chức vị, pháp danh theo tôn giáo viết sau và được đặt trong dấu ngoặc đơn; không cần ghi bí danh hoặc các tên gọi khác chỉ sử dụng trong phạm vi hẹp hoặc đã lâu không còn sử dụng. Ví dụ: người ứng cử có tên thường dùng là Nguyễn Văn, tên khai sinh là Nguyễn Văn A thì tên ghi trong danh sách người ứng cử là: Ông NGUYỄN VĂN A (NGUYỄN VĂN); hoặc người ứng cử là chức sắc tôn giáo có tên khai sinh là Nguyễn Văn A, chức vị và pháp danh trong tôn giáo là Hòa thượng Thích Thanh A hoặc Linh mục Nguyễn Văn A thì ghi tên người ứng cử là Ông NGUYỄN VĂN A (HÒA THƯỢNG THÍCH THANH A) hoặc Ông NGUYỄN VĂN A (LINH MỤC NGUYỄN VĂN A). Trong các trường hợp này, việc ghi họ, tên người ứng cử trên danh sách người ứng cử hoặc trên phiếu bầu cử có thể viết liên tục trong một dòng hoặc thể hiện thành hai dòng liền nhau nhưng phải có cùng kiểu chữ, cỡ chữ như họ và tên của những người ứng cử khác trong cùng danh sách.

Trường hợp họ và tên của những người ứng cử có phần tên giống nhau thì

căn cứ vào phân họ để xác định thứ tự; trường hợp phân họ cũng giống nhau thì căn cứ vào phân tên đệm. Trường hợp trùng hoàn toàn cả họ, tên và tên đệm thì xếp theo ngày tháng năm sinh; người nào có ngày tháng năm sinh sớm hơn thì được xếp trước. Tuy nhiên, các Ủy ban bầu cử cần lưu ý không bố trí, sắp xếp 02 người ứng cử có họ và tên trùng nhau trong Danh sách những người ứng cử ở cùng một đơn vị bầu cử để tránh gây nhầm lẫn cho cử tri.

Người ứng cử đại biểu Quốc hội chỉ được ghi tên vào Danh sách chính thức những người ứng cử ở một đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội. Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính nào thì cũng chỉ được ghi tên vào Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở một đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp tương ứng trên địa bàn đơn vị hành chính đó.

Câu 125. Số người ứng cử trong Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi đơn vị bầu cử phải đáp ứng yêu cầu nào?

Số người trong Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội phải nhiều hơn số đại biểu Quốc hội được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử đó ít nhất là 02 người.

Số người trong Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử đó; nếu đơn vị bầu cử được bầu 03 đại biểu thì số người trong danh sách ứng cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu ít nhất là 02 người; nếu đơn vị bầu cử được bầu 04 hoặc 05 đại biểu thì số người trong danh sách ứng cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu ít nhất là 03 người. Trường hợp đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được ấn định bầu 01 hoặc 02 đại biểu thì số người ứng cử chỉ cần nhiều hơn số đại biểu được bầu ít nhất là 01 người.

Hội đồng bầu cử quốc gia sẽ xem xét, quyết định trong trường hợp khuyết người ứng cử đại biểu Quốc hội ở đơn vị bầu cử vì lý do bất khả kháng và hướng dẫn để Ủy ban bầu cử các cấp xem xét, quyết định đối với trường hợp khuyết người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử vì lý do bất khả kháng.

Câu 126. Việc xử lý trường hợp khuyết người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân vì lý do bất khả kháng được thực hiện như thế nào?

Đối với cuộc bầu cử năm 2016, Hội đồng bầu cử quốc gia đã có hướng dẫn như sau:¹

- Trường hợp khuyết người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân vì lý do bất khả kháng được hiểu là sau khi Ủy ban bầu cử công bố Danh sách chính thức

¹ Tại thời điểm ra sách này, Hội đồng bầu cử quốc gia chưa có hướng dẫn cụ thể về nội dung này cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026.

những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử mà người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân vì lý do bất khả kháng (chết, bị xóa tên khỏi danh sách chính thức những người ứng cử...) không thể tiếp tục ứng cử theo quy định của pháp luật dẫn đến số lượng người ứng cử tại đơn vị bầu cử ít hơn so với số đã được công bố.

- Nếu khuyết người ứng cử trong thời gian từ sau khi Ủy ban bầu cử công bố Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử đến trước khi Danh sách này được niêm yết, thì Ủy ban bầu cử sau khi thống nhất với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định theo một trong các hình thức sau đây, đồng thời báo cáo Ủy ban bầu cử cấp trên trực tiếp; đối với đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thì báo cáo để Hội đồng bầu cử quốc gia:

- Quyết định giữ nguyên danh sách chính thức những người ứng cử còn lại khi số dư người ứng cử vẫn đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Quyết định bổ sung người có số phiếu tín nhiệm cao nhất và đạt trên 50% tổng số phiếu tín nhiệm trong số những người còn lại trong danh sách những người ứng cử được xem xét tại Hội nghị hiệp thương lần thứ ba vào Danh sách chính thức những người ứng cử khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- + Số dư người ứng cử ở đơn vị bầu cử không đảm bảo theo quy định của pháp luật;

- + Trong danh sách hiệp thương lần thứ ba còn có người ứng cử đạt trên 50% tổng số phiếu tín nhiệm trở lên;

- + Thời gian để bổ sung phải còn từ 02 ngày trở lên tính đến trước ngày niêm yết Danh sách chính thức những người ứng cử.

- Quyết định giảm số đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ở đơn vị bầu cử để đảm bảo số dư theo quy định của pháp luật nếu không đáp ứng được một trong các điều kiện nói trên.

- Nếu khuyết người ứng cử trong thời gian từ sau khi Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đã được niêm yết cho đến ngày bầu cử, thì Ủy ban bầu cử sau khi thống nhất với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định theo một trong các hình thức sau đây:

- Quyết định giữ Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân còn lại khi số người ứng cử vẫn nhiều hơn số đại biểu được bầu tại đơn vị bầu cử đó (ít nhất là 01 người).

- Quyết định giảm số đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ở đơn vị bầu cử để đảm bảo số người ứng cử phải nhiều hơn số đại biểu được bầu tại đơn vị bầu cử đó ít nhất là 01 người.

Quyết định của Ủy ban bầu cử phải được báo cáo ngay đến Ủy ban bầu cử ở cấp trên trực tiếp (đối với trường hợp khuyết người ứng cử tại đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã) hoặc đến Hội đồng bầu cử quốc gia (đối với trường hợp khuyết người ứng cử tại đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh).

Câu 127. Các khiếu nại, tố cáo về người ứng cử và các khiếu nại, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử được thực hiện như thế nào?

Công dân có quyền tố cáo về người ứng cử, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử. Việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị được thực hiện như sau:

- Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Quốc hội, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội được gửi đến Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc Hội đồng bầu cử quốc gia. Trường hợp người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đồng ý với kết quả giải quyết của Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử thì có quyền khiếu nại đến Hội đồng bầu cử quốc gia. Quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia là quyết định cuối cùng.

- Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp nào thì được gửi tới Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp đó. Trường hợp người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đồng ý với kết quả giải quyết của Ban bầu cử thì có quyền khiếu nại đến Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng. Quyết định của Ủy ban bầu cử là quyết định cuối cùng.

- Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử, Hội đồng bầu cử quốc gia phải ghi vào sổ và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị nhận được theo thẩm quyền.

Không xem xét, giải quyết đối với những đơn tố cáo không có họ, tên người tố cáo hoặc mạo danh người khác để tố cáo.

Câu 128. Việc thay đổi, đính chính hồ sơ ứng cử có thể được thực hiện như thế nào?

Trường hợp từ sau khi nộp hồ sơ ứng cử đến trước khi công bố Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân mà người ứng cử có sự thay đổi một số thông tin trong hồ sơ ứng cử đã nộp như nơi ở, nghề nghiệp hoặc trình độ, các hình thức khen thưởng... mà không ảnh hưởng đến tiêu chuẩn, điều kiện ứng cử, thì Hội đồng bầu cử quốc gia hoặc Ủy ban bầu cử nơi đã nhận hồ sơ ứng cử hướng dẫn người ứng cử làm văn bản gửi Ủy ban bầu cử đề nghị đính chính, ghi rõ những thay đổi trong hồ sơ và cam đoan việc đính chính là đúng sự thật, nếu sai thì người ứng cử phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội đã nộp hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì sau khi

nhận được văn bản đề nghị đính chính của người ứng cử, Ủy ban bầu cử cần báo cáo ngay bằng văn bản đến Hội đồng bầu cử quốc gia về việc đính chính hồ sơ của người ứng cử kèm theo văn bản, tài liệu đính chính mà người ứng cử đại biểu đã nộp trước đó để thực hiện việc đính chính.

Trường hợp sau khi Danh sách chính thức những người ứng cử theo từng đơn vị bầu cử đã được công bố và niêm yết thì không thực hiện việc đính chính và in lại danh sách và tiểu sử tóm tắt những người ứng cử để thay thế cho nội dung đã công bố, niêm yết nữa, song Ủy ban bầu cử cần cập nhật thông tin vào danh sách khi công bố kết quả bầu cử; trường hợp nội dung đính chính liên quan đến người ứng cử đại biểu Quốc hội thì cần cần báo cáo bằng văn bản đến Hội đồng bầu cử quốc gia để thống nhất trong việc cập nhật và công bố thông tin.

Câu 129. Thời hạn tạm ngừng việc xem xét khiếu nại, tố cáo đối với người ứng cử được quy định như thế nào?

Trong thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử (tức là *từ ngày 13 tháng 5 năm 2021 trở đi*), Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử ngừng việc xem xét, giải quyết mọi khiếu nại, tố cáo về người ứng cử và việc lập danh sách những người ứng cử.

Trong trường hợp những khiếu nại, tố cáo đã rõ ràng, có đủ cơ sở kết luận người ứng cử không đáp ứng đủ tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thì Hội đồng bầu cử quốc gia (đối với bầu cử đại biểu Quốc hội) hoặc Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng (đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân) quyết định xóa tên người đó trong danh sách chính thức những người ứng cử trước ngày bầu cử và thông báo cho cử tri biết.

Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử ở cấp tỉnh, Ủy ban bầu cử ở cấp huyện, Ủy ban bầu cử ở cấp xã chuyển toàn bộ hồ sơ về khiếu nại, tố cáo chưa được giải quyết đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV (đối với bầu cử đại biểu Quốc hội) hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021 – 2026 ở cấp tương ứng (đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân) để tiếp tục xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Câu 130. Các trường hợp nào bị xóa tên trong Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân?

Người có tên trong Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội đã được Hội đồng bầu cử quốc gia công bố mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị khởi tố bị can, bị bắt, giữ vì phạm tội quả tang, bị mất năng lực hành vi dân sự, chết hoặc vi phạm nghiêm trọng pháp luật về bầu cử thì Hội đồng bầu cử quốc gia xóa tên người đó trong Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

Người có tên trong Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đã được Ủy ban bầu cử công bố mà đến thời điểm bắt đầu bỏ

phiếu bị khởi tố bị can, bị bắt, giữ vì phạm tội quả tang, bị mất năng lực hành vi dân sự, chết hoặc vi phạm nghiêm trọng pháp luật về bầu cử thì Ủy ban bầu cử, sau khi thống nhất ý kiến với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, quyết định xóa tên người đó trong Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình.

PHẦN THỨ NĂM

TỔ CHỨC HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ

Câu 131. Việc tổ chức hiệp thương, giới thiệu người ứng cử gồm những bước, công đoạn nào?

Tổ chức hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân là một giai đoạn hết sức quan trọng trong quá trình tổ chức bầu cử. Việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử được tiến hành thông qua 05 bước cụ thể như sau:

Bước 1: Tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ nhất để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử.

Bước 2: Cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Bước 3: Tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ hai để thỏa thuận lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Bước 4: Tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri ở nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và ở nơi công tác hoặc làm việc (nếu có) đối với người tự ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Bước 5: Tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ ba để lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Câu 132. Hội nghị hiệp thương là gì? Do cơ quan, tổ chức nào triệu tập và chủ trì?

Hội nghị hiệp thương là hội nghị giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các tổ chức thành viên được tiến hành ở trung ương và ở địa phương để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần và số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân từng cấp cũng như việc lập danh sách sơ bộ và lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Hội nghị hiệp thương ở trung ương do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam triệu tập và chủ trì; Hội nghị hiệp thương ở địa phương do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở mỗi cấp triệu tập và chủ trì để thực hiện công việc của Hội nghị hiệp thương ở cấp mình.

Để đảm bảo dân chủ và lựa chọn được những người tiêu biểu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, Hội nghị hiệp thương sẽ được tiến hành ba lần: Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất; Hội nghị hiệp thương lần thứ hai; Hội nghị hiệp thương lần thứ ba.

Câu 133. Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở trung ương đối với

việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và thủ tục tiến hành hội nghị?

Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở trung ương do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam triệu tập, chủ trì trong khoảng thời gian *từ ngày 03 tháng 02 năm 2021 đến ngày 17 tháng 02 năm 2021* (chậm nhất là 95 ngày trước ngày bầu cử) để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội trên cơ sở dự kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Thành phần tham dự hội nghị gồm: Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận. Đại diện Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ được mời tham dự hội nghị.

Thủ tục tổ chức Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở trung ương được thực hiện như sau:

- Hội nghị cử chủ tọa trong Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Thư ký hội nghị.

- Đại diện Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình bày dự kiến về cơ cấu, thành phần, số lượng người của tổ chức chính trị, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân ở trung ương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

- Hội nghị thảo luận để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội của cơ quan, tổ chức, đơn vị, bảo đảm tỷ lệ người ứng cử đại biểu Quốc hội là phụ nữ, người dân tộc thiểu số theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trường hợp không thỏa thuận được vấn đề nào thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu gồm từ 03 đến 05 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

- Hội nghị thông qua biên bản (theo Mẫu số 01/BCĐBQH-MT). Biên bản hội nghị phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị và được gửi ngay đến Hội đồng bầu cử quốc gia và Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Câu 134. Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và thủ tục tiến hành hội nghị?

Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh triệu tập, chủ trì

trong khoảng thời gian **từ ngày 03 tháng 02 năm 2021 đến ngày 17 tháng 02 năm 2021** (chậm nhất là 95 ngày trước ngày bầu cử) để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội trên cơ sở dự kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Thành phần tham dự hội nghị gồm: Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, đại diện ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện trực thuộc. Đại diện Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được mời tham dự hội nghị này.

Thủ tục tổ chức Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thực hiện như sau:

- Hội nghị cử chủ tọa trong Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và Thư ký hội nghị.

- Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trình bày dự kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về cơ cấu, thành phần, số lượng người của tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân ở địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

- Hội nghị thảo luận để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội của cơ quan, tổ chức, đơn vị, bảo đảm số dư người ứng cử, tỷ lệ người ứng cử đại biểu Quốc hội là phụ nữ, người dân tộc thiểu số theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trường hợp không thỏa thuận được vấn đề nào thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu gồm từ 03 đến 05 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

- Hội nghị thông qua biên bản (theo Mẫu số 01/BCĐBQH-MT). Biên bản hội nghị hiệp thương phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị và được gửi ngay đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Câu 135. Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và thủ tục tiến hành hội nghị?

Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp triệu tập và chủ trì trong khoảng thời gian ***từ ngày 03 tháng 02 năm 2021 đến ngày 17 tháng 02 năm 2021*** (chậm nhất là 95 ngày trước ngày bầu cử) để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp tổ chức hiệp thương trên cơ sở dự kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Thành phần tham dự hội nghị gồm: Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận. Đại diện Ủy ban bầu cử, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp được mời tham dự hội nghị này.

Thủ tục tổ chức Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như sau:

- Hội nghị cử chủ tọa trong Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hiệp thương và Thư ký hội nghị.

- Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tổ chức hội nghị hiệp thương trình bày dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình của tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước cùng cấp và của đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, các đơn vị hành chính cấp dưới trực tiếp hoặc thôn, tổ dân phố đối với hội nghị hiệp thương tổ chức ở cấp xã.

- Hội nghị thảo luận để thống nhất cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử của cơ quan, tổ chức, đơn vị và thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã), bảo đảm số dư người ứng cử, tỷ lệ người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ, người dân tộc thiểu số theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trường hợp không thỏa thuận được vấn đề nào thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu gồm từ 03 đến 05 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

- Hội nghị thông qua biên bản (theo Mẫu số 01/BCĐBHĐND-MT). Biên bản hội nghị hiệp thương phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị.

Biên bản hội nghị hiệp thương ở cấp tỉnh được gửi ngay đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử cùng

cấp.

Biên bản hội nghị hiệp thương ở cấp huyện, cấp xã được gửi ngay đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử cùng cấp.

Câu 136. Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ nhất về cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội như thế nào?

Sau khi nhận được biên bản Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh gửi đến, căn cứ vào kết quả hội nghị hiệp thương, Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ nhất về cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội **chậm nhất là ngày 22 tháng 02 năm 2021** (90 ngày trước ngày bầu cử). Văn bản điều chỉnh được gửi ngay đến Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh.

Mục đích của việc điều chỉnh là nhằm bảo đảm cơ cấu, thành phần, số lượng chung của đại biểu Quốc hội thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Lần điều chỉnh này là cơ sở để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hiệp thương thông báo cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị tiến hành giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội.

Câu 137. Việc điều chỉnh cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương được quy định như thế nào?

Sau khi nhận được biên bản Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hiệp thương gửi đến, căn cứ vào kết quả hội nghị hiệp thương, **chậm nhất là ngày 22 tháng 02 năm 2021** (90 ngày trước ngày bầu cử), Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện điều chỉnh cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình; Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã điều chỉnh cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị, thôn, tổ dân phố ở địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình.

Văn bản điều chỉnh được gửi ngay đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hiệp thương để làm cơ sở thông báo cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, thôn, tổ dân phố tiến hành giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp.

Câu 138. Việc giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như

thế nào?

Trên cơ sở điều chỉnh lần thứ nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về cơ cấu, thành phần, số lượng người của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, điều chỉnh lần thứ nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã về cơ cấu, thành phần, số lượng người của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã) được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cấp tương ứng, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương có trách nhiệm thông báo ngay đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân bổ giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và hướng dẫn về nội dung, trình tự, thủ tục giới thiệu người ứng cử, làm hồ sơ ứng cử.

Việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiến hành trong khoảng thời gian ***từ ngày 24 tháng 02 năm 2021 đến ngày 11 tháng 3 năm 2021.***

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân bổ giới thiệu người ứng cử thực hiện việc giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo các bước sau đây:

1. Ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị họp để dự kiến người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình được giới thiệu ứng cử.
2. Tổ chức hội nghị lấy ý kiến của cử tri tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử.
3. Trên cơ sở ý kiến nhận xét và tín nhiệm của hội nghị cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc của người được dự kiến giới thiệu ứng cử, ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức hội nghị ban lãnh đạo mở rộng để thảo luận, giới thiệu người ứng cử.

Căn cứ vào kết quả của hội nghị ban lãnh đạo mở rộng, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm hướng dẫn người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình được lựa chọn, giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân làm hồ sơ ứng cử theo quy định tại Điều 35 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia.

Câu 139. Cuộc họp ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị để dự kiến người giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như thế nào?

Cuộc họp ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị để dự kiến người giới thiệu ứng cử do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị triệu tập và chủ trì với thành phần dự họp gồm Ban lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội; Ban lãnh

đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban chấp hành Công đoàn đối với cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp hoặc ban chỉ huy đơn vị đối với đơn vị vũ trang nhân dân.

Thủ tục tổ chức cuộc họp ban lãnh đạo được thực hiện như sau:

- Đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân giới thiệu mục đích, yêu cầu của cuộc họp, dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng người được phân bổ giới thiệu ứng cử, tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân và các bước tiến hành để lập danh sách giới thiệu người ứng cử.

- Những người dự họp thảo luận về dự kiến giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ứng cử để lấy ý kiến nhận xét của hội nghị cử tri trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Cuộc họp thông qua biên bản (theo Mẫu số 02/BCĐBQH-MT đối với giới thiệu người ứng đại biểu Quốc hội hoặc Mẫu số 02/BCĐBHĐND-MT đối với giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân).

Câu 140. Hội nghị lấy ý kiến của cử tri tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử được tổ chức như thế nào?

Hội nghị cử tri nơi công tác để lấy ý kiến đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tổ chức ở nơi người ứng cử đang công tác hoặc làm việc (nếu có). Trường hợp người ứng cử có nhiều nơi công tác hoặc nơi làm việc thì tổ chức lấy ý kiến của cử tri nơi người đó công tác hoặc làm việc thường xuyên.

Hình thức tổ chức hội nghị được quy định như sau:

- Đối với nơi có dưới 100 cử tri thì tổ chức hội nghị toàn thể cử tri để lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và phải bảo đảm số lượng cử tri tham dự hội nghị đạt ít nhất là hai phần ba tổng số cử tri được triệu tập.

- Đối với nơi có từ 100 cử tri trở lên thì có thể tổ chức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại diện cử tri và phải bảo đảm có ít nhất là 70 cử tri tham dự hội nghị. Tùy đặc điểm, tình hình thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban chấp hành Công đoàn phối hợp với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phân bổ số lượng người để các tổ chức Công đoàn trực thuộc cử đại diện tham dự; trường hợp không có tổ chức Công đoàn thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phân bổ số lượng người để các đơn vị trực thuộc cử đại diện tham dự.

- Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được mời tham dự hội nghị.

Việc triệu tập và chủ trì hội nghị cử tri nơi công tác được thực hiện như sau:

- Người ứng cử đang công tác chuyên trách tại cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn của cơ quan, tổ chức đó triệu tập và chủ trì hội nghị, trừ trường hợp người được giới thiệu ứng cử là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Người ứng cử đang công tác tại các cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội thì việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Văn phòng Quốc hội tổ chức. Người ứng cử là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội thì việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội (nơi chưa thành lập Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) tổ chức. Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Người ứng cử đang công tác tại Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (nơi chưa thành lập Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) thì việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tổ chức. Người ứng cử đang công tác tại Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện thì việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Người ứng cử đang là Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ thì việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ tổ chức; người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân đang là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện thì việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức. Người đứng đầu cơ quan phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Người ứng cử đang công tác tại Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân các cấp, Kiểm toán nhà nước, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và các cơ quan khác của Nhà nước thì người đứng đầu cơ quan phối hợp với Ban chấp

hành Công đoàn cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Người ứng cử làm việc tại đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế thì người đứng đầu đơn vị, tổ chức phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Người ứng cử công tác tại Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã hoặc là công chức xã, phường, thị trấn thì việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác được thực hiện tại hội nghị liên tịch giữa Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã. Người đứng đầu Đảng ủy cấp xã triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Người ứng cử công tác ở các đơn vị vũ trang nhân dân thì do lãnh đạo, chỉ huy đơn vị triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị là người ứng cử thì cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Trường hợp nơi công tác hoặc nơi làm việc của người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân chưa có tổ chức Công đoàn thì người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị triệu tập và chủ trì hội nghị.

Trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị cử tri nơi công tác được thực hiện tương tự như đối với hội nghị cử tri nơi cư trú. Biên bản hội nghị cử tri phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị; trong đó, phải ghi rõ tổng số cử tri được triệu tập, số lượng cử tri có mặt, ý kiến phát biểu và sự tín nhiệm của cử tri đối với từng người được dự kiến giới thiệu ứng cử (lập theo Mẫu số 01/HNCT).

Trường hợp người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân của cơ quan, tổ chức, đơn vị mà không đạt tín nhiệm của 50% tổng số cử tri tham dự hội nghị cử tri nơi công tác thì Ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức lựa chọn, giới thiệu người khác. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị không có người đủ điều kiện để dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân theo số lượng đã được phân bổ thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời báo cáo Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp đã thông báo về việc phân bổ chỉ tiêu giới thiệu người ứng cử để đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tương ứng điều chỉnh cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Trường hợp người được đưa ra lấy ý kiến là người tự ứng cử đại biểu Quốc hội (tổ chức sau Hội nghị hiệp thương lần 2) thì thành phần, trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị cử tri ở nơi công tác được thực hiện tương tự như đối với hội nghị lấy ý kiến về người được dự kiến giới thiệu ứng cử. Biên bản hội nghị cử tri nơi

công tác đối với người tự ứng cử được lập theo Mẫu số 02/HNCT và phải được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh ngay sau khi kết thúc hội nghị cử tri.

Câu 141. Hội nghị ban lãnh đạo mở rộng để thảo luận, giới thiệu người ứng cử của cơ quan, tổ chức, đơn vị được tổ chức như thế nào?

Thành phần tham dự hội nghị ban lãnh đạo mở rộng của cơ quan, tổ chức, đơn vị được xác định như sau:

- Đối với tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, thành phần dự hội nghị gồm Đoàn Chủ tịch mở rộng tới người đứng đầu các tổ chức thành viên (tổ chức nào không có tổ chức thành viên thì tổ chức hội nghị Đoàn Chủ tịch mở rộng tới đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc); Ban Thường vụ mở rộng tới đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc hoặc Ban Thường trực mở rộng tới đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc. Trường hợp tổ chức xã hội không lập Ban Thường vụ thì tổ chức hội nghị Ban chấp hành.

- Đối với cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, thành phần dự hội nghị gồm lãnh đạo cơ quan, đại diện Ban chấp hành Công đoàn, đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc.

- Đối với đơn vị vũ trang nhân dân, thành phần dự hội nghị gồm chỉ huy đơn vị, đại diện Ban chấp hành Công đoàn (nếu có), đại diện quân nhân và chỉ huy các đơn vị cấp dưới trực tiếp.

- Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân triệu tập và chủ trì hội nghị Ủy ban nhân dân mở rộng đến đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc.

- Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện thì Chủ tịch Hội đồng nhân dân triệu tập và chủ trì hội nghị gồm Thường trực Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân.

- Đối với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã thì Chủ tịch Hội đồng nhân dân triệu tập và chủ trì hội nghị gồm Thường trực Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

- Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và các cơ quan khác của Nhà nước thì người đứng đầu cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị ban lãnh đạo mở rộng đến đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc (nếu có) và đại diện Ban chấp hành Công đoàn.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp thì người đứng đầu đơn vị triệu tập và chủ trì hội nghị ban lãnh đạo mở rộng đến đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc (nếu có) và đại diện Ban chấp hành Công đoàn.

- Đối với tổ chức kinh tế thì người đứng đầu tổ chức triệu tập và chủ trì hội nghị ban lãnh đạo mở rộng đến người đứng đầu các phòng, ban, phân xưởng, trạm, trại và đại diện Ban chấp hành Công đoàn.

- Đối với đơn vị vũ trang nhân dân thì chỉ huy đơn vị triệu tập và chủ trì hội nghị gồm chỉ huy đơn vị, đại diện Ban chấp hành Công đoàn (nếu có), đại diện quân nhân và chỉ huy các đơn vị cấp dưới trực tiếp.

- Trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thì cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị triệu tập và chủ trì hội nghị.

Trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị được thực hiện như sau:

- Đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân báo cáo tình hình và kết quả hội nghị lấy ý kiến của cử tri nơi công tác đối với từng người được dự kiến giới thiệu ứng cử.

- Những người dự hội nghị thảo luận và biểu thị sự tán thành của mình đối với từng người được giới thiệu ứng cử bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu gồm từ 03 đến 05 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu giới thiệu phải đóng dấu của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó.

- Hội nghị thông qua biên bản và danh sách người được giới thiệu ứng cử (theo Mẫu số 03/BCĐBQH-MT).

Biên bản hội nghị cử tri nơi công tác lấy ý kiến về người được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội phải được gửi cùng biên bản hội nghị ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận xét về người được giới thiệu ứng cử đến Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trước khi Hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức.

Biên bản hội nghị cử tri nơi công tác lấy ý kiến về người được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội phải được gửi cùng biên bản hội nghị ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận xét về người được giới thiệu ứng cử đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh trước khi Hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức.

Biên bản hội nghị cử tri nơi công tác lấy ý kiến về người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được gửi cùng biên bản hội nghị ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó công tác nhận xét về người được giới thiệu ứng cử đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương trước khi Hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức.

Câu 142. Việc dự kiến, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố được thực hiện như thế nào?

Trưởng ban công tác Mặt trận phối hợp với Chi hội trưởng các đoàn thể hợp với Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố để thảo luận, dự kiến người của thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã theo thông báo của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về việc phân bổ số lượng và cơ cấu, thành phần.

Thủ tục tổ chức cuộc họp này được thực hiện như sau:

- Trưởng ban công tác Mặt trận giới thiệu mục đích, yêu cầu của hội nghị, cử Thư ký hội nghị và đọc thông báo của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về việc phân bổ số lượng, cơ cấu, thành phần người của thôn, tổ dân phố được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân và những trường hợp không được ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Trưởng ban công tác Mặt trận nêu dự kiến người của thôn, tổ dân phố để giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

- Các thành viên tham gia cuộc họp thảo luận và nhận xét về người được dự kiến giới thiệu ứng cử.

- Trưởng ban công tác Mặt trận tổng hợp ý kiến và kết luận cuộc họp.

- Hội nghị thông qua biên bản cuộc họp (theo Mẫu số 03/HNMT).

Trên cơ sở kết quả của cuộc họp này, Trưởng ban công tác Mặt trận phối hợp với Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố gửi giấy mời cử tri ở thôn, tổ dân phố tham dự hội nghị cử tri giới thiệu người của thôn, tổ dân phố ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Đối với nơi có dưới 100 cử tri thì tổ chức hội nghị toàn thể cử tri và phải bảo đảm số lượng cử tri tham dự hội nghị đạt ít nhất là 50% tổng số cử tri được triệu tập. Đối với nơi có từ 100 cử tri trở lên thì có thể tổ chức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình và phải bảo đảm có ít nhất là 55 cử tri tham dự hội nghị. Toàn thể thành viên Ban công tác Mặt trận; Trưởng thôn, Phó trưởng thôn hoặc Tổ trưởng, Tổ phó tổ dân phố và đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã được mời tham dự hội nghị này.

Thủ tục tổ chức hội nghị cử tri ở thôn, tổ dân phố được thực hiện như sau:

- Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì hội nghị cử tri, tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu dự hội nghị; giới thiệu mục đích, yêu cầu của hội nghị; giới thiệu Thư ký hội nghị để hội nghị quyết định; báo cáo về số lượng cử tri được mời, số lượng cử tri có mặt.

- Người chủ trì hội nghị đọc thông báo của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về việc phân bổ số lượng và cơ cấu, thành phần

người của thôn, tổ dân phố được giới thiệu ứng cử; đọc tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 7 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và những trường hợp không được ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 37 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Đại diện Ban công tác Mặt trận đọc danh sách do Ban công tác Mặt trận dự kiến những người của thôn, tổ dân phố để giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Cử tri có thể giới thiệu thêm người ứng cử để hội nghị xem xét.

- Hội nghị thảo luận về những người được giới thiệu ứng cử.

- Hội nghị quyết định biểu quyết danh sách chính thức những người của thôn, tổ dân phố được giới thiệu ứng cử bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu gồm từ 03 đến 05 người. Trường hợp hội nghị biểu quyết bằng hình thức giơ tay thì Tổ kiểm phiếu đếm, tính kết quả biểu quyết đối với từng người được giới thiệu ứng cử. Trường hợp hội nghị biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu tín nhiệm của cử tri phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hoặc dấu của Ủy ban nhân dân cùng cấp. Trên phiếu tín nhiệm ghi rõ họ và tên của những người được hội nghị cử tri dự kiến giới thiệu ứng cử. Nếu có nhiều người được giới thiệu ứng cử thì ghi rõ họ và tên của những người được giới thiệu ứng cử, xếp theo vần chữ cái A, B, C... Cử tri gạch tên người được giới thiệu ứng cử mà mình không tín nhiệm và bỏ vào hòm phiếu.

Người được giới thiệu ứng cử là người được trên 50% tổng số cử tri có mặt tín nhiệm. Trường hợp có nhiều người cùng được trên 50% tổng số cử tri có mặt tín nhiệm thì người được giới thiệu ứng cử được xác định theo kết quả biểu quyết tính từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng được phân bổ; trường hợp kết quả biểu quyết ngang nhau thì người chủ trì hội nghị lập danh sách những người đó để hội nghị biểu quyết lại và lấy người có kết quả biểu quyết cao hơn mà không cần phải đạt trên 50% tổng số cử tri có mặt. Trường hợp biểu quyết lại mà kết quả biểu quyết vẫn ngang nhau thì việc có biểu quyết tiếp hay không do hội nghị quyết định.

- Tổ trưởng Tổ kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết.

- Hội nghị thông qua biên bản hội nghị (theo Mẫu số 04/HNCT).

Ban công tác Mặt trận chuyển biên bản hội nghị cử tri ở thôn, tổ dân phố về việc thảo luận, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Câu 143. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở trung ương đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành Hội nghị?

Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở trung ương do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam triệu tập, chủ trì *trong khoảng thời gian*

từ ngày 15 tháng 3 năm 2021 đến ngày 19 tháng 3 năm 2021 (chậm nhất là 65 ngày trước ngày bầu cử) để lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội, gửi lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử.

Thành phần tham dự hội nghị cũng tương tự như Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất gồm: Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận. Đại diện Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ được mời tham dự hội nghị.

Thủ tục tổ chức Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở trung ương được thực hiện như sau:

- Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam báo cáo về tình hình giới thiệu người ứng cử của các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương. Danh sách giới thiệu người ứng cử trình ra Hội nghị hiệp thương lần thứ hai phải bảo đảm số dư cần thiết để hội nghị xem xét, lựa chọn lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

- Hội nghị thảo luận, lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội căn cứ vào các nội dung sau đây: (1) Tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội; (2) Kết quả điều chỉnh lần thứ nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội của cơ quan, tổ chức, đơn vị; (3) Kết quả thỏa thuận tại Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất; (4) Hồ sơ, biên bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội gửi đến; (5) Ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc đối với người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

- Hội nghị bàn kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương giới thiệu ứng cử; nêu ra các vấn đề cần xác minh, làm rõ đối với những người ứng cử.

- Hội nghị thông qua biên bản và danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội (theo Mẫu số 01/BCĐBQH-MT và Mẫu số 05/BCĐBQH-MT). Biên bản hội nghị ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị.

Ngay sau Hội nghị hiệp thương lần thứ hai, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam gửi biên bản đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Câu 144. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành Hội nghị?

Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở địa phương do Ban Thường trực Ủy ban

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh triệu tập, chủ trì trong khoảng thời gian ***từ ngày 15 tháng 3 năm 2021 đến ngày 19 tháng 3 năm 2021*** (chậm nhất là 65 ngày trước ngày bầu cử) để lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội ở địa phương, gửi lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử, người tự ứng cử và lấy ý kiến cử tri nơi công tác (nếu có) đối với người tự ứng cử.

Thành phần tham dự hội nghị cũng tương tự như Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất gồm: Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện trực thuộc. Đại diện Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được mời tham dự hội nghị này.

Thủ tục tổ chức Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở địa phương được thực hiện như sau:

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh báo cáo về tình hình giới thiệu người ứng cử của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và tình hình người tự ứng cử ở địa phương (nếu có). Danh sách giới thiệu người ứng cử trình ra Hội nghị hiệp thương lần thứ hai phải bảo đảm số dư cần thiết để hội nghị xem xét, lựa chọn lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

- Hội nghị thảo luận, lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội căn cứ vào các nội dung sau đây: (1) Tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội; (2) Kết quả điều chỉnh lần thứ nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội của cơ quan, tổ chức, đơn vị; (3) Kết quả thỏa thuận tại Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất; (4) Hồ sơ, biên bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội gửi đến; (5) Ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc đối với người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

- Hội nghị bàn kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương giới thiệu ứng cử, người tự ứng cử và lấy ý kiến cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc (nếu có) đối với người tự ứng cử; nêu ra các vấn đề cần xác minh, làm rõ đối với những người ứng cử.

- Hội nghị thông qua biên bản và danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội (theo Mẫu số 01/BCĐBQH-MT và Mẫu số 05/BCĐBQH-MT).

- Biên bản hội nghị hiệp thương phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị và được gửi ngay đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Câu 145. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được

tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành Hội nghị?

Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hiệp thương triệu tập, chủ trì trong khoảng thời gian *từ ngày 15 tháng 3 năm 2021 đến ngày 19 tháng 3 năm 2021* (chậm nhất là 65 ngày trước ngày bầu cử) để lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình, gửi lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử, người tự ứng cử và lấy ý kiến cử tri nơi công tác (nếu có) đối với người tự ứng cử, người được thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Thành phần tham dự hội nghị cũng tương tự như Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất gồm: Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp. Đại diện Ủy ban bầu cử, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp được mời tham dự hội nghị này.

Thủ tục tổ chức Hội nghị hiệp thương lần thứ hai để giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như sau:

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương báo cáo về tình hình giới thiệu người ứng cử của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã), tình hình người tự ứng cử (nếu có). Danh sách giới thiệu người ứng cử trình ra Hội nghị hiệp thương lần thứ hai phải bảo đảm số dư cần thiết để hội nghị xem xét, lựa chọn lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Hội nghị thảo luận, lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân căn cứ vào các nội dung sau đây: (1) Tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân; (2) Kết quả điều chỉnh của Thường trực Hội đồng nhân dân về cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cơ quan, tổ chức, đơn vị; (3) Kết quả thỏa thuận tại Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất; (4) Hồ sơ, biên bản giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của các cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi đến; (5) Ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi công tác đối với người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Hội nghị bàn kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử, người tự ứng cử và lấy ý kiến cử tri nơi công tác (nếu có) của người tự ứng cử, người được thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; nêu ra các vấn đề cần xác minh, làm rõ đối với những người ứng cử.

- Hội nghị thông qua biên bản và danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (theo Mẫu số 01/BCĐBHĐND-MT và Mẫu số 05/BCĐB HĐND-MT).

Ngay sau Hội nghị hiệp thương lần thứ hai, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh gửi biên bản và danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử cùng cấp; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã gửi biên bản và danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử cùng cấp.

Câu 146. Hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành như thế nào?

Ngay sau Hội nghị hiệp thương lần thứ hai, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh tổ chức họp với đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã nơi có người ứng cử đại biểu Quốc hội cư trú và đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị có người ứng cử để hướng dẫn việc tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri.

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh tổ chức hội nghị hiệp thương họp với người phụ trách công tác tổ chức cán bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân; đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp dưới trực tiếp (đối với cấp xã thì mời các Trưởng ban công tác Mặt trận trên địa bàn), Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện cư trú để hướng dẫn việc tổ chức lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân có tên trong danh sách sơ bộ; lấy ý kiến cử tri nơi công tác (nếu có) đối với người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và người được thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và cử tri nơi công tác (nếu có) đối với người tự ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, người được thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được thực hiện ***trong khoảng thời gian từ ngày 21 tháng 3 năm 2021 đến ngày 13 tháng 4 năm 2021*** (từ sau khi kết thúc Hội nghị hiệp thương lần thứ hai đến trước khi bắt đầu Hội nghị hiệp thương lần thứ ba).

Hội nghị cử tri nơi cư trú để lấy ý kiến đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân (gồm người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử) được tổ chức tại thôn, tổ dân phố nơi người ứng cử thường trú hoặc tạm trú. Trường hợp không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú thì tổ chức hội nghị cử tri tại thôn, tổ dân phố nơi người ứng cử đang sinh sống. Trường hợp người ứng cử cư trú tại khu chung cư, khu đô thị chưa có tổ dân phố thì tổ chức

hội nghị cử tri tại khu chung cư hoặc khu đô thị nơi người đó sinh sống để lấy ý kiến đối với người ứng cử.

Hình thức tổ chức hội nghị cử tri nơi cư trú được thực hiện như sau:

- Đối với nơi có dưới 100 cử tri thì tổ chức hội nghị toàn thể cử tri để lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và phải bảo đảm số lượng cử tri tham dự hội nghị đạt ít nhất là 50% tổng số cử tri được triệu tập.

- Đối với nơi có từ 100 cử tri trở lên thì có thể tổ chức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình và phải bảo đảm có ít nhất là 55 cử tri tham dự hội nghị.

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã, người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị, thôn, tổ dân phố đã giới thiệu người ứng cử được mời tham dự hội nghị.

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp triệu tập và chủ trì hội nghị. Trưởng ban công tác Mặt trận phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lập danh sách và mời cử tri đến dự hội nghị. Trường hợp tổ chức hội nghị cử tri tại khu chung cư hoặc khu đô thị chưa được tách hay thành lập tổ dân phố riêng thì Trưởng ban công tác Mặt trận đang phụ trách địa bàn nơi có khu chung cư, khu đô thị phối hợp với Ban quản trị hoặc Ban quản lý khu chung cư, Ban quản trị khu đô thị (nếu có) lập danh sách và mời cử tri cư trú tại tòa nhà khu chung cư hoặc khu đô thị đến dự hội nghị.

Thủ tục tổ chức hội nghị cử tri nơi cư trú được thực hiện như sau:

- Người chủ trì hội nghị tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu dự hội nghị. Người chủ trì có trách nhiệm sau đây:

- + Giới thiệu mục đích, yêu cầu của hội nghị.
- + Giới thiệu Thư ký hội nghị để hội nghị quyết định.
- + Báo cáo về số lượng cử tri được mời, số lượng cử tri có mặt.
- + Giới thiệu danh sách người ứng cử.

+ Đọc tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội quy định tại Điều 22 của Luật Tổ chức Quốc hội (đối với hội nghị cử tri lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội), tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 7 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương (đối với hội nghị cử tri lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân) và những trường hợp không được ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 37 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Thư ký hội nghị đọc tiểu sử tóm tắt của từng người ứng cử.

- Cử tri phát biểu ý kiến đối với từng người ứng cử. Cử tri đối chiếu với tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, nhận xét, bày tỏ sự tín nhiệm đối với người ứng cử.

- Người ứng cử phát biểu.

- Đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử phát biểu ý kiến.

- Hội nghị biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu gồm từ 03 đến 05 người. Trường hợp hội nghị biểu quyết bằng hình thức giơ tay thì Tổ kiểm phiếu đếm, tính kết quả biểu quyết đối với từng người ứng cử. Trường hợp hội nghị biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu tín nhiệm của cử tri nơi công tác phải đóng dấu của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc Ban chấp hành Công đoàn của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; phiếu tín nhiệm của cử tri nơi cư trú phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hoặc của Ủy ban nhân dân cùng cấp. Trên phiếu tín nhiệm ghi rõ họ và tên người ứng cử. Nếu có nhiều người ứng cử thì ghi rõ họ và tên của những người ứng cử, xếp theo vần chữ cái A, B, C... Cử tri gạch tên người ứng cử mà mình không tín nhiệm và bỏ vào hòm phiếu.

- Tổ trưởng Tổ kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết.

- Hội nghị thông qua biên bản hội nghị cử tri (theo Mẫu số 02/HNCT).

Biên bản hội nghị cử tri phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị; trong đó, phải ghi rõ tổng số cử tri được triệu tập, số lượng cử tri có mặt, ý kiến phát biểu và sự tín nhiệm của cử tri đối với từng người ứng cử.

Biên bản hội nghị cử tri nơi cư trú lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương giới thiệu phải được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; biên bản hội nghị cử tri nơi cư trú lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương giới thiệu, người tự ứng cử đại biểu Quốc hội phải được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh ngay sau khi kết thúc hội nghị cử tri.

Biên bản hội nghị cử tri nơi cư trú lấy ý kiến về người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, biên bản hội nghị cử tri lấy ý kiến về người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương ngay sau khi kết thúc hội nghị cử tri.

Câu 147. Việc xác minh và trả lời các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như thế nào?

Trong quá trình lấy ý kiến cử tri nơi cư trú (đối với tất cả các những người

được giới thiệu ứng cử) và lấy ý kiến cử tri nơi công tác (nếu có) (đối với những người tự ứng cử, người được thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã), nếu phát sinh các vấn đề, vụ việc mà cử tri nêu ra cần phải được kiểm tra, xác minh thì việc xác minh và trả lời về các vụ việc do cử tri nêu được thực hiện như sau:

- Đối với vụ việc ở nơi công tác thì cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý người ứng cử có trách nhiệm xác minh và trả lời bằng văn bản cho Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội); Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương (đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân).

Trường hợp người ứng cử là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thì cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp có trách nhiệm xác minh và trả lời. Nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị không có cấp trên trực tiếp quản lý thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định, thành lập cơ quan, tổ chức, đơn vị đó có trách nhiệm xác minh và trả lời.

- Đối với vụ việc ở khu dân cư thì cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xác minh và trả lời bằng văn bản cho Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội); Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương (đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân).

- Đối với người tự ứng cử đại biểu Quốc hội thì Ủy ban bầu cử ở tỉnh có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý người đó hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác minh và trả lời bằng văn bản cho Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh. Đối với người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thì Ủy ban bầu cử có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý người đó hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác minh và trả lời bằng văn bản cho Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương.

Chậm nhất là ngày 13 tháng 4 năm 2021 (40 ngày trước ngày bầu cử và trước khi tiến hành Hội nghị hiệp thương lần thứ ba), việc xác minh và trả lời về các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải được tiến hành xong.

Câu 148. Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ hai về cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội được thực hiện như thế nào?

Việc Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ hai về cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội là nhằm bảo đảm cơ cấu, thành phần người được giới thiệu đáp ứng được yêu cầu mà luật đã quy định (về số người ứng cử là người dân tộc thiểu số, là phụ nữ), bảo đảm tỷ lệ cân đối người ứng cử là người trẻ tuổi, người ngoài Đảng, người đại diện cho các cơ quan, tổ chức ở trung ương với địa phương, người đại diện cho các cơ cấu ngành nghề trong xã hội... và phù hợp với tình hình thực tế, số lượng, chất lượng của người ứng cử trong cuộc bầu cử này.

Do đó, sau khi nhận được biên bản của Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở trung ương và địa phương về danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi đến và căn cứ vào kết quả Hội nghị hiệp thương lần thứ hai, ***chậm nhất là ngày 29 tháng 3 năm 2021*** (55 ngày trước ngày bầu cử), Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ hai cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

Câu 149. Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở trung ương đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành Hội nghị?

Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở trung ương do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam triệu tập, chủ trì ***trong khoảng thời gian từ ngày 14 tháng 4 năm 2021 đến ngày 18 tháng 4 năm 2021*** (chậm nhất là 35 ngày trước ngày bầu cử) để lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội ở trung ương.

Thành phần tham dự hội nghị cũng tương tự như các Hội nghị hiệp thương lần trước đó gồm: Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận. Đại diện Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ được mời tham dự hội nghị.

Thủ tục tổ chức Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở trung ương được thực hiện như sau:

- Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam báo cáo về tình hình, kết quả tổ chức lấy ý kiến nhận xét và sự tín nhiệm của cử tri nơi công tác, nơi cư trú đối với những người ứng cử, trong đó nêu rõ những trường hợp cần xem xét do có vụ việc cử tri nêu và danh sách người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội. Những trường hợp người ứng cử không đạt sự tín nhiệm của trên 50% tổng số cử tri tham dự tại hội nghị cử tri nơi cư trú thì không đưa vào danh sách giới thiệu tại Hội nghị hiệp thương lần thứ ba, trừ trường hợp

đặc biệt cần báo cáo rõ để hội nghị hiệp thương xem xét, quyết định.

Trường hợp đặc biệt là những người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội nhưng do điều kiện công tác đặc thù ít tiếp xúc với cử tri và Nhân dân nơi cư trú nên không đạt được trên 50% tổng số phiếu tín nhiệm của cử tri tham dự hội nghị...

- Hội nghị tiến hành thảo luận, lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội.

Trường hợp không thoả thuận được thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu gồm từ 03 đến 05 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải có dấu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

- Hội nghị thông qua biên bản và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội (theo Mẫu số 01/BCĐBQH-MT và Mẫu số 05/BCĐBQH-MT).

Chậm nhất là ngày 23 tháng 4 năm 2021 (30 ngày trước ngày bầu cử), Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam gửi biên bản Hội nghị hiệp thương lần thứ ba và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử được Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội đến Hội đồng bầu cử quốc gia và Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Câu 150. Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành?

Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở địa phương do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh triệu tập, chủ trì **trong khoảng thời gian từ ngày 14 tháng 4 năm 2021 đến ngày 18 tháng 4 năm 2021** (chậm nhất là 35 ngày trước ngày bầu cử) để lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội ở địa phương.

Thành phần tham dự hội nghị cũng tương tự như các Hội nghị hiệp thương lần trước đó gồm: Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện trực thuộc. Đại diện Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được mời tham dự hội nghị này.

Thủ tục tổ chức Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở địa phương được thực hiện như sau:

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh báo cáo về tình hình, kết quả tổ chức lấy ý kiến nhận xét và sự tín nhiệm của cử tri nơi công tác, nơi cư trú đối với những người ứng cử, trong đó cần nêu rõ những trường hợp cần xem xét do có vụ việc cử tri nêu và danh sách người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội. Danh sách giới thiệu người ứng cử trình Hội nghị hiệp thương lần thứ ba phải bảo đảm có số dư lớn hơn số dư tối thiểu theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Những trường hợp người ứng cử không đạt sự tín nhiệm của trên 50% tổng số cử tri tham dự tại hội nghị cử tri nơi cư trú thì không đưa vào danh sách giới thiệu tại Hội nghị hiệp thương lần thứ ba, trừ trường hợp đặc biệt cần báo cáo rõ để hội nghị hiệp thương xem xét, quyết định.

Trường hợp đặc biệt là những người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội nhưng do điều kiện công tác đặc thù ít tiếp xúc với cử tri và Nhân dân nơi cư trú nên không đạt được trên 50% tổng số phiếu tín nhiệm của cử tri tham dự hội nghị...

- Hội nghị tiến hành thảo luận, lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội.

Trường hợp không thoả thuận được thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu gồm từ 03 đến 05 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

- Hội nghị thông qua biên bản và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội (theo Mẫu số 01/BCĐBQH-MT và Mẫu số 05/BCĐBQH-MT).

Chậm nhất là ngày 23 tháng 4 năm 2021 (30 ngày trước ngày bầu cử), Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh gửi biên bản Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở địa phương cùng danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử được Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Câu 151. Hội nghị hiệp thương lần thứ ba đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành Hội nghị?

Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hiệp thương triệu tập, chủ trì ***trong khoảng thời gian từ ngày 14 tháng 4 năm 2021 đến ngày 18 tháng 4 năm 2021*** (chậm nhất là 35 ngày trước ngày bầu cử) để lựa chọn, lập

danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình.

Thành phần tham dự hội nghị cũng tương tự như các Hội nghị hiệp thương lần trước đó gồm: Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp. Đại diện Ủy ban bầu cử, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp được mời tham dự hội nghị này.

Thủ tục tổ chức Hội nghị hiệp thương lần thứ ba để giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như sau:

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương báo cáo về tình hình, kết quả tổ chức lấy ý kiến nhận xét và sự tín nhiệm của cử tri nơi công tác, nơi cư trú đối với những người ứng cử, trong đó cần nêu rõ những trường hợp cần xem xét do có vụ việc cử tri nêu và danh sách người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Danh sách giới thiệu người ứng cử trình Hội nghị hiệp thương lần thứ ba phải bảo đảm có số dư lớn hơn số dư tối thiểu theo quy định của Luật. Những trường hợp người ứng cử không đạt sự tín nhiệm của trên 50% tổng số cử tri tham dự tại hội nghị cử tri nơi cư trú thì không đưa vào danh sách giới thiệu tại Hội nghị hiệp thương lần thứ ba, trừ trường hợp đặc biệt cần báo cáo rõ để hội nghị hiệp thương xem xét, quyết định.

Trường hợp đặc biệt là những người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhưng do điều kiện công tác đặc thù ít tiếp xúc với cử tri và Nhân dân nơi cư trú nên không đạt được trên 50% tổng số phiếu tín nhiệm của cử tri tham dự hội nghị...

- Hội nghị tiến hành thảo luận, lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trường hợp không thoả thuận được thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu gồm từ 03 đến 05 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

- Hội nghị thông qua biên bản và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (theo Mẫu số 01/BCĐBHDND-MT và Mẫu số 05/BCĐBHDND-MT).

Chậm nhất là ngày 23 tháng 4 năm 2021 (30 ngày trước ngày bầu cử), Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh gửi biên bản Hội nghị hiệp thương lần thứ ba và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và

Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử cùng cấp; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã gửi biên bản Hội nghị hiệp thương lần thứ ba và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử cùng cấp.

Câu 152. Sau khi đã hết thời hạn tổ chức Hội nghị hiệp thương lần thứ hai thì có thể bổ sung hoặc thay đổi danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân để đưa ra Hội nghị hiệp thương lần thứ ba được không?

Ngày 14 tháng 3 năm 2021 (70 ngày trước ngày bầu cử) là thời hạn cuối cùng để công dân hoàn thành việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (bao gồm cả người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử).

Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định chậm nhất là 65 ngày trước ngày bầu cử phải tổ chức xong Hội nghị hiệp thương lần thứ hai. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai căn cứ vào tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, cơ cấu thành phần và số lượng đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp điều chỉnh lần thứ nhất để lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và gửi lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú; đối với người tự ứng cử thì còn được gửi lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi người đó làm việc (nếu có). Do đó, khi thời hạn tổ chức Hội nghị hiệp thương lần thứ hai đã hết thì không thể còn thời gian để nộp bổ sung hồ sơ ứng cử mới được nữa. Bởi vậy, việc bổ sung người ứng cử vào danh sách sơ bộ người ứng cử đại biểu Quốc hội hoặc danh sách sơ bộ người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân sau ngày 14 tháng 3 năm 2021 là không thể thực hiện được.

PHẦN THỨ SÁU TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG BẦU CỬ

Câu 153. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền, vận động bầu cử được quy định như thế nào?

Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền, vận động bầu cử được phân công cụ thể như sau:

- Hội đồng bầu cử quốc gia chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử trong phạm vi cả nước; Ủy ban bầu cử các cấp chỉ đạo thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, vận động bầu cử và giải quyết khiếu nại, tố cáo về vận động bầu cử ở địa phương.

- Các cơ quan báo chí ở trung ương có trách nhiệm đưa tin về quá trình tổ chức công tác bầu cử, tình hình vận động bầu cử trong phạm vi cả nước. Các cơ quan thông tin đại chúng của địa phương có trách nhiệm đưa tin về hội nghị tiếp xúc cử tri, trả lời phỏng vấn của những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và việc vận động bầu cử ở địa phương.

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho người ứng cử đại biểu Quốc hội. Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp trong việc tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và chính quyền địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tạo điều kiện cho người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc với cử tri ở cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương mình.

Câu 154. Việc tổ chức tuyên truyền về cuộc bầu cử nhằm mục đích gì?

Việc tuyên truyền về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 có các mục đích sau đây:

- Tuyên truyền sâu rộng, tạo sự thống nhất về nhận thức, tư tưởng chính trị và hành động trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội để tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 đạt kết quả cao, bảo đảm dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm và thực sự là ngày hội của toàn dân.

- Thông qua tuyên truyền bầu cử góp phần tích cực vào việc xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đoàn kết, sáng tạo, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Câu 155. Việc tuyên truyền về cuộc bầu cử cần tập trung vào các nội dung nào?

Việc tuyên truyền về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng; nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 cần tập trung vào các nội dung sau đây:

1. Tuyên truyền, nêu bật mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; phân tích, làm rõ bối cảnh diễn ra sự kiện chính trị quan trọng này, đó là đất nước ta sau 35 năm đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu trên mọi lĩnh vực đời sống cũng như vượt qua những khó khăn, thách thức, nhất là từ dịch bệnh Covid - 19 của năm 2020.

2. Quán triệt đầy đủ, sâu sắc chủ trương, quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về cuộc bầu cử được nêu trong các chỉ thị của Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ (Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 20 tháng 6 năm 2020 của Bộ Chính trị về Lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026); các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan chức năng các cấp, như Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Nghị quyết số 1185/NQ-UBTVQH14 về dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội khóa XV, Nghị quyết số 1186/NQ-UBTVQH14 về việc hướng dẫn tổ chức hội nghị cử tri, việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố, việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung, Nghị quyết số 1187/NQ-UBTVQH14 về dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026...), Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng (Hướng dẫn số 13-HD/UBKTTW ngày 02 tháng 12 năm 2020 về giải quyết tố cáo, khiếu nại về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 của cấp ủy, tổ chức đảng, Ủy ban kiểm tra các cấp), Hội đồng Bầu cử quốc gia, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Nghị quyết liên tịch số 09/2021/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15/01/2021 về Hướng dẫn quy trình hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026) và Hội đồng nhân dân các cấp...

3. Tuyên truyền các quy định của pháp luật, như Hiến pháp năm 2013, Luật Tổ chức Quốc hội năm 2015 (vừa được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14), Luật Tổ chức chính quyền địa phương (vừa được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2019/QH14), Thông tư số 01/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Bộ Nội vụ về Hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Trong đó, tập trung tuyên truyền vị trí, vai trò của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; nguyên tắc bầu cử, tiêu chuẩn đại biểu, quyền bầu cử và ứng cử của công dân; số lượng, cơ cấu đại biểu (độ tuổi, vùng miền, thành phần...); việc thẩm định hồ sơ, danh sách, lý lịch của người được giới thiệu ứng cử và tự ứng cử; quyền lợi và trách nhiệm của cử tri... Chú trọng giới thiệu những điểm mới của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

4. Nêu bật những thành tựu của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp qua các thời kỳ; khẳng định sự kế thừa, phát huy tinh thần đổi mới của Quốc hội trong hoạt động lập pháp, giám sát và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; việc thực hiện trách nhiệm là cơ quan quyền lực nhà nước trong việc thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc trong những năm vừa qua, đặc biệt là 05 năm gần đây.

5. Tuyên truyền sự lãnh đạo, chỉ đạo hiệu quả của cấp ủy đảng và chính quyền các cấp đối với công tác bầu cử (chuẩn bị tổ chức và quá trình thực hiện...); nhấn mạnh vai trò, tinh thần trách nhiệm của các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị cũng như cử tri cả nước, góp phần vào sự thành công của cuộc bầu cử. Tập trung tuyên truyền kết quả bầu cử và không khí dân chủ, đúng pháp luật trong bầu cử, nhất là ý thức tự giác thực hiện quyền lợi và trách nhiệm của cử tri.

6. Tuyên truyền các phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động chào mừng; biểu dương kịp thời những tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác bầu cử, nhất là bầu cử ở nơi biên giới, hải đảo, các vùng còn nhiều khó khăn, các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo.

7. Tuyên truyền đấu tranh, phản bác thông tin, quan điểm sai trái, xuyên tạc phá hoại cuộc bầu cử, lợi dụng bầu cử để kích động, gây rối, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chống phá Đảng và Nhà nước.

Câu 156. Các khẩu hiệu nào cần được tập trung sử dụng trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026?

Trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, các cơ quan, tổ chức, địa phương cần tập trung sử dụng các khẩu hiệu tuyên truyền sau đây:

1. Nhiệt liệt chào mừng Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026!

2. Ngày 23-5-2021, cử tri cả nước đi bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026!

3. Cử tri cả nước tích cực tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026!

4. Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp là quyền và nghĩa vụ của mỗi công dân!

5. Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 là ngày hội của toàn dân!

6. Sáng suốt lựa chọn những người tiêu biểu về đức, tài, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân bầu vào Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026!

7. Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp là trực tiếp góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân!

8. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thi đua lập thành tích chào mừng cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026!

9. Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!

10. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!

11. Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Câu 157. Các mốc thời gian cần tập trung cho công tác thông tin, tuyên truyền là như thế nào?

Công tác tuyên truyền về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được tiến hành từ tháng 01 năm 2021, cao điểm từ tháng 4 năm 2021 đến ngày bầu cử 23 tháng 5 năm 2021 và sau khi kết thúc bầu cử, công bố kết quả bầu cử, cụ thể:

- *Đợt 1: Từ tháng 01 năm 2021, cao điểm tháng 4 năm 2021.*

Tập trung tuyên truyền Hiến pháp năm 2013, Chỉ thị 45-CT/TW ngày 20 tháng 6 năm 2020 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, các quy định của pháp luật, kế hoạch, hướng dẫn về bầu cử; tiêu chuẩn về đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; quy định về giới thiệu người ứng cử, tự ứng cử; quyền lợi và trách nhiệm của cử tri.

Tuyên truyền những thành tựu của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp qua các thời kỳ, đặc biệt là những đổi mới trong hoạt động lập pháp, giám sát và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước những năm gần đây.

- *Đợt 2: Từ tháng 4 năm 2021 đến ngày bầu cử 23 tháng 5 năm 2021.*

Tiếp tục tuyên truyền về tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, quyền và nghĩa vụ của người ứng cử, quyền lợi và nghĩa vụ của cử tri, các quy định về bầu cử và thể thức bầu cử.

Tập trung tuyên truyền về diễn biến cuộc bầu cử, không khí phấn khởi, tin tưởng của cử tri và Nhân dân cả nước trong Ngày bầu cử 23 tháng 5 năm 2021.

- *Đợt 3: Sau ngày bầu cử 23 tháng 5 năm 2021.*

Tập trung tuyên truyền kết quả bầu cử và các hoạt động chào mừng thành công cuộc bầu cử trên cả nước.

Câu 158. Vận động bầu cử là gì và phải bảo đảm những yêu cầu gì?

Vận động bầu cử của người ứng cử là hoạt động gặp gỡ, tiếp xúc cử tri hoặc thông qua phương tiện thông tin đại chúng để người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân báo cáo với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nhằm thực hiện trách nhiệm đại biểu nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và trao đổi những vấn đề mà cử tri quan tâm; tạo điều kiện để cử tri tiếp xúc với người ứng cử, hiểu rõ hơn người ứng cử; trên cơ sở đó cân nhắc, lựa chọn, bầu những người đủ tiêu chuẩn làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Việc tổ chức vận động bầu cử phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- Việc vận động bầu cử được tiến hành dân chủ, công khai, bình đẳng, đúng pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

- Người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử nào thì thực hiện vận động bầu cử tại đơn vị bầu cử đó.

- Các tổ chức phụ trách bầu cử và thành viên của các tổ chức này không được vận động cho người ứng cử.

Câu 159. Người ứng cử được sử dụng các hình thức vận động bầu cử nào?

Việc vận động bầu cử của người ứng cử được tiến hành bằng các hình thức sau đây:

- Gặp gỡ, tiếp xúc với cử tri tại hội nghị tiếp xúc cử tri ở địa phương nơi mình ứng cử.

- Thông qua phương tiện thông tin đại chúng.

Câu 160. Hội nghị tiếp xúc cử tri trong vận động bầu cử do ai tổ chức và có những nội dung gì?

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân ở đơn vị bầu cử tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Thành phần tham dự hội nghị tiếp xúc cử tri gồm đại diện các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cử tri ở địa phương.

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tại đơn vị bầu cử tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình. Thành phần tham dự hội nghị tiếp xúc cử tri gồm đại diện các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cử tri ở địa phương.

Ủy ban nhân dân nơi tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri có trách nhiệm thông báo về thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị để cử tri tham dự đông đủ.

Chương trình hội nghị tiếp xúc cử tri gồm các nội dung sau đây:

- Tuyên bố lý do.

- Đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri chủ trì cuộc tiếp xúc cử tri, giới thiệu và đọc tiểu sử tóm tắt của người ứng cử.

- Từng người ứng cử báo cáo với cử tri về chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Cử tri nêu ý kiến, đề đạt nguyện vọng của mình với những người ứng cử. Người ứng cử và cử tri trao đổi dân chủ, thẳng thắn và cởi mở những vấn đề cùng quan tâm.

- Người chủ trì hội nghị phát biểu ý kiến kết thúc hội nghị.

Sau hội nghị tiếp xúc cử tri, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh lập báo cáo tình hình tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương, ý kiến của cử tri về từng người ứng cử đại biểu Quốc hội gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia và Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp lập báo cáo tình hình tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương mình gửi đến Ủy ban bầu cử cùng cấp và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp.

Câu 161. Việc vận động bầu cử thông qua các phương tiện thông tin đại chúng được quy định như thế nào?

Người ứng cử đại biểu Quốc hội trình bày với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội khi trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương nơi mình ứng cử và trên trang thông tin điện tử về bầu cử đại biểu Quốc hội của Hội đồng bầu cử

quốc gia.

Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân trình bày với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Hội đồng nhân dân khi trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và trên trang thông tin điện tử về bầu cử của Ủy ban bầu cử (nếu có).

Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan quản lý trang thông tin điện tử thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc đăng tải nội dung vận động bầu cử.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức việc đăng tải, thông tin chương trình hành động của người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

Câu 162. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức đối với việc vận động bầu cử được quy định như thế nào?

Hội đồng bầu cử quốc gia chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử trong phạm vi cả nước; Ủy ban bầu cử các cấp chỉ đạo thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, vận động bầu cử và giải quyết khiếu nại, tố cáo về vận động bầu cử ở địa phương.

Các cơ quan báo chí ở trung ương có trách nhiệm đưa tin về quá trình tổ chức công tác bầu cử, tình hình vận động bầu cử trong phạm vi cả nước. Các cơ quan thông tin đại chúng của địa phương có trách nhiệm đưa tin về hội nghị tiếp xúc cử tri, trả lời phỏng vấn của những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và việc vận động bầu cử ở địa phương.

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho người ứng cử đại biểu Quốc hội. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp trong việc tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và chính quyền địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tạo điều kiện cho người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc với cử tri ở cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương mình.

Câu 163. Trong vận động bầu cử, pháp luật cấm những hành vi nào?

Những hành vi bị cấm trong vận động bầu cử gồm:

- Lợi dụng vận động bầu cử để tuyên truyền trái với Hiến pháp và pháp luật hoặc làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền, lợi ích hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân khác.

- Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng phương tiện thông tin đại chúng trong vận động bầu cử.

- Lợi dụng vận động bầu cử để vận động tài trợ, quyên góp ở trong nước và nước ngoài cho tổ chức, cá nhân mình.

- Sử dụng hoặc hứa tặng, cho, ủng hộ tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất để lôi kéo, mua chuộc cử tri.

- Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử không được vận động bầu cử cho những người ứng cử. Thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử nói trên không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để vận động bầu cử cho những người ứng cử nhằm bảo đảm sự công bằng, bình đẳng đối với những người ứng cử.

PHẦN THỨ BẢY
NGÀY BẦU CỬ, NGUYÊN TẮC, TRÌNH TỰ BỎ PHIẾU,
KIỂM PHIẾU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BẦU CỬ

Câu 164. Ngày bầu cử được quy định như thế nào?

Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định ngày bầu cử phải là ngày Chủ nhật và được công bố chậm nhất là 115 ngày trước ngày bầu cử. Trường hợp đặc biệt cần hoãn ngày bỏ phiếu hoặc bỏ phiếu sớm hơn ngày quy định thì Ủy ban bầu cử trình Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định.

Căn cứ vào quy định nói trên, Quốc hội khóa XIV đã ban hành Nghị quyết số 133/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 quyết định rõ *Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 là Chủ nhật, ngày 23 tháng 5 năm 2021.*

Câu 165. Vào ngày bầu cử, việc bỏ phiếu được bắt đầu và kết thúc khi nào? Việc bỏ phiếu có thể bắt đầu sớm và kết thúc sớm hoặc muộn hơn không?

Trong ngày bầu cử đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định, công bố, việc bỏ phiếu sẽ được bắt đầu từ 07 giờ sáng và thực hiện liên tục cho đến 07 giờ tối cùng ngày. Tùy tình hình địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định cho bắt đầu việc bỏ phiếu sớm hơn nhưng không được trước 05 giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn nhưng không được quá 09 giờ tối cùng ngày.

Trường hợp gần đến giờ kết thúc việc bỏ phiếu theo quy định mà vẫn còn cử tri chưa thực hiện xong việc bỏ phiếu thì Tổ bầu cử có trách nhiệm thông báo đến các cử tri còn ở trong khu vực phòng bỏ phiếu về việc chuẩn bị kết thúc thời gian bỏ phiếu và đề nghị cử tri khẩn trương hoàn thành việc bỏ phiếu. Tổ bầu cử thực hiện việc đóng hòm phiếu vào đúng thời gian đã quy định, không phụ thuộc vào việc cử tri đã bỏ phiếu hết hay chưa.

Việc bỏ phiếu phải được tiến hành liên tục. Trong trường hợp có sự kiện bất ngờ làm gián đoạn việc bỏ phiếu thì Tổ bầu cử phải lập tức niêm phong hòm phiếu, tài liệu liên quan trực tiếp đến cuộc bầu cử, kịp thời báo cáo cho Ban bầu cử, đồng thời phải có những biện pháp cần thiết để việc bỏ phiếu được tiếp tục.

Trường hợp chưa hết thời gian bỏ phiếu theo quy định mà đã có 100% người trong danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu đã tham gia bỏ phiếu thì Tổ bầu cử cũng không được tuyên bố kết thúc cuộc bỏ phiếu và tiến hành kiểm phiếu trước thời điểm 07 giờ tối cùng ngày. Do đó, về nguyên tắc, các Tổ bầu cử, thành viên các Tổ bầu cử có thể vận động, tuyên truyền để cử tri tích cực tham gia bỏ phiếu, thực hiện quyền bầu cử của mình nhưng không được thúc giục, ép buộc cử

tri phải đi bỏ phiếu sớm để kết thúc sớm việc bỏ phiếu.

Câu 166. Các địa điểm bỏ phiếu (phòng bỏ phiếu) bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được trang trí, tổ chức như thế nào?

Địa điểm bỏ phiếu được bố trí ở những nơi công cộng (như nhà văn hóa, hội trường, trường học,...) thuận tiện cho cử tri cũng như thuận lợi cho việc bố trí các trang thiết bị phục vụ cho cuộc bầu cử. Tùy theo điều kiện cơ sở vật chất ở địa phương và căn cứ vào mật độ phân bố dân cư ở khu vực bỏ phiếu, Tổ bầu cử lựa chọn địa điểm bỏ phiếu (phòng bỏ phiếu) cho phù hợp, bảo đảm thuận tiện để cử tri đến bầu cử.

Địa điểm bỏ phiếu phải được trang trí trang nghiêm, tiết kiệm; bố trí lối vào cho cử tri bỏ phiếu và lối ra cho cử tri sau khi đã bỏ phiếu xong; địa điểm bỏ phiếu phải bảo đảm an ninh, trật tự. Tổ trưởng Tổ bầu cử phải phân công thành viên Tổ bầu cử luân phiên trực bảo vệ địa điểm bỏ phiếu cả ngày và đêm trước, trong ngày bầu cử và cho đến khi kết thúc việc bỏ phiếu, tổng hợp, lập biên bản kiểm phiếu gửi đến Ủy ban bầu cử tương ứng.

Địa điểm bỏ phiếu gồm: cổng ra - vào, khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu và khu vực bên trong phòng bỏ phiếu phải được trang trí theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 01/2020/TT-BNV ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Bộ Nội vụ và cơ quan có thẩm quyền ở địa phương.

a) Cổng ra - vào và khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu:

- Tổ bầu cử sử dụng vật liệu sẵn có ở địa phương để làm cổng ra vào khu vực bỏ phiếu.

- Khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu là nơi niêm yết danh sách cử tri; nội quy phòng bỏ phiếu, thể lệ bầu cử; nơi tổ chức lễ khai mạc; nơi tiếp đón cử tri đến bỏ phiếu. Khu vực này có thể bố trí bàn, ghế để cử tri chờ thực hiện việc bỏ phiếu.

b) Khu vực bên trong phòng bỏ phiếu:

- Khu vực bên trong phòng bỏ phiếu phải được bố trí trang trọng, đủ bàn, ghế, bút viết và những điều kiện cần thiết để cử tri đến bỏ phiếu; nơi nào có hội trường rộng thì có thể tổ chức lễ khai mạc ngay trong phòng bỏ phiếu.

- Phòng bỏ phiếu phải có lối đi vào, lối đi ra một chiều và theo trật tự nhất định, có thể tham khảo bố trí theo sơ đồ sau: Bắt đầu lối vào là bàn hướng dẫn, bàn để cử tri xuất trình Thẻ cử tri và nhận phiếu bầu; tiếp đến là một số bàn để cử tri viết phiếu bầu, nơi để hòm phiếu; bàn đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào Thẻ cử tri để xác nhận cử tri đã bỏ phiếu; lối ra cho cử tri sau khi cử tri đã thực hiện xong việc bỏ phiếu.

- Tùy điều kiện cụ thể của từng phòng bỏ phiếu, Tổ bầu cử niêm yết danh

sách, tiêu sử những người ứng cử; tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội và tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân để cử tri tham khảo trước khi viết phiếu bầu.

- Nơi cử tri viết phiếu bầu cần có các vách ngăn hoặc phòng kín để bảo đảm cử tri “bỏ phiếu kín” theo quy định của pháp luật về bầu cử.

Câu 167. Các nội dung của Nội quy phòng bỏ phiếu?

Để cuộc bầu cử đạt kết quả, bảo đảm dân chủ, hợp pháp của cuộc bầu cử và bảo đảm trật tự, an toàn, nhất là trong ngày bỏ phiếu, các tổ chức phụ trách bầu cử và mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và những văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Bên cạnh đó, khi đến bỏ phiếu, mọi người đều phải tuân theo nội quy của phòng bỏ phiếu do Hội đồng bầu cử quốc gia quy định.

Nội quy phòng bỏ phiếu được Tổ bầu cử niêm yết tại phòng bỏ phiếu và gồm các nội dung sau đây:

- Phải chấp hành đúng nguyên tắc, trình tự bỏ phiếu.
- Cử tri phải xếp hàng lần lượt để thực hiện việc bỏ phiếu, ưu tiên người cao tuổi, người khuyết tật và phụ nữ có thai.
- Phải giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn tại khu vực bỏ phiếu.
- Không được vận động bầu cử tại nơi bỏ phiếu dưới bất kỳ hình thức nào.
- Không được mang vũ khí, chất nổ, vật dễ cháy... vào khu vực bỏ phiếu, phòng bỏ phiếu.
- Những người không có nhiệm vụ thì không được vào phòng bỏ phiếu.
- Thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử, những người có nhiệm vụ phục vụ bầu cử phải đeo phù hiệu theo mẫu do Ủy ban bầu cử ở cấp tỉnh quy định; thành viên Tổ bầu cử có trách nhiệm hướng dẫn cử tri bỏ phiếu và giải đáp thắc mắc của cử tri.
- Khi cử tri bỏ phiếu xong, Tổ bầu cử có trách nhiệm đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào mặt trước của Thẻ cử tri. Thẻ cử tri chỉ có giá trị cho một lần bỏ phiếu.

- Người nào dùng thủ đoạn lừa gạt, mua chuộc hoặc cưỡng ép làm trở ngại việc bầu cử của công dân, vi phạm các quy định về vận động bầu cử; người có trách nhiệm trong công tác bầu cử mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu bầu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bầu cử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Câu 168. Hòm phiếu để phục vụ công tác bầu cử phải đáp ứng những yêu cầu gì?

Việc chuẩn bị hòm phiếu, số lượng, kích cỡ hòm phiếu tùy theo đặc điểm,

điều kiện của từng địa phương theo hướng dẫn cụ thể của Ủy ban bầu cử ở cấp tỉnh. Hòm phiếu có thể được đóng mới hoặc sử dụng hòm phiếu bầu cử hiện có. Hòm phiếu phải bảo đảm chắc chắn, trang trí sạch đẹp, phía mặt trước của hòm phiếu có dán hình Quốc huy, phía dưới có dòng chữ “HÒM PHIẾU”. Ngoài hòm phiếu chính, Tổ bầu cử phải chuẩn bị hòm phiếu phụ (hòm phiếu lưu động) và băng niêm phong hòm phiếu.

Câu 169. Hòm phiếu phụ là gì? Trong trường hợp nào thì dùng hòm phiếu phụ?

Hòm phiếu phụ là hòm phiếu dự phòng và có thể được di chuyển ra khỏi phòng bỏ phiếu. Trong trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở, chỗ điều trị của cử tri để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri là người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ; người đang bị cách ly xã hội tập trung tại các cơ sở điều trị Covid-19 hoặc các địa điểm cách ly tập trung khác và người đang bị cách ly tại nhà (nếu có); những khu vực bị chia cắt do thiên tai, lũ lụt thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến các địa điểm nêu trên để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

Sau khi những cử tri này bỏ phiếu xong, thành viên Tổ bầu cử phải mang ngay hòm phiếu phụ về phòng bỏ phiếu.

Câu 170. Phiếu bầu cử được quy định như thế nào?

Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội, Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân từng cấp phải được in riêng từng loại trên 01 mặt trang giấy A5 (21cm x 14,8cm) theo chiều dọc khổ giấy. Màu sắc từng loại phiếu bầu cử do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn nhưng không được trùng màu với các loại Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội hay Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp khác trên cùng địa bàn.

Phiếu bầu cử hợp lệ phải có dấu của Tổ bầu cử ở góc phía trên bên trái. Trên phiếu phải ghi rõ:

- Tên đơn vị bầu cử.
- Tên phiếu bầu cử (Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV hay Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân khóa mấy, nhiệm kỳ 2021-2026 của đơn vị hành chính cụ thể nào).
- Số lượng đại biểu Quốc hội được bầu do Hội đồng bầu cử quốc gia ấn định cho đơn vị bầu cử đó đối với Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội hoặc số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu do Ủy ban bầu cử tương ứng ấn định cho đơn vị bầu cử đó đối với Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Phân ghi họ và tên những người ứng cử tại đơn vị bầu cử xếp tên theo vần chữ cái A, B, C... như trên Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu đã được công bố. Họ và tên mỗi người ứng cử ghi ở một dòng riêng. Đằng trước họ và tên có từ "Ông" hoặc "Bà" tương ứng với giới tính của từng người ứng cử. Trường hợp người ứng cử có tên khai sinh, tên thường gọi khác nhau hoặc có tên gọi khác thì ghi tên khai sinh trước; tên thường gọi, tên gọi khác hoặc pháp danh kèm theo pháp hiệu được ghi và đặt trong dấu ngoặc đơn ở phía sau. Có thể viết trong cùng 01 dòng hoặc tách thành 02 dòng liền nhau nhưng có cùng kiểu chữ, cỡ chữ.

Trường hợp họ và tên của những người ứng cử có phần tên giống nhau thì căn cứ vào phần họ để xác định thứ tự; trường hợp phần họ cũng giống nhau thì căn cứ vào phần tên đệm. Trường hợp trùng hoàn toàn cả họ, tên và tên đệm thì xếp theo ngày tháng năm sinh; người nào có ngày tháng năm sinh sớm hơn thì được xếp trước; trên Phiếu bầu cử sẽ ghi thêm ngày tháng năm sinh trong dấu ngoặc đơn ngay cạnh phần họ và tên của những người ứng cử có họ và tên giống nhau.

Việc tổ chức in ấn Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện; việc tổ chức in ấn Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp nào do Ủy ban nhân dân ở cấp đó thực hiện. Các địa phương căn cứ vào điều kiện, tình hình thực tế, danh sách cử tri của địa phương để quyết định tổng số phiếu bầu cử cần in (bao gồm cả tỷ lệ phiếu dự phòng cần thiết). Việc in ấn, bàn giao, quản lý phiếu bầu cử phải được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định. Tại các khu vực bỏ phiếu, trước khi mở hòm phiếu để kiểm phiếu, Tổ bầu cử phải kiểm đếm, thống kê, lập biên bản và niêm phong toàn bộ số phiếu bầu cử chưa sử dụng, số phiếu gạch hồng bị đổi trả lại theo đúng quy định.

Câu 171. Trước ngày bầu cử, Tổ bầu cử được nhận bàn giao các loại tài liệu, vật tư nào để sử dụng trong công tác bầu cử?

Để sử dụng trong việc thực hiện công tác bầu cử, Tổ bầu cử phân công thành viên nhận các loại tài liệu, vật tư sau đây từ Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban bầu cử cùng cấp:

1. Nhận Thẻ cử tri theo danh sách cử tri ở khu vực bỏ phiếu và phát cho cử tri trước ngày bầu cử theo quy định của pháp luật về bầu cử.

2. Nhận đủ số lượng phiếu bầu theo danh sách cử tri và số lượng phiếu bầu dự phòng. Khi nhận phiếu bầu phải có biên bản bàn giao giữa người giao và người nhận về số lượng cụ thể của từng loại phiếu bầu. Tổ bầu cử kiểm tra kỹ phiếu bầu về số lượng đại biểu được bầu ở đơn vị bầu cử, danh sách họ và tên những ứng cử viên đúng với khu vực bỏ phiếu của tổ mình và phải quản lý chặt chẽ số lượng các loại phiếu bầu.

3. Con dấu của Tổ bầu cử và con dấu “Đã bỏ phiếu”.

4. Các loại biên bản, biểu mẫu của Tổ bầu cử.

5. Danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu.

6. Danh sách và tiểu sử tóm tắt của những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 tại khu vực bỏ phiếu.

7. Nội quy phòng bỏ phiếu, thẻ lệ bầu cử, mẫu diễn văn khai mạc, tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội và tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân.

8. Phù hiệu của các thành viên Tổ bầu cử.

9. Văn phòng phẩm (bút, giấy, kéo, thước kẻ, keo dán, hộp mực con dấu,...).

10. Các tài liệu khác liên quan đến bầu cử theo hướng dẫn của địa phương.

Câu 172. Các công việc mà Tổ bầu cử cần thực hiện trước ngày bầu cử là gì?

1. Tổ trưởng Tổ bầu cử chủ trì cuộc họp phân công cụ thể cho từng thành viên thực hiện các công việc sau:

- Tổ trưởng phụ trách chung, trực tiếp chỉ đạo hoạt động trong phòng bỏ phiếu và việc bỏ phiếu, việc kiểm phiếu.

- Thư ký chịu trách nhiệm quản lý tài liệu, phiếu bầu, con dấu, làm biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử.

- Phân công thành viên chịu trách nhiệm về trang trí phòng bỏ phiếu, trực tiếp chỉ đạo hoạt động ngoài phòng bỏ phiếu và bảo đảm các điều kiện vật chất - kỹ thuật cho ngày bầu cử của Tổ bầu cử.

- Phân công thành viên chịu trách nhiệm kiểm tra Thẻ cử tri, đối chiếu danh sách cử tri, đánh dấu theo dõi số cử tri đi bầu vào danh sách cử tri, phát phiếu bầu đã được đóng dấu của Tổ bầu cử cho cử tri.

- Phân công thành viên chịu trách nhiệm hướng dẫn cử tri cách thức bỏ phiếu và viết phiếu bầu.

- Phân công thành viên chịu trách nhiệm trực tại bàn gần hòm phiếu, đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào mặt trước của Thẻ cử tri khi cử tri đã bỏ phiếu bầu vào hòm phiếu.

- Phân công thành viên hướng dẫn cử tri ra, vào phòng bỏ phiếu, nhận phiếu, viết phiếu và bỏ phiếu.

- Phân công thành viên phụ trách công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa điểm bỏ phiếu.

- Phân công thành viên đôn đốc, thông báo để các cử tri đi bỏ phiếu.

- Các công việc khác liên quan đến công tác bầu cử.

2. Tổ bầu cử thực hiện việc rà soát, kiểm tra lại toàn bộ các loại phương

tiện vật chất - kỹ thuật phục vụ ngày bầu cử, bao gồm:

- Phòng bỏ phiếu.
- Nơi niêm yết danh sách cử tri, danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội và người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.
- Phiếu bầu bảo đảm đúng đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu.
- Các con dấu.
- Các hòm phiếu.
- Các biên bản, biểu mẫu của Tổ bầu cử.
- Thành phần dự lễ khai mạc, diễn văn khai mạc và các văn phòng phẩm phục vụ việc bầu cử.

- Danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu, trong đó cần xác định rõ số cử tri là người ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể trực tiếp đi bỏ phiếu; người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng; người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ; người đang bị cách ly xã hội tập trung tại các cơ sở điều trị Covid-19 hoặc các địa điểm cách ly tập trung khác và người đang bị cách ly tại nhà (nếu có); những khu vực bị chia cắt do thiên tai, lũ lụt để có kế hoạch đưa hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến cho những cử tri này nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

- Các phương tiện vật chất - kỹ thuật khác phục vụ cho ngày bầu cử.

3. Quản lý phiếu bầu: Tổ trưởng Tổ bầu cử phân công thành viên quản lý chặt chẽ số phiếu bầu. Trường hợp phát hiện phiếu bầu bị mất thì Tổ bầu cử phải báo cáo ngay Ban bầu cử để có biện pháp xử lý kịp thời.

Câu 173. Các công việc mà Tổ bầu cử cần thực hiện trong ngày bầu cử là gì?

1. Các thành viên Tổ bầu cử phải đến trước giờ khai mạc để kiểm tra công tác chuẩn bị, bảo đảm thời gian khai mạc đúng giờ quy định. Việc bỏ phiếu bắt đầu từ 07 giờ sáng và kết thúc vào 07 giờ tối cùng ngày. Căn cứ tình hình thực tế ở địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định cho bắt đầu bỏ phiếu sớm hơn nhưng không được trước 05 giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn nhưng không được quá 09 giờ tối cùng ngày. Sau khi đã kiểm tra đầy đủ các điều kiện cần thiết cho ngày bầu cử, Tổ bầu cử mới tổ chức lễ khai mạc và tiến hành việc bỏ phiếu.

2. Tổ bầu cử tổ chức lễ khai mạc cuộc bầu cử tại phòng bỏ phiếu. Lễ khai mạc phải được tổ chức trang trọng, thời gian khoảng 15 đến 20 phút, do Tổ trưởng Tổ bầu cử chủ trì.

3. Tổ bầu cử tổ chức đề cử tri thực hiện việc bỏ phiếu:

- Cử tri phải tự mình đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu cử hộ, bầu

cử thay. Khi đến phòng bỏ phiếu, cử tri xuất trình Thẻ cử tri để được nhận phiếu bầu.

- Khi bắt đầu việc bỏ phiếu, Tổ bầu cử mời những cử tri có tên trong danh sách cử tri là lãnh đạo cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, người có công với cách mạng, chức sắc tôn giáo (nếu có) và cử tri là người cao tuổi nhất có mặt tại thời điểm khai mạc bỏ phiếu trước.

- Việc bỏ phiếu được tiến hành liên tục. Tổ bầu cử phải thường xuyên thông báo, hướng dẫn cử tri thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bầu cử, thể lệ bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu; đôn đốc cử tri tích cực thực hiện quyền và nghĩa vụ bầu cử của công dân; hướng dẫn cử tri cách thức bỏ phiếu và gạch phiếu bầu.

- Khi cử tri gạch phiếu bầu, không ai được xem, kể cả các thành viên Tổ bầu cử. Nếu cử tri gạch bị nhầm hoặc bị hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác; nếu cử tri yêu cầu đổi phiếu bầu khác do gạch hỏng, Tổ bầu cử phải thu hồi phiếu gạch hỏng của cử tri, sau đó mới được phát phiếu bầu khác. Cử tri không thể tự gạch phiếu bầu thì nhờ người khác gạch phiếu hộ nhưng phải tự mình bỏ phiếu. Người gạch phiếu hộ phải đọc đầy đủ họ và tên những người ứng cử trên phiếu bầu để cử tri tự mình quyết định. Người gạch hộ phiếu bầu phải ghi trung thực ý muốn của cử tri nhờ viết hộ và bảo đảm bí mật phiếu bầu. Khi viết hộ phiếu bầu xong phải giao lại phiếu bầu cho cử tri để cử tri tự mình bỏ phiếu vào hòm phiếu. Người khuyết tật không thể bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu. Ngoài các trường hợp nói trên, Tổ bầu cử không được cho phép cử tri bầu cử thay hay bầu cử hộ cho cử tri khác.

- Trong khi tiến hành bỏ phiếu, nếu có tình huống bất thường xảy ra làm gián đoạn cuộc bỏ phiếu thì Tổ trưởng Tổ bầu cử và các thành viên Tổ bầu cử phải nhanh chóng hội ý để kịp thời xử lý. Trường hợp vượt quá thẩm quyền hoặc không thể tự xử lý được thì phải tạm dừng cuộc bỏ phiếu, Tổ bầu cử phải tiến hành niêm phong và quản lý chặt chẽ hòm phiếu, phiếu bầu và các tài liệu liên quan khác, kịp thời báo cáo Ban bầu cử có liên quan để có phương án giải quyết, đồng thời phải có biện pháp cần thiết để việc bỏ phiếu được tiếp tục tiến hành.

- Tổ bầu cử phải chú ý đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào mặt trước của Thẻ cử tri khi cử tri đã hoàn thành việc bỏ phiếu bầu vào hòm phiếu; không được bỏ sót, bỏ lọt trường hợp cử tri đã bỏ phiếu bầu cử rồi mà chưa được đóng dấu “Đã bỏ phiếu” trên Thẻ cử tri; quản lý chặt chẽ số phiếu bầu cử và việc kiểm kê, kiểm tra, phân loại phiếu bầu.

- Trong quá trình diễn ra việc bỏ phiếu, các thành viên Tổ bầu cử phải ân cần, lịch sự, hướng dẫn tận tình, chu đáo cho cử tri đến tham gia bỏ phiếu. Các thành viên Tổ bầu cử được phân công đảm nhiệm từng công việc trong ngày bầu cử phải chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công và hỗ trợ thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ chung của Tổ bầu cử. Tổ bầu cử không được để những

người không có nhiệm vụ vào phòng bỏ phiếu. Không ai được mang vũ khí, chất nổ, vật dễ cháy,... vào địa điểm bỏ phiếu.

- Trường hợp phải sử dụng hòm phiếu phụ thì Tổ trưởng Tổ bầu cử chịu trách nhiệm kiểm tra số lượng phiếu bầu khi phát ra cho thành viên Tổ bầu cử để mang theo cùng với hòm phiếu phụ đến các cử tri là người ốm đau, già yếu, khuyết tật; người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng; người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ; người đang bị cách ly xã hội tập trung tại các cơ sở điều trị Covid-19 hoặc các địa điểm cách ly tập trung khác và người đang bị cách ly tại nhà (nếu có); những khu vực bị chia cắt do thiên tai, lũ lụt, để thực hiện việc bỏ phiếu do không đến được phòng bỏ phiếu. Sau khi những cử tri này bỏ phiếu xong, thành viên Tổ bầu cử phải mang ngay hòm phiếu phụ về phòng bỏ phiếu.

4. Kết thúc việc bỏ phiếu và tổ chức kiểm phiếu: Sau khi đã kết thúc giờ bỏ phiếu theo quy định thì Tổ bầu cử mới được mở hòm phiếu để kiểm phiếu.

5. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên khi tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu:

- Tổ trưởng Tổ bầu cử phân công các thành viên Tổ bầu cử thành các nhóm để thực hiện việc kiểm phiếu. Đối với các Tổ bầu cử đủ số lượng thành viên để phân thành 04 nhóm thì phân công thực hiện như sau: Nhóm kiểm phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội; nhóm kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; nhóm kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện; nhóm kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Đối với các Tổ bầu cử không đủ số lượng thành viên để phân thành 04 nhóm thì Tổ trưởng Tổ bầu cử phân công các nhóm kiểm phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp cho phù hợp.

- Thư ký Tổ bầu cử tiến hành lập các biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử.

Câu 174. Lễ khai mạc cuộc bầu cử được tổ chức như thế nào?

Khi đến giờ bắt đầu bỏ phiếu theo quy định, Tổ bầu cử phải tổ chức lễ khai mạc cuộc bầu cử tại phòng bỏ phiếu.

Thành phần tham dự lễ khai mạc bao gồm:

- Các thành viên Tổ bầu cử, những người có nhiệm vụ liên quan đến công tác bầu cử.

- Đại diện cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể ở địa phương.

- Đại diện cử tri là người cao tuổi, người có công với cách mạng và chức sắc tôn giáo trong khu vực (nếu có).

- Cử tri đến dự lễ khai mạc.

- Phóng viên báo, đài (nếu có).

Tổ trưởng Tổ bầu cử chủ trì lễ khai mạc theo trình tự sau đây:

- Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

- Đọc diễn văn khai mạc. Diễn văn khai mạc cần được chuẩn bị trang trọng, ngắn gọn, súc tích, nêu được mục đích, ý nghĩa của việc bầu cử.

- Đọc nội quy phòng bỏ phiếu.

- Kiểm tra hòm phiếu chính, hòm phiếu phụ trước sự chứng kiến của cử tri; mời 02 cử tri không phải là người có tên trong danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tại đơn vị bầu cử nơi có khu vực bỏ phiếu chứng kiến việc kiểm tra hòm phiếu, sau đó niêm phong hòm phiếu chính, hòm phiếu phụ theo quy định.

- Sau khi thực hiện thủ tục niêm phong hòm phiếu, Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố cuộc bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 bắt đầu.

Câu 175. Trước khi bỏ phiếu, thủ tục kiểm tra hòm phiếu được thực hiện như thế nào?

Trước khi bỏ phiếu, Tổ bầu cử phải kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của cử tri để bảo đảm tính công khai, khách quan và thực hiện nguyên tắc nhân dân kiểm tra. Đây cũng là hình thức để cử tri trực tiếp giám sát cuộc bầu cử.

Đúng giờ bắt đầu bỏ phiếu theo quy định, Tổ trưởng Tổ bầu cử mời 02 cử tri có mặt tại phòng bỏ phiếu mà không phải là người có tên trong danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tại đơn vị bầu cử nơi có khu vực bỏ phiếu chứng kiến việc kiểm tra hòm phiếu. Sau khi kiểm tra hòm phiếu và xác nhận không có gì ở trong, hòm phiếu được đóng và niêm phong bằng giấy có đóng dấu của Tổ bầu cử, thì cuộc bỏ phiếu mới được bắt đầu.

Câu 176. Việc bỏ phiếu được thực hiện như thế nào?

Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định về nguyên tắc bỏ phiếu như sau:

- Mỗi cử tri có quyền bỏ một phiếu bầu đại biểu Quốc hội và bỏ một phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng với mỗi cấp Hội đồng nhân dân.

- Cử tri phải tự mình đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu cử thay.

- Khi cử tri viết phiếu bầu, không ai được xem, kể cả thành viên Tổ bầu cử.

- Nếu viết hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác.

- Khi cử tri bỏ phiếu xong, Tổ bầu cử có trách nhiệm đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào Thẻ cử tri.

- Mọi người phải tuân theo nội quy phòng bỏ phiếu.

Câu 177. Việc cử tri ghi phiếu bầu cử được thực hiện như thế nào?

Tổ bầu cử có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể cử tri cách thức bỏ phiếu. Nếu cử tri không tín nhiệm người ứng cử nào thì gạch ngang cả họ và tên người ứng cử đó (gạch đè lên hàng chữ họ và tên người ứng cử); không khoanh tròn; không được đánh dấu trên phiếu bầu; không được viết thêm, không được ghi tên người ngoài danh sách ứng cử vào phiếu bầu; không bầu quá số đại biểu được ấn định trong phiếu bầu; không để nguyên phiếu bầu đối với phiếu bầu có số dư người ứng cử (không gạch tên người ứng cử nào) hoặc gạch tất cả người ứng cử trong phiếu bầu.

Trường hợp có phiếu gạch chéo, gạch xiên, gạch dọc hoặc gạch ngang nhưng gạch hết họ và tên của người ứng cử thì vẫn được tính là phiếu hợp lệ.

Trường hợp người ứng cử có hai tên (tên khai sinh, tên thường gọi) hoặc có chức vị, pháp danh, pháp hiệu theo tôn giáo, nếu cử tri không tín nhiệm người này, thì cần hướng dẫn cho cử tri gạch tất cả tên khai sinh, tên thường gọi hoặc chức vị, pháp danh, pháp hiệu tôn giáo của ứng cử viên đó. Tuy nhiên, trường hợp cử tri chỉ gạch một dòng tên khai sinh hoặc tên thường gọi; chỉ gạch một dòng tên khai sinh hoặc một dòng có chức vị, pháp danh, pháp hiệu (đối với chức sắc tôn giáo) thì phiếu bầu đó vẫn được tính là hợp lệ.

Trường hợp bên cạnh họ và tên của người ứng cử có cả ngày tháng năm sinh đặt trong ngoặc đơn do có sự giống nhau cả họ, tên và tên đệm, nếu cử tri không tín nhiệm người này thì cần hướng dẫn cho cử tri gạch hết cả họ và tên và ngày tháng năm sinh đặt trong ngoặc đơn. Tuy nhiên, nếu cử tri chỉ gạch họ và tên mà không gạch ngày tháng năm sinh đặt trong ngoặc đơn thì phiếu bầu đó vẫn được tính là hợp lệ.

Nếu cử tri yêu cầu đổi phiếu bầu khác do gạch hỏng, Tổ bầu cử phải thu hồi phiếu gạch hỏng của cử tri, sau đó mới được phát phiếu bầu khác.

Câu 178. Trường hợp nào thì cử tri được nhờ người khác viết hộ phiếu, bỏ hộ phiếu bầu cử?

Cử tri không thể tự viết được phiếu bầu cử thì được nhờ người khác viết hộ, người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu cử của cử tri.

Trường hợp cử tri vì khuyết tật không tự bỏ phiếu bầu cử được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

Câu 179. Thẻ cử tri sau khi công dân đã bỏ phiếu xong thì xử lý như thế nào?

Sau khi cử tri bỏ phiếu bầu cử xong, thành viên Tổ bầu cử có trách nhiệm nhắc cử tri xuất trình lại Thẻ cử tri và đóng dấu “Đã bỏ phiếu” lên mặt trước của Thẻ cử tri. Cử tri được giữ lại Thẻ cử tri; cử tri không được xuất trình Thẻ cử tri

đã đóng dấu “Đã bỏ phiếu” để yêu cầu tham gia bỏ phiếu.

Câu 180. Việc xử lý đối với một số tình huống đặc biệt có thể phát sinh trước, trong và sau ngày bầu cử được thực hiện như thế nào?

- Trường hợp dịch bệnh Covid-19 bùng phát ở địa phương trong thời gian gần đến ngày bầu cử, thì Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét chỉ đạo, hướng dẫn phương án tổ chức bầu cử đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, trên tinh thần là địa phương chủ động xây dựng các phương án tốt nhất để có kế hoạch đưa hòm phiếu phụ và phiếu bầu cử đến cho những cử tri bị ảnh hưởng do mắc bệnh hoặc do phải cách ly để họ nhận phiếu bầu cử và thực hiện việc bầu cử. Đồng thời, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

- Trường hợp xảy ra mưa lũ, thiên tai đặc biệt nghiêm trọng, địa hình bị chia cắt dẫn đến cử tri không thể đi đến các phòng bỏ phiếu thì Ủy ban bầu cử các cấp chỉ đạo Tổ bầu cử tìm phương án tốt nhất để có kế hoạch đưa hòm phiếu phụ và phiếu bầu cử đến giúp những cử tri này nhận phiếu bầu cử và thực hiện việc bầu cử.

- Trong trường hợp các tình huống phát sinh trên đã được các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương giải quyết nhưng không thể xử lý được, do vượt quá thẩm quyền thì Ủy ban bầu cử ở cấp tỉnh báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định phương án tổ chức bầu cử tại các khu vực này.

Câu 181. Những sự kiện bất ngờ làm gián đoạn cuộc bỏ phiếu được xử lý như thế nào?

Theo quy định tại Điều 71 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, việc bỏ phiếu phải được tiến hành liên tục trong ngày bầu cử. Trường hợp có những sự kiện bất ngờ làm gián đoạn cuộc bỏ phiếu, thì Tổ bầu cử phải lập tức niêm phong hòm phiếu, tài liệu liên quan trực tiếp đến cuộc bầu cử, kịp thời báo cho Ban bầu cử biết, đồng thời phải có những biện pháp cần thiết để việc bỏ phiếu được tiếp tục.

Trường hợp vì lý do đặc biệt phải hoãn ngày bỏ phiếu, thì Tổ bầu cử phải kịp thời báo cáo cho Ban bầu cử biết để đề nghị Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định.

Câu 182. Việc kiểm phiếu được tiến hành như thế nào? Những ai được chứng kiến việc kiểm phiếu?

Việc kiểm phiếu phải được tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Trình tự tiến hành việc kiểm phiếu được thực hiện như sau:

- Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử phải kiểm kê (đếm), niêm phong phiếu bầu cử chưa sử dụng và phiếu bầu cử do cử tri gạch hồng (nếu có), lập biên

bản kiểm kê việc sử dụng phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 (theo Mẫu số 35/HĐBC); toàn bộ phiếu bầu cử chưa sử dụng và phiếu bầu cử bị gạch hỏng được niêm phong và gửi kèm theo biên bản kiểm kê việc sử dụng phiếu bầu đến các Ban bầu cử tương ứng.

- Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử mời 02 cử tri là người biết chữ, có uy tín trong Nhân dân tại địa bàn và không phải là những người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tại khu vực bỏ phiếu đó chứng kiến việc mở hòm phiếu. Người ứng cử hoặc người đại diện hợp pháp của người ứng cử và các phóng viên được chứng kiến việc kiểm phiếu của Tổ bầu cử, nhưng phải đảm bảo khoảng cách an toàn để Tổ bầu cử thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu.

- Tổ trưởng Tổ bầu cử mở hòm phiếu chính và hòm phiếu phụ (nếu có) để tiến hành việc kiểm phiếu.

- Tổ bầu cử thực hiện việc phân loại phiếu bầu theo màu phiếu bầu đại biểu Quốc hội, màu phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; màu phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện; màu phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; kiểm kê (đếm) tổng số phiếu trong hòm phiếu để xác định số phiếu thu vào và bàn giao các loại phiếu cho các nhóm đã được phân công của Tổ bầu cử để bắt đầu việc kiểm phiếu.

- Tổ bầu cử tiến hành kiểm tra tổng số phiếu thu vào so với tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu. Nếu tổng số phiếu thu vào bằng hoặc ít hơn số cử tri đã tham gia bỏ phiếu thì Tổ bầu cử mới được tiến hành kiểm phiếu. Trường hợp tổng số phiếu thu vào nhiều hơn tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu thì Tổ bầu cử phải kiểm tra lại; nếu kiểm tra lại vẫn cho kết quả tổng số phiếu thu vào nhiều hơn tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu thì lập tức niêm phong hòm phiếu và báo cáo ngay Ban bầu cử tương ứng để giải quyết. Trường hợp vượt quá thẩm quyền giải quyết của Ban bầu cử thì Ban bầu cử phải kịp thời báo cáo Ủy ban bầu cử tương ứng để xem xét, quyết định.

Câu 183. Việc tham gia chứng kiến việc kiểm phiếu và khiếu nại về việc kiểm phiếu được thực hiện như thế nào?

Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định: *người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm có quyền chứng kiến việc kiểm phiếu và khiếu nại về việc kiểm phiếu. Các phóng viên báo chí được chứng kiến việc kiểm phiếu (Điều 73).* Để bảo đảm thực hiện quy định này, Hội đồng bầu cử quốc gia đã có hướng dẫn như sau:

Những người được tham gia chứng kiến việc kiểm phiếu bao gồm:

- “Người ứng cử” là người có tên trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đã được niêm yết

ở khu vực bỏ phiếu.

- “Đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử” là người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử chỉ định, phân công bằng văn bản tham gia chứng kiến việc kiểm phiếu bầu cử tại khu vực bỏ phiếu nơi có người ứng cử là người do cơ quan, tổ chức, đơn vị mình giới thiệu.

- “Người được ủy nhiệm” là người được người có tên trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội hoặc ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ủy quyền bằng văn bản để chứng kiến việc kiểm phiếu bầu cử tại khu vực bỏ phiếu mà người đó ứng cử. Văn bản ủy quyền phải được công chứng theo quy định của pháp luật.

- “Phóng viên báo chí” là người có thẻ nhà báo còn hiệu lực, được cơ quan báo chí phân công, giới thiệu đến để chứng kiến việc kiểm phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Việc đăng ký tham gia chứng kiến việc kiểm phiếu và khiếu nại về việc kiểm phiếu được thực hiện theo thủ tục sau đây:

- Người ứng cử xuất trình giấy Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác với Tổ trưởng Tổ bầu cử khi đề nghị tham gia chứng kiến việc kiểm phiếu hoặc khiếu nại về việc kiểm phiếu.

- Đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử xuất trình văn bản phân công, chỉ định hoặc giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức đơn vị và giấy Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác; người được ủy nhiệm xuất trình giấy ủy quyền và giấy Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác với Tổ trưởng Tổ bầu cử khi đề nghị tham gia chứng kiến việc kiểm phiếu hoặc khiếu nại về việc kiểm phiếu.

- Phóng viên báo chí xuất trình thẻ nhà báo còn hiệu lực và văn bản phân công hoặc giấy giới thiệu của cơ quan báo chí với Tổ trưởng Tổ bầu cử khi đề nghị tham gia chứng kiến việc kiểm phiếu.

- Trong quá trình chứng kiến việc kiểm phiếu, nếu phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm có quyền khiếu nại, tố cáo tại chỗ với Tổ bầu cử.

Để cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp diễn ra thành công tốt đẹp và đúng quy định của pháp luật, đồng thời bảo đảm quyền lợi chính đáng của người ứng cử và các cá nhân, tổ chức có liên quan, người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm có trách nhiệm liên hệ trước với Tổ bầu cử về việc tham dự chứng kiến kiểm phiếu; quan sát quá trình Tổ bầu cử thực hiện việc kiểm phiếu từ vị trí đã được Tổ bầu cử bố trí; tuân thủ các quy định của pháp luật, nội quy

phòng bỏ phiếu và sự hướng dẫn của Tổ bầu cử; bảo đảm an toàn, trật tự, không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Tổ bầu cử; khiếu nại, tố cáo với Tổ bầu cử nếu phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quá trình kiểm phiếu.

Phóng viên báo chí có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về báo chí, nội quy phòng bỏ phiếu và sự hướng dẫn của Tổ bầu cử trong quá trình tác nghiệp; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Tổ bầu cử; đưa tin, bài kịp thời, trung thực, chính xác về quá trình kiểm phiếu bầu cử để góp phần vào công tác thông tin, tuyên truyền về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Phóng viên báo chí nước ngoài có nhu cầu tham dự, đưa tin về hoạt động trong ngày bầu cử tại Việt Nam thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 về Hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

Tổ bầu cử có trách nhiệm hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm, phóng viên báo chí tham gia chứng kiến việc kiểm phiếu. Bố trí vị trí quan sát, chứng kiến thuận lợi nhưng không làm ảnh hưởng đến hoạt động kiểm phiếu của Tổ bầu cử; giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc kiểm phiếu (nếu có) và ghi nội dung giải quyết vào biên bản. Trường hợp không giải quyết được thì phải ghi rõ ý kiến của Tổ bầu cử vào biên bản giải quyết khiếu nại, tố cáo và chuyển đến Ban bầu cử tương ứng. Tổ trưởng Tổ bầu cử có quyền yêu cầu người chứng kiến kiểm phiếu, phóng viên báo chí ra khỏi khu vực kiểm phiếu nếu người chứng kiến kiểm phiếu, phóng viên báo chí có hành vi vi phạm nội quy phòng bỏ phiếu, gây mất an toàn, trật tự, làm ảnh hưởng đến hoạt động của Tổ bầu cử.

Câu 184. Những phiếu bầu cử nào là phiếu bầu cử hợp lệ?

Về nguyên tắc, phiếu bầu cử hợp lệ là phiếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Phiếu theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra.
- Phiếu có đóng dấu của Tổ bầu cử.
- Phiếu bầu đủ hoặc ít hơn số lượng đại biểu đã ấn định cho đơn vị bầu cử.
- Phiếu không ghi thêm tên người khác ngoài danh sách những người ứng cử hoặc ghi thêm nội dung khác.

Tổ bầu cử có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể cử tri cách thức bỏ phiếu để bảo đảm phiếu bầu cử hợp lệ. Theo các hướng dẫn tại Thông tư số 01/2021/TT-BNV của Bộ Nội vụ và hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia, nếu cử tri không tín nhiệm người ứng cử nào thì gạch ngang giữa cả họ và tên người ứng cử đó (gạch đè lên hàng họ và tên người ứng cử); không khoanh tròn, gạch chéo,

gạch dưới, gạch trên hàng họ và tên người ứng cử; không được đánh dấu trên phiếu bầu; không được viết thêm, không được ghi tên người ngoài danh sách ứng cử vào phiếu bầu; không được bầu quá số đại biểu được ấn định trong phiếu bầu; không được để nguyên phiếu bầu đối với phiếu bầu có số dư người ứng cử (không gạch tên người ứng cử nào) hoặc gạch tất cả người ứng cử trong phiếu bầu. Tuy nhiên, trường hợp trên phiếu gạch chéo, gạch xiên, gạch dọc hoặc gạch ngang nhưng gạch hết họ và tên của người ứng cử thì vẫn được tính là phiếu hợp lệ.

Trường hợp người ứng cử có hai tên (tên khai sinh, tên thường gọi) hoặc có chức vị, pháp danh, pháp hiệu theo tôn giáo, nếu cử tri không tín nhiệm người này, thì cần hướng dẫn cho cử tri gạch tất cả tên khai sinh, tên thường gọi hoặc chức vị, pháp danh, pháp hiệu tôn giáo của ứng cử viên đó. Tuy nhiên, nếu cử tri chỉ gạch một dòng tên khai sinh hoặc tên thường gọi; chỉ gạch một dòng tên khai sinh hoặc một dòng chức vị, pháp danh, pháp hiệu (đối với chức sắc tôn giáo) thì phiếu bầu đó vẫn được tính là hợp lệ.

Tương tự như vậy, trường hợp bên cạnh họ và tên của người ứng cử có cả ngày tháng năm sinh đặt trong ngoặc đơn () do những người ứng cử trong danh sách ghi trên phiếu có cả họ, tên và tên đệm giống nhau, nếu cử tri không tín nhiệm người này, thì cần gạch hết cả họ và tên và ngày tháng năm sinh đặt trong ngoặc đơn. Tuy nhiên, nếu cử tri chỉ gạch họ và tên mà không gạch ngày tháng năm sinh đặt trong ngoặc đơn thì phiếu bầu đó vẫn được tính là hợp lệ.

Câu 185. Những phiếu bầu cử nào là phiếu không hợp lệ?

Những phiếu bầu cử không hợp lệ là:

- Phiếu không theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra.
- Phiếu không có dấu của Tổ bầu cử.
- Phiếu để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử.
- Phiếu gạch xóa họ, tên của tất cả những người ứng cử; phiếu ghi thêm tên người ngoài danh sách những người ứng cử hoặc phiếu có ghi thêm nội dung khác.

Trong quá trình kiểm phiếu, nếu phát hiện có phiếu bầu cử được cho là không hợp lệ thì Tổ trưởng Tổ bầu cử đưa ra để toàn Tổ xem xét, quyết định. Tổ bầu cử không được gạch xóa hoặc sửa các tên, nội dung ghi trên phiếu bầu.

Câu 186. Việc kiểm đếm số phiếu bầu cho từng người ứng cử được Tổ bầu cử thực hiện như thế nào?

Việc kiểm phiếu bầu cho từng người ứng cử chỉ thực hiện đối với những phiếu hợp lệ. Các phiếu bầu hợp lệ được xếp thành các loại, gồm: Loại phiếu bầu 01 đại biểu; loại phiếu bầu 02 đại biểu; loại phiếu bầu 03 đại biểu,...

Tổ bầu cử kiểm phiếu theo từng loại phiếu bầu để làm căn cứ xác định số phiếu bầu cho từng người ứng cử.

Để việc kiểm phiếu được chính xác, Tổ bầu cử phân công ít nhất 03 người kiểm phiếu, gồm: 01 người đọc, 01 người ghi, 01 người kiểm tra việc đọc và ghi. Cách ghi số phiếu cho từng người ứng cử tham khảo theo cách vẽ lần lượt các hình vuông và 01 đường chéo, cứ 05 phiếu tạo thành một hình vuông có 01 đường chéo.

Câu 187. Việc tính và ghi tỷ lệ phần trăm (%) trong các biên bản kết quả bầu cử được thể hiện như thế nào?

Tỷ lệ phần trăm (%) trong các biên bản kết quả bầu cử được xác định đến số ở hàng thập phân thứ hai (chữ số thứ hai sau dấu thập phân) và được làm tròn số để bảo đảm tổng tỷ lệ phần trăm của các tiêu chí, thành phần là 100%. Nếu chữ số thứ ba sau dấu thập phân là từ 5 trở lên thì được làm tròn lên thêm 01 đơn vị vào chữ số ở hàng thập phân thứ hai. Ví dụ: 22,566% thì được làm tròn thành 22,57%.

Câu 188. Nguyên tắc xác định người trúng cử được quy định như thế nào?

Nguyên tắc xác định người trúng cử được thực hiện như sau:

- Kết quả bầu cử được tính trên số phiếu bầu hợp lệ và chỉ được công nhận khi đã có quá một nửa tổng số cử tri trong danh sách cử tri tại đơn vị bầu cử tham gia bầu cử, trừ trường hợp bầu cử lại mà số cử tri đi bầu cử vẫn chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri trong danh sách cử tri thì kết quả bầu cử lại được công nhận mà không tổ chức bầu cử lại lần thứ hai.

- Người trúng cử phải là người ứng cử có số phiếu bầu đạt quá một nửa tổng số phiếu bầu hợp lệ.

- Trường hợp số người ứng cử đạt số phiếu bầu quá một nửa tổng số phiếu bầu hợp lệ nhiều hơn số lượng đại biểu mà đơn vị bầu cử được bầu thì những người trúng cử là những người có số phiếu bầu cao hơn.

- Trường hợp cuối danh sách trúng cử có nhiều người được số phiếu bầu bằng nhau và nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử thì người nhiều tuổi hơn là người trúng cử.

Câu 189. Các khiếu nại, tố cáo tại chỗ về việc kiểm phiếu được giải quyết như thế nào?

Những khiếu nại, tố cáo tại chỗ về những hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong việc kiểm phiếu do Tổ bầu cử nhận, giải quyết và ghi nội dung giải quyết vào biên bản.

Trong trường hợp Tổ bầu cử không giải quyết được thì phải ghi rõ ý kiến của Tổ bầu cử vào biên bản giải quyết khiếu nại, tố cáo và chuyển đến Ban bầu

cử tương ứng.

Câu 190. Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử của Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu gồm những nội dung gì?

Sau khi kiểm phiếu xong, Tổ bầu cử phải lập các loại biên bản sau đây:

(1) Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội tại khu vực bỏ phiếu (theo Mẫu số 20/HĐBC-QH).

(2) Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại khu vực bỏ phiếu (theo Mẫu số 25/HĐBC-HĐND).

(3) Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện tại khu vực bỏ phiếu (theo Mẫu số 25/HĐBC-HĐND).

(4) Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã tại khu vực bỏ phiếu (theo Mẫu số 25/HĐBC-HĐND).

Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử gồm các nội dung sau đây:

- Tổng số cử tri của khu vực bỏ phiếu (*theo danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu được cập nhật đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu, thống kê riêng theo tổng số cử tri có quyền bầu cử đại biểu ở cấp tương ứng*).

- Số lượng cử tri đã tham gia bỏ phiếu (*riêng cho mỗi loại biên bản*).

- Số phiếu phát ra (*riêng cho mỗi loại biên bản*).

- Số phiếu thu vào (*riêng cho mỗi loại biên bản*).

- Số phiếu hợp lệ (*riêng cho mỗi loại biên bản*).

- Số phiếu không hợp lệ (*riêng cho mỗi loại biên bản*).

- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử (*riêng cho mỗi loại biên bản*).

- Những khiếu nại, tố cáo nhận được; những khiếu nại, tố cáo đã giải quyết và kết quả giải quyết (*riêng cho mỗi loại biên bản*).

- Những khiếu nại, tố cáo chuyển đến từng loại Ban bầu cử (*tương ứng với từng loại việc bầu cử cụ thể*).

Việc xác định tỷ lệ phần trăm cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri trong từng loại biên bản phải căn cứ vào số cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri có quyền bầu cử đại biểu Quốc hội, tổng số cử tri có quyền bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp.

Mỗi loại biên bản được lập thành 03 bản, có chữ ký của Tổ trưởng, Thư ký Tổ bầu cử và 02 cử tri được mời chứng kiến việc kiểm phiếu. Biên bản được gửi đến Ban bầu cử tương ứng và Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã **chậm nhất là ngày 26 tháng 5 năm 2021** (hoặc 03 ngày sau ngày bầu cử).

Câu 191. Biên bản xác định kết quả bầu cử của Ban bầu cử đại biểu

Quốc hội ở đơn vị bầu cử gồm những nội dung gì?

Sau khi nhận, kiểm tra biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử của các Tổ bầu cử và tình hình tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có), Ban bầu cử đại biểu Quốc hội lập biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV ở đơn vị bầu cử mà mình phụ trách (theo mẫu 21/HĐBC-QH).

Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV tại đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội gồm các nội dung sau đây:

- Số lượng đại biểu Quốc hội được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử.
- Số lượng người ứng cử đại biểu Quốc hội.
- Tổng số cử tri của đơn vị bầu cử.
- Số lượng cử tri đã tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ so với tổng số cử tri của đơn vị bầu cử.
- Số phiếu phát ra.
- Số phiếu thu vào.
- Số phiếu hợp lệ.
- Số phiếu không hợp lệ.
- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử (*có tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ*).
- Danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV tại đơn vị bầu cử.
- Tóm tắt những việc xảy ra, kiến nghị về việc bầu cử thêm, bầu cử lại (nếu có).
- Những khiếu nại, tố cáo do các Tổ bầu cử giải quyết; những khiếu nại, tố cáo do Ban bầu cử đại biểu Quốc hội giải quyết.
- Những khiếu nại, tố cáo chuyển đến Ủy ban bầu cử, Hội đồng bầu cử quốc gia.

Biên bản xác định kết quả bầu cử bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV ở đơn vị bầu cử được lập thành 03 bản, có chữ ký của Trưởng ban, các Phó Trưởng Ban bầu cử. Biên bản được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh **chậm nhất là ngày 28 tháng 5 năm 2021** (hoặc 05 ngày sau ngày bầu cử).

Câu 192. Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026 của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gồm những nội dung gì?

Sau khi nhận, kiểm tra biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử của các Tổ bầu

cử và tình hình tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có), Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh lập biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021-2016 ở đơn vị bầu cử mà mình phụ trách (theo mẫu 26/HĐBC-HĐND).

Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026 của Ban bầu cử ở đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gồm những nội dung sau đây:

- Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử.
- Số lượng người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.
- Tổng số cử tri của đơn vị bầu cử.
- Số lượng cử tri đã tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ so với tổng số cử tri của đơn vị bầu cử.
- Số phiếu phát ra.
- Số phiếu thu vào.
- Số phiếu hợp lệ.
- Số phiếu không hợp lệ.
- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử (*có tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ*).
- Danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026 tại đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.
- Tóm tắt những việc xảy ra, kiến nghị về việc bầu cử thêm, bầu cử lại (nếu có).
- Những khiếu nại, tố cáo do các Tổ bầu cử giải quyết; những khiếu nại, tố cáo do Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giải quyết; những khiếu nại, tố cáo chuyển đến Ủy ban bầu cử ở cấp tỉnh, Hội đồng bầu cử quốc gia.

Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở đơn vị bầu cử được lập thành 04 bản, có chữ ký của Trưởng ban, các Phó Trưởng Ban bầu cử. Biên bản được gửi đến Ủy ban bầu cử ở cấp tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh **chậm nhất là ngày 28 tháng 5 năm 2021** (hoặc 05 ngày sau ngày bầu cử).

Câu 193. Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện nhiệm kỳ 2021-2026 của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện gồm những nội dung gì?

Sau khi nhận, kiểm tra biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử của các Tổ bầu cử và tình hình tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có), Ban bầu cử đại

biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện lập biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện nhiệm kỳ 2021-2026 ở đơn vị bầu cử mà mình phụ trách (theo mẫu 26/HĐBC-HĐND).

Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện nhiệm kỳ 2021-2026 của Ban bầu cử ở đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện gồm những nội dung sau đây:

- Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện được ấn định cho đơn vị bầu cử.
- Số lượng người ứng cử.
- Tổng số cử tri của đơn vị bầu cử có quyền bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện.
- Số lượng cử tri đã tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ so với tổng số cử tri của đơn vị bầu cử.
- Số phiếu phát ra.
- Số phiếu thu vào.
- Số phiếu hợp lệ.
- Số phiếu không hợp lệ.
- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử (*có tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ*).
- Danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện nhiệm kỳ 2021-2026 tại đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện.
- Tóm tắt những việc xảy ra, kiến nghị về việc bầu cử thêm, bầu cử lại (nếu có).
- Những khiếu nại, tố cáo do các Tổ bầu cử giải quyết; những khiếu nại, tố cáo do Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện giải quyết; những khiếu nại, tố cáo chuyển đến Ủy ban bầu cử ở cấp huyện.

Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện ở đơn vị bầu cử được lập thành 04 bản, có chữ ký của Trưởng ban, các Phó Trưởng Ban bầu cử. Biên bản được gửi đến Ủy ban bầu cử ở cấp huyện, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện **chậm nhất là ngày 28 tháng 5 năm 2021** (hoặc 05 ngày sau ngày bầu cử).

Câu 194. Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2021-2026 của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã gồm những nội dung gì?

Sau khi nhận, kiểm tra biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử của các Tổ bầu cử và tình hình tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có), Ban bầu cử đại

biểu Hội đồng nhân dân cấp xã lập biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2021-2026 ở đơn vị bầu cử mà mình phụ trách (theo mẫu 26/HĐBC-HĐND).

Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2021-2026 của Ban bầu cử ở đơn vị bầu cử Hội đồng nhân dân cấp xã gồm những nội dung sau đây:

- Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử.
- Số lượng người ứng cử.
- Tổng số cử tri của đơn vị bầu cử có quyền bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.
- Số lượng cử tri đã tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ so với tổng số cử tri của đơn vị bầu cử.
- Số phiếu phát ra.
- Số phiếu thu vào.
- Số phiếu hợp lệ.
- Số phiếu không hợp lệ.
- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử (*có tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ*).
- Danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2021-2026 tại đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.
- Tóm tắt những việc xảy ra, kiến nghị về việc bầu cử thêm, bầu cử lại (nếu có).
- Những khiếu nại, tố cáo do các Tổ bầu cử giải quyết; những khiếu nại, tố cáo do Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã giải quyết; những khiếu nại, tố cáo chuyển đến Ủy ban bầu cử ở cấp xã.

Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở đơn vị bầu cử được lập thành 04 bản, có chữ ký của Trưởng ban, các Phó Trưởng Ban bầu cử. Biên bản được gửi đến Ủy ban bầu cử ở cấp xã, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã ***chậm nhất là ngày 28 tháng 5 năm 2021*** (hoặc 05 ngày sau ngày bầu cử).

Câu 195. Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội của Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gồm những nội dung gì?

Sau khi nhận, kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội của các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội và giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có), Ủy

ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lập biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV ở địa phương (theo Mẫu số 22/HĐBC-QH).

Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV của Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gồm các nội dung sau đây:

- Số lượng đơn vị bầu cử.
- Số lượng người ứng cử.
- Tổng số cử tri của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
- Số lượng cử tri đã tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ so với tổng số cử tri của địa phương.
- Số phiếu hợp lệ.
- Số phiếu không hợp lệ.
- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử (*có tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ*).
- Danh sách những người trúng cử theo từng đơn vị bầu cử (*có tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ*).
- Những khiếu nại, tố cáo do Tổ bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội đã giải quyết.
- Những việc quan trọng đã xảy ra và kết quả giải quyết.
- Những khiếu nại, tố cáo do Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã giải quyết.
- Những khiếu nại, tố cáo và kiến nghị chuyển đến Hội đồng bầu cử quốc gia.

Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được lập thành 04 bản, có chữ ký của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử. Biên bản được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh **chậm nhất là ngày 30 tháng 5 năm 2021** (hoặc 07 ngày sau ngày bầu cử).

Câu 196. Bầu cử thêm là gì? Việc bầu cử thêm được thực hiện như thế nào?

Trong cuộc bầu cử đầu tiên tại một đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, nếu số người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV chưa đủ số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử đó thì Ban bầu cử đại biểu Quốc hội phải ghi rõ vào biên bản xác định kết quả bầu cử và báo cáo ngay cho Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan để đề nghị Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định việc bầu cử thêm đại biểu Quốc hội khóa XV ở đơn vị bầu cử đó.

Trong cuộc bầu cử đầu tiên tại một đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, nếu số người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cấp đó nhiệm kỳ 2021-2026 chưa đủ hai phần ba số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử này thì Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cấp tương ứng phải ghi rõ vào biên bản xác định kết quả bầu cử và báo cáo ngay cho Ủy ban bầu cử chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp đó để quyết định ngày bầu cử thêm ở đơn vị bầu cử đó.

Trong trường hợp bầu cử thêm thì ngày bầu cử được tiến hành chậm nhất là 15 ngày sau ngày bầu cử đầu tiên. Trong cuộc bầu cử thêm, cử tri chỉ chọn bầu trong danh sách những người ứng cử tại cuộc bầu cử đầu tiên nhưng không trúng cử. Người trúng cử là người được quá một nửa tổng số phiếu bầu hợp lệ và có số phiếu bầu cao hơn. Nếu bầu cử thêm mà vẫn chưa đủ số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử thì không tổ chức bầu cử thêm lần thứ hai. Đơn vị bầu cử đó được xác định là đơn vị bầu cử thiếu đại biểu (tức là sau khi đã tổ chức bầu cử thêm mà vẫn không bầu được đủ số đại biểu đã được ấn định cho đơn vị bầu cử đó).

Danh sách cử tri của cuộc bầu cử thêm được lập theo danh sách cử tri trong cuộc bầu cử đầu tiên.

Câu 197. Bầu cử lại là gì? Việc bầu cử lại được thực hiện như thế nào?

Bầu cử lại là việc bầu cử được thực hiện ở các đơn vị bầu cử mà tại cuộc bầu cử đầu tiên, số cử tri đi bỏ phiếu tại đơn vị bầu cử chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri ghi trong danh sách cử tri hoặc việc bầu cử được thực hiện ở khu vực bỏ phiếu, đơn vị bầu cử có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong cuộc bầu cử đầu tiên và kết quả bầu cử bị hủy bỏ theo quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia.

Đối với bầu cử đại biểu Quốc hội, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, căn cứ vào biên bản do Ban bầu cử đại biểu Quốc hội chuyển đến, đề nghị Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định việc bầu cử lại đại biểu Quốc hội ở đơn vị bầu cử có số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri ghi trong danh sách cử tri hoặc kết quả bầu cử lần đầu bị hủy bỏ do có vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

Đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân quyết định ngày bầu cử lại đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử có số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri ghi trong danh sách cử tri sau khi đã báo cáo và được sự đồng ý của Hội đồng bầu cử quốc gia hoặc kết quả bầu cử lần đầu bị Hội đồng bầu cử quốc gia hủy bỏ do có vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

Trong trường hợp bầu cử lại thì ngày bầu cử được tiến hành chậm nhất là 15 ngày sau ngày bầu cử đầu tiên. Trong cuộc bầu cử lại, cử tri chỉ chọn bầu trong danh sách những người ứng cử tại cuộc bầu cử đầu tiên. Nếu bầu cử lại mà

số cử tri đi bầu cử vẫn chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri trong danh sách cử tri thì kết quả bầu cử lại được công nhận mà không tổ chức bầu cử lại lần thứ hai.

Danh sách cử tri của cuộc bầu cử lại được lập theo danh sách cử tri trong cuộc bầu cử đầu tiên.

Câu 198. Trong trường hợp phải tổ chức bầu cử thêm, bầu cử lại thì thời hạn gửi biên bản xác định kết quả bầu cử cũng như việc mốc tính thời hạn gửi biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thực hiện như thế nào?

Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là biên bản duy nhất xác định kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội ở từng đơn vị bầu cử của một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Do vậy, trong trường hợp trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có những đơn vị bầu cử phải tiến hành bầu cử thêm hoặc đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu phải tiến hành bầu cử lại, thì Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chưa lập Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở tỉnh, thành phố mình (theo Mẫu số 22/HĐBC-QH) mà khẩn trương có báo cáo bằng văn bản gửi Hội đồng bầu cử quốc gia đề nghị xem xét, quyết định việc bầu cử thêm, bầu cử lại ở đơn vị bầu cử. Nội dung báo cáo cần nêu cụ thể số lượng đơn vị bầu cử, tổng số cử tri, số cử tri tham gia bỏ phiếu tại địa phương; các đơn vị bầu cử có số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri của đơn vị bầu cử hoặc đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu có vi phạm pháp luật nghiêm trọng, phải tổ chức bầu cử lại; các đơn vị bầu cử có số người trúng cử ít hơn số đại biểu Quốc hội được bầu do Hội đồng bầu cử quốc gia ấn định, phải tổ chức bầu cử thêm,...

Trường hợp Hội đồng bầu cử quốc gia quyết định bầu cử thêm, bầu cử lại ở đơn vị bầu cử, thì thời hạn để gửi Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đến các cơ quan, tổ chức hữu quan vẫn thực hiện theo quy định tương ứng của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nhưng mốc tính thời hạn là kể từ ngày hoàn thành việc bỏ phiếu trên địa bàn đơn vị hành chính cấp tỉnh (tức ngày bầu cử lại, ngày bầu cử thêm).

Câu 199. Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội gồm những nội dung gì?

Sau khi nhận, kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử của các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có), Hội đồng bầu cử quốc gia lập biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV trong cả nước.

Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV có các nội dung sau đây:

- Tổng số đại biểu Quốc hội được bầu.

- Tổng số người ứng cử.
- Tổng số cử tri trong cả nước.
- Tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ so với tổng số cử tri trong cả nước.
- Số phiếu hợp lệ.
- Số phiếu không hợp lệ.
- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử.
- Danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV theo từng đơn vị bầu cử.
- Những việc quan trọng đã xảy ra và kết quả giải quyết.
- Những khiếu nại, tố cáo do Hội đồng bầu cử quốc gia đã giải quyết.

Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội được lập thành 05 bản, có chữ ký của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia. Biên bản được gửi đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và trình Quốc hội khóa mới.

Câu 200. Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 gồm những nội dung gì?

Sau khi nhận, kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử của các Ban bầu cử và giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có), Ủy ban bầu cử ở từng cấp lập biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân mà mình chịu trách nhiệm tổ chức (theo Mẫu số 27/HĐBC-HĐND).

Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 có các nội dung sau đây:

- Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu của đơn vị hành chính.
- Tổng số người ứng cử.
- Tổng số cử tri của đơn vị hành chính có quyền bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp tương ứng.
- Tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ so với tổng số cử tri của đơn vị hành chính có quyền bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp tương ứng.
- Số phiếu hợp lệ.
- Số phiếu không hợp lệ.
- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử (có tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ).
- Danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo từng đơn vị bầu cử (có tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ).

- Những việc quan trọng đã xảy ra và kết quả giải quyết.
- Những khiếu nại, tố cáo do Ủy ban bầu cử đã giải quyết.

Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được lập thành 06 bản, có chữ ký của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử. Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã được gửi đến Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và cấp trên trực tiếp. Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được gửi đến Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Câu 201. Việc công bố kết quả bầu cử, danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được tiến hành vào thời điểm nào?

Hội đồng bầu cử quốc gia căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh **chậm nhất là ngày 12 tháng 6 năm 2021** (hoặc 20 ngày sau ngày bầu cử).

Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh **chậm nhất là ngày 02 tháng 6 năm 2021** (hoặc 10 ngày sau ngày bầu cử).

Ủy ban bầu cử ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện **chậm nhất là ngày 02 tháng 6 năm 2021** (hoặc 10 ngày sau ngày bầu cử).

Ủy ban bầu cử ở xã, phường, thị trấn căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã **chậm nhất là ngày 02 tháng 6 năm 2021** (hoặc 10 ngày sau ngày bầu cử).

Câu 202. Thời hạn giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử được quy định như thế nào?

Khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội phải được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày công bố kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội. Khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được gửi đến Ủy ban bầu cử chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày công bố kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Hội đồng bầu cử quốc gia có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được

khiếu nại. Ủy ban bầu cử có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.

Quyết định giải quyết khiếu nại của Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử là quyết định cuối cùng.

Câu 203. Việc xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 được thực hiện như thế nào?

Căn cứ vào kết quả tổng kết bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến người trúng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia tiến hành xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, cấp Giấy chứng nhận đại biểu Quốc hội khóa XV cho người trúng cử và báo cáo Quốc hội khóa XV về kết quả xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội tại kỳ họp đầu tiên của Quốc hội.

Căn cứ vào kết quả tổng kết bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 ở cấp mình, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử các cấp tiến hành xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 của cấp mà mình chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử, cấp Giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 cho người trúng cử và báo cáo Hội đồng nhân dân khóa mới về kết quả xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp đầu tiên của Hội đồng nhân dân.

Trường hợp có đơn thư tố cáo đối với người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhưng chưa có kết luận, kết quả xác minh, trả lời chính thức của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, thì Ủy ban bầu cử các cấp vẫn tiến hành việc xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình căn cứ vào các tài liệu, kết luận hiện có. Các nội dung tố cáo chưa có kết luận hoặc chưa được giải quyết được chuyển cho Thường trực Hội đồng nhân dân khóa mới để tiếp tục xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Trường hợp cơ quan chức năng đã có kết luận kiểm tra khẳng định người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân có vi phạm và bị xử lý kỷ luật với hình thức từ khiển trách trở lên thì Ủy ban bầu cử cần xem xét, đánh giá cụ thể về tính chất, mức độ của hành vi vi phạm. Nếu đó là hành vi vi phạm pháp luật, không phù hợp với tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân là phải có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật đã được quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì Ủy ban bầu cử không công nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân đối với người này.

Trường hợp sau khi người trúng cử đã được xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân mà cơ quan chức năng mới có kết luận khẳng định người này có vi phạm pháp luật, không đáp ứng đủ tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân,

không xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân thì Thường trực Hội đồng nhân dân khóa mới sẽ xem xét, quyết định việc tự mình báo cáo để Hội đồng nhân dân bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân hoặc theo đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp báo cáo để cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân đối với người có vi phạm theo quy định tại Điều 102 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Câu 204. Thế nào là bầu cử bổ sung? Việc bầu cử bổ sung được thực hiện khi nào?

Bầu cử bổ sung là việc tổ chức bầu cử trong thời gian giữa nhiệm kỳ của Quốc hội hoặc Hội đồng nhân dân để bầu thêm số đại biểu thiếu hụt so với tổng số đại biểu Quốc hội được bầu trong nhiệm kỳ (500 đại biểu) hoặc so với tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ở đầu nhiệm kỳ của đơn vị hành chính theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Việc bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội trong nhiệm kỳ chỉ được tiến hành khi thời gian còn lại của nhiệm kỳ nhiều hơn 02 năm và thiếu trên 10% tổng số đại biểu Quốc hội đã được bầu ở đầu nhiệm kỳ.

Việc bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân trong nhiệm kỳ chỉ được tiến hành khi thời gian còn lại của nhiệm kỳ nhiều hơn 18 tháng và đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- Hội đồng nhân dân thiếu trên một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân đã được bầu ở đầu nhiệm kỳ.

- Đơn vị hành chính mới được thành lập trên cơ sở nhập, chia, điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính hiện có có số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân không đủ hai phần ba tổng số đại biểu được bầu theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Quốc hội quyết định và công bố ngày bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội; Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định và công bố ngày bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định và công bố ngày bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã.

Câu 205. Việc niêm phong, quản lý phiếu bầu cử sau khi kiểm phiếu được thực hiện như thế nào?

Sau khi kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu, Tổ bầu cử tiến hành niêm phong phiếu bầu cử theo từng loại phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội, phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, trong đó chia riêng số phiếu bầu cử hợp lệ và số phiếu bầu cử không hợp lệ.

Toàn bộ số phiếu đã được niêm phong phải được Tổ bầu cử cho vào hòm phiếu và làm thủ tục niêm phong hòm phiếu có chữ ký của Tổ trưởng, Thư ký Tổ bầu cử gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý các loại phiếu bầu cử của các Tổ bầu cử ở địa phương mình. Trong thời gian quản lý phiếu bầu cử theo quy định của pháp luật về lưu trữ (ít nhất là 05 năm), nếu không có ý kiến bằng văn bản của cấp có thẩm quyền thì tuyệt đối không được mở và kiểm tra phiếu bầu cử đã được niêm phong.

Câu 206. Việc lưu trữ, xử lý phiếu bầu và các tài liệu do Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử chuyển đến được xử lý như thế nào?

Sau khi kết thúc bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử có trách nhiệm bàn giao các loại phiếu bầu cử, biên bản, tài liệu liên quan đến công tác bầu cử đến Ủy ban nhân dân cấp tương ứng để bảo quản và lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Thời gian lưu trữ ít nhất là 05 năm đối với phiếu bầu cử và 10 năm đối với các tài liệu khác.

Câu 207. Sau khi kết thúc cuộc bầu cử, việc quản lý con dấu được thực hiện như thế nào?

Các mẫu dấu của các tổ chức phụ trách bầu cử đã được thiết kế để dùng lâu dài trong tất cả các cuộc bầu cử nhằm tiết kiệm chi phí. Do đó, sau khi kết thúc cuộc bầu cử, các tổ chức phụ trách bầu cử có trách nhiệm bàn giao con dấu của tổ chức mình cho các cơ quan hành chính nhà nước để lưu giữ, quản lý, tiếp tục sử dụng cho cuộc bầu cử tiếp theo. Cụ thể như sau:

- Các Tổ bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã và Ủy ban bầu cử ở cấp xã bàn giao các con dấu của tổ chức mình cho Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nội vụ) để lưu giữ và quản lý; có biên bản giao nhận các con dấu bầu cử.

- Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện và Ủy ban bầu cử ở cấp huyện bàn giao con dấu của tổ chức mình cho Ủy ban nhân dân cùng cấp (qua Phòng Nội vụ) để lưu giữ và quản lý; có biên bản giao nhận các con dấu bầu cử.

- Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban bầu cử ở cấp tỉnh bàn giao con dấu của tổ chức mình cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua Sở Nội vụ) để lưu giữ và quản lý; có biên bản giao nhận các con dấu bầu cử.

Phụ lục 1

**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI CÔNG TÁC
BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021-2026**

STT	Danh mục văn bản
1.	Hiến pháp năm 2013
2.	Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13
3.	Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14
4.	Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2019/QH14
5.	Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14 và Luật số 47/2019/QH14
6.	Nghị quyết 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội
7.	Nghị quyết 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng
8.	Nghị quyết 131/2020/QH14 ngày 16/11/2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh
9.	Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 20/6/2020 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026
10.	Nghị quyết số 118/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia
11.	Nghị quyết số 133/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội về ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026
12.	Nghị quyết số 1185/NQ-UBTVQH14 ngày 11/01/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội khóa XV
13.	Nghị quyết số 1186/2021/UBTVQH14 ngày 11/01/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết, hướng dẫn việc tổ chức hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung
14.	Nghị quyết số 1187/NQ-UBTVQH14 ngày 11/01/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số

	lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026
15.	Nghị quyết số 1193/NQ-UBTVQH14 ngày 23/01/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự kiến số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV.
16.	Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 14/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026
17.	Nghị quyết liên tịch số 09/2021/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTW MTTQVN ngày 15/01/2021 giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn quy trình hiệp thương, giới thiệu người ứng cử ĐBQH khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026
18.	Nghị quyết số 04/NQ-HĐBCQG ngày 16/9/2020 của Hội đồng bầu cử quốc gia về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng bầu cử quốc gia
19.	Nghị quyết số 05/NQ-HĐBCQG ngày 16/9/2020 của Hội đồng bầu cử quốc gia phân công thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia
20.	Nghị quyết số 07/NQ-HĐBCQG ngày 21/9/2020 của Hội đồng bầu cử quốc gia về việc thành lập Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia và bổ nhiệm Chánh Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia
21.	Nghị quyết số 08/NQ-HĐBCQG ngày 23/9/2020 của Hội đồng bầu cử quốc gia về việc thành lập Tiểu ban Nhân sự
22.	Nghị quyết số 09/NQ-HĐBCQG ngày 23/9/2020 của Hội đồng bầu cử quốc gia về việc thành lập Tiểu ban Giải quyết khiếu nại, tố cáo
23.	Nghị quyết số 10/NQ-HĐBCQG ngày 23/9/2020 của Hội đồng bầu cử quốc gia về việc thành lập Tiểu ban Văn bản pháp luật và Thông tin, tuyên truyền
24.	Nghị quyết số 11/NQ-HĐBCQG ngày 23/9/2020 của Hội đồng bầu cử quốc gia về việc thành lập Tiểu ban An ninh, trật tự và Y tế
25.	Nghị quyết số 41/NQ-HĐBCQG ngày 18/01/2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia hướng dẫn mẫu hồ sơ ứng cử, mẫu phiếu bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu và các mẫu văn bản sử dụng trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026
26.	Kế hoạch số 42/KH-HĐBCQG ngày 19/01/2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026
27.	Thông tri số 12/TTr-MTTW-BTT ngày 18/01/2021 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kiểm tra, giám sát công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026
28.	Thông tri số 13/TT-MTTQ-BTT ngày 19/01/2021 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc Việt

	Nam tham gia công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026
29.	Hướng dẫn số 36-HD/BTCTW ngày 30/01/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về công tác nhân sự đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026
30.	Hướng dẫn số 13-HD/UBKTTW ngày 02/12/2020 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về thực hiện việc giải quyết tố cáo, khiếu nại về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 của các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp
31.	Hướng dẫn số 169-HD/BTGTW ngày 20/01/2021 của Ban Tuyên giáo Trung ương về tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026
32.	Kế hoạch số 4711/KH-BTTTT ngày 26/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về công tác thông tin, tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026
33.	Thông tư số 01/2021/TT-BNV ngày 11/01/2021 của Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026
34.	Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026

Phụ lục 2

DANH MỤC CÁC MẪU BIỂU PHỤC VỤ CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021-2026

Hệ thống các biểu mẫu để sử dụng trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được quy định cụ thể như sau:

• Các biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2021/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTW MTTQVN ngày 15/01/2021 giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Hướng dẫn quy trình hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 (10 mẫu):

- Mẫu số 01/BCĐBQH-MT – mẫu biên bản các Hội nghị hiệp thương ở trung ương và địa phương (V/v giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV).

- Mẫu số 02/BCĐBQH-MT – mẫu biên bản họp ban lãnh đạo dự kiến giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV.

- Mẫu số 03/BCĐBQH-MT – mẫu biên bản hội nghị giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV.

- Mẫu số 04/BCĐBQH-MT – mẫu danh sách những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV.

- Mẫu số 05/BCĐBQH-MT – mẫu danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV.

- Mẫu số 01/BCĐBHĐND-MT – mẫu biên bản các Hội nghị hiệp thương ở các cấp (V/v giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân)

- Mẫu số 02/BCĐBHĐND-MT – mẫu biên bản họp ban lãnh đạo dự kiến giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026.

- Mẫu số 03/BCĐBHĐND-MT – mẫu biên bản hội nghị giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026.

- Mẫu số 04/BCĐBHĐND-MT – mẫu danh sách những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026.

- Mẫu số 05/BCĐBHĐND-MT – mẫu danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026.

• Các biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị quyết số 1186/2021/UBTVQH14 ngày 11/01/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định chi tiết, hướng dẫn

việc tổ chức hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung (04 mẫu):

- Mẫu số 01/HNCT – mẫu biên bản hội nghị cử tri lấy ý kiến nhận xét về người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Mẫu số 02/HNCT – mẫu biên bản hội nghị cử tri lấy ý kiến cử tri nơi công tác hoặc nơi cư trú để lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Mẫu số 03/HNMT – mẫu biên bản hội nghị Ban công tác Mặt trận dự kiến giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

- Mẫu số 04/HNCT – mẫu biên bản hội nghị cử tri giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã/phường/thị trấn nhiệm kỳ 2021-2026.

• *Các biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐBCQG ngày 18/01/2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia Hướng dẫn mẫu hồ sơ ứng cử, mẫu phiếu bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu và các mẫu văn bản sử dụng trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 (41 mẫu):*

- Mẫu số 01/HĐBC-QH – mẫu đơn ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV.

- Mẫu số 02/HĐBC-QH – mẫu sơ yếu lý lịch của người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV.

- Mẫu số 03/HĐBC-QH – mẫu tiểu sử tóm tắt của người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV.

- Mẫu số 04/HĐBC-QH – mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập của người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV.

- Mẫu số 05/HĐBC-QH – mẫu giấy biên nhận về việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV.

- Mẫu số 06/HĐBC-HĐND – mẫu đơn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026.

- Mẫu số 07/HĐBC-HĐND – mẫu sơ yếu lý lịch của người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026.

- Mẫu số 08/HĐBC-HĐND – mẫu tiểu sử tóm tắt của người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026.

- Mẫu số 09/HĐBC- HĐND – mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập của người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026.

- Mẫu số 10/HĐBC- HĐND – mẫu giấy biên nhận về việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026.

- Mẫu số 11/HĐBC – mẫu Thẻ cử tri bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026.

- Mẫu số 12/HĐBC – mẫu giấy chứng nhận để cử tri tham gia bỏ phiếu ở nơi khác.

- Mẫu số 13/HĐBC – mẫu giấy chứng nhận cử tri là quân nhân tham gia bỏ phiếu ở nơi cư trú.

- Mẫu số 14/HĐBC-QH – mẫu phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV.

- Mẫu số 15/HĐBC-HĐND – mẫu phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026.

- Mẫu số 16/HĐBC-HĐND – mẫu phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện nhiệm kỳ 2021-2026.

- Mẫu số 17/HĐBC-HĐND – mẫu phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2021-2026.

- Mẫu số 18/HĐBC-HĐND – mẫu báo cáo về dự kiến phân bổ những người ứng cử đại biểu Quốc hội khoá XV theo đơn vị bầu cử của Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Mẫu số 19/HĐBC-QH – mẫu danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV ở từng đơn vị bầu cử.

- Mẫu số 20/HĐBC-QH – mẫu biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV của Tổ bầu cử.

- Mẫu số 21/HĐBC-QH – mẫu biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV ở đơn vị bầu cử của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội.

- Mẫu số 22/HĐBC-QH – mẫu biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV của Ủy ban bầu cử ở tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

- Mẫu số 23/HĐBC-QH – mẫu báo cáo về danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV.

- Mẫu số 24/HĐBC-HĐND – mẫu danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng đơn vị hành chính nhiệm kỳ 2021 – 2026.

- Mẫu số 25/HĐBC-HĐND - mẫu biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân từng cấp của Tổ bầu cử.

- Mẫu số 26/HĐBC- HĐND – mẫu biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng đơn vị bầu cử của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân từng cấp.

- Mẫu số 27/HĐBC- HĐND – mẫu biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân của Ủy ban bầu cử ở từng cấp.

- Mẫu số 28/HĐBC-HĐND – mẫu danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng đơn vị hành chính của Ủy ban bầu cử ở từng cấp.

- Mẫu số 29/HĐBC – mẫu báo cáo tình hình và kết quả sơ bộ cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 của Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Mẫu số 30/HĐBC – mẫu biểu thống kê sơ bộ kết quả cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

- Mẫu số 31/HĐBC – mẫu báo cáo tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 của Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Mẫu số 32/HĐBC – mẫu biểu thống kê chính thức kết quả cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

- Mẫu số 33/HĐBC – mẫu danh sách cử tri bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026.

- Mẫu số 34/HĐBC – mẫu biên bản kiểm kê việc sử dụng phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

- Mẫu số 35/HĐBC-QH – mẫu Nghị quyết xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội khóa XV.

- Mẫu số 36/HĐBC-QH – mẫu danh sách những người được xác nhận đủ tư cách đại biểu Quốc hội khóa XV.

- Mẫu số 37/HĐBC-HĐND – mẫu Nghị quyết xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026.

- Mẫu số 38/HĐBC-HĐND – mẫu danh sách những người được xác nhận đủ tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng đơn vị hành chính nhiệm kỳ 2021-2026.

- Mẫu số 39/HĐBC-QH – mẫu giấy chứng nhận đại biểu Quốc hội khóa XV.

- Mẫu số 40/HĐBC-HĐND – mẫu giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng đơn vị hành chính nhiệm kỳ 2021-2026.

- Mẫu số 41/HĐBC – các mẫu dấu của các tổ chức phụ trách bầu cử.

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	3
Câu 1. Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 có ý nghĩa chính trị như thế nào?	3
Câu 2. Quốc hội Việt Nam có vị trí, vai trò như thế nào trong bộ máy nhà nước ta? Tại sao nói Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân?	3
Câu 3. Quốc hội có những chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn gì?	4
Câu 4. Nhiệm kỳ của Quốc hội được quy định như thế nào?	6
Câu 5. Nguyên tắc và hiệu quả hoạt động của Quốc hội nước ta như thế nào?	6
Câu 6. Vị trí, vai trò của đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?	6
Câu 7. Đại biểu Quốc hội có những quyền cơ bản nào?	6
Câu 8. Trách nhiệm của đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?	7
Câu 9. Quyền miễn trừ đối với đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?	8
Câu 10. Cơ cấu tổ chức của Quốc hội được quy định như thế nào?	8
Câu 11. Hội đồng nhân dân giữ vị trí, vai trò như thế nào ở địa phương?	9
Câu 12. Nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân các cấp được quy định như thế nào?	10
Câu 13. Vị trí, vai trò của đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?	10
Câu 14. Đại biểu Hội đồng nhân dân có những quyền gì?	10
Câu 15. Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?	11
Câu 16. Quyền miễn trừ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?	11
Câu 17. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?	12
Câu 18. Tổ chức của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026 có điểm gì mới?	12
Câu 19. Tổ chức của Hội đồng nhân dân cấp huyện nhiệm kỳ 2021-2026 có điểm gì mới?	13
Câu 20. Tổ chức của Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2021 – 2026 có điểm gì mới?	14
Câu 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quy định như thế nào?	14
Câu 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp huyện được quy định như thế nào?	15
Câu 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp xã được quy định như thế nào?	16
Câu 24. Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng những tiêu chuẩn gì?	17
Câu 25. Quyền bầu cử là gì? Quyền ứng cử là gì?	18
Câu 26. Tại sao nói bầu cử là quyền và nghĩa vụ của công dân?	18
Câu 27. Việc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo những nguyên tắc nào?	18
Câu 28. Thế nào là nguyên tắc phổ thông trong bầu cử?	18
Câu 29. Thế nào là nguyên tắc bình đẳng trong bầu cử?	19
Câu 30. Thế nào là nguyên tắc bầu cử trực tiếp?	19
Câu 31. Thế nào là nguyên tắc bỏ phiếu kín?	20
Câu 32. Thế nào là bầu cử dân chủ, đúng pháp luật?	20
Câu 33. Tổng số đại biểu Quốc hội khóa XV được bầu là bao nhiêu người? Việc dự kiến cơ cấu, thành phần những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV được quy định như thế nào?	20
Câu 34. Việc phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do cơ quan nào dự kiến và theo căn cứ nào?	21

Câu 35.	Số người được giới thiệu ứng cử là phụ nữ, là người dân tộc thiểu số được quy định như thế nào?	22
Câu 36.	Nguyên tắc xác định tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quy định như thế nào?	22
Câu 37.	Nguyên tắc xác định tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện được quy định như thế nào?	23
Câu 38.	Nguyên tắc xác định tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được quy định như thế nào?	24
Câu 39.	Trường hợp số dân dùng để tính số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ở mỗi đơn vị hành chính còn dư thì có được làm tròn số không?	24
Câu 40.	Việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được thực hiện như thế nào?	25
Câu 41.	Việc xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách ở từng đơn vị hành chính nhiệm kỳ 2021-2026 được thực hiện như thế nào?	26
Câu 42.	Trách nhiệm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được quy định như thế nào?	27
Câu 43.	Trách nhiệm của Chính phủ đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được quy định như thế nào?	27
Câu 44.	Trách nhiệm của Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?	28
Câu 45.	Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được quy định như thế nào?	28
Câu 46.	Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được quy định như thế nào?	28
Câu 47.	Đơn vị bầu cử là gì? Có bao nhiêu loại đơn vị bầu cử trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp?	29
Câu 48.	Việc ấn định số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử được tiến hành như thế nào?	29
Câu 49.	Số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?	30
Câu 50.	Khu vực bỏ phiếu là gì? Việc xác định khu vực bỏ phiếu được tiến hành như thế nào?	30
Câu 51.	Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến bầu cử được thực hiện như thế nào?	31
Câu 52.	Người có hành vi vi phạm pháp luật về bầu cử bị xử lý như thế nào?	33

PHẦN THỨ HAI: CÁC TỔ CHỨC PHỤ TRÁCH BẦU CỬ **35**

Câu 53.	Các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp gồm những tổ chức nào?	35
Câu 54.	Hội đồng bầu cử quốc gia được thành lập như thế nào? Số lượng thành viên, cơ cấu tổ chức của Hội đồng bầu cử được quy định như thế nào?	35
Câu 55.	Chức năng, nhiệm vụ cơ bản của Hội đồng bầu cử quốc gia là gì?	36
Câu 56.	Trong việc tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, Hội đồng bầu cử quốc gia có các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể nào?	36
Câu 57.	Trong việc chỉ đạo, hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, Hội đồng bầu cử quốc gia có các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể nào?	37
Câu 58.	Cơ cấu tổ chức và bộ máy giúp việc của Hội đồng bầu cử quốc gia được tổ chức như thế nào?	37
Câu 59.	Nhiệm vụ, quyền hạn của các Tiểu ban và Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia được quy định như thế nào?	38
Câu 60.	Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thành lập như thế nào?	39

Câu 61.	Ủy ban bầu cử ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban bầu cử ở xã, phường, thị trấn được thành lập như thế nào?	39
Câu 62.	Trong việc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, Ủy ban bầu cử ở cấp tỉnh có các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể nào?	40
Câu 63.	Trong việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, các Ủy ban bầu cử có các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể nào?	41
Câu 64.	Ban bầu cử đại biểu Quốc hội được thành lập như thế nào?	42
Câu 65.	Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được thành lập như thế nào?	43
Câu 66.	Người tham gia làm thành viên Ban bầu cử này có được đồng thời tham gia kiêm nhiệm thành viên Ban bầu cử khác nữa không?	43
Câu 67.	Ban bầu cử có các nhiệm vụ, quyền hạn nào?	44
Câu 68.	Tổ bầu cử được thành lập như thế nào?	44
Câu 69.	Tổ bầu cử ở đơn vị vũ trang nhân dân được thành lập như thế nào? Trường hợp đơn vị vũ trang nhân dân và địa phương có chung khu vực bỏ phiếu thì việc thành lập Tổ bầu cử được thực hiện như thế nào?	45
Câu 70.	Việc thành lập Tổ bầu cử tại các khu vực bỏ phiếu riêng khác được thực hiện như thế nào?	45
Câu 71.	Ở những đơn vị hành chính cấp huyện không có đơn vị hành chính cấp xã thì việc thành lập Tổ bầu cử được thực hiện như thế nào?	45
Câu 72.	Tổ bầu cử có các nhiệm vụ, quyền hạn nào?	46
Câu 73.	Các tổ chức phụ trách bầu cử hoạt động theo nguyên tắc nào?	46
Câu 74.	Các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương tổ chức công việc như thế nào?	47
Câu 75.	Trách nhiệm của thành viên tổ chức phụ trách bầu cử được quy định như thế nào?	47
Câu 76.	Các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương được sử dụng con dấu như thế nào?	48
Câu 77.	Đối với đơn vị hành chính cấp xã chỉ có duy nhất 01 khu vực bỏ phiếu thì Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã có đồng thời thực hiện nhiệm vụ của Tổ bầu cử được hay không?	48
Câu 78.	Trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, việc tổ chức bầu cử tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng có điểm gì khác biệt?	48
Câu 79.	Việc thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng được thực hiện thế nào?	49
Câu 80.	Khi nào Hội đồng bầu cử quốc gia kết thúc nhiệm vụ?	51
Câu 81.	Khi nào Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử kết thúc nhiệm vụ?	51
Câu 82.	Những trường hợp không được tham gia vào các tổ chức phụ trách bầu cử và việc thay đổi, bổ sung hoặc giữ nguyên thành viên tổ chức phụ trách bầu cử được quy định như thế nào?	51
Câu 83.	Trường hợp bị khuyết thành viên tổ chức phụ trách bầu cử thì xử lý như thế nào?	52
Câu 84.	Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử có được cử thêm chức danh Thư ký Ủy ban bầu cử và Thư ký Ban bầu cử để thường xuyên giúp việc cho các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương hay không?	52
Câu 85.	Địa phương có thể thành lập thêm các tổ chức trung gian ở xã, phường, thị trấn và ở các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh để giúp các Ban bầu cử tập hợp kết quả bầu cử được không?	52
Câu 86.	Việc trưng tập người để hỗ trợ hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử được thực hiện như thế nào?	53
PHẦN THỨ BA: CỬ TRI VÀ DANH SÁCH CỬ TRI		54
Câu 87.	Những người nào được gọi là cử tri?	54
Câu 88.	Việc xác định một người có quốc tịch Việt Nam được quy định như thế nào?	54

Câu 89.	Cách tính tuổi công dân để ghi tên vào danh sách cử tri được quy định như thế nào?	55
Câu 90.	Những người nào không được ghi tên vào danh sách cử tri?	56
Câu 91.	Người bị Tòa án kết án phạt tù nhưng được hưởng án treo thì có được ghi tên vào danh sách cử tri để thực hiện quyền bầu cử không?	56
Câu 92.	Người bị kết án phạt tù nhưng được hoãn chấp hành hình phạt tù hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù thì có được ghi tên vào danh sách cử tri để thực hiện quyền bầu cử không?	56
Câu 93.	Thế nào là người mất năng lực hành vi dân sự? Người có dấu hiệu bị bệnh tâm thần nhưng không có điều kiện tổ chức khám và xác nhận của cơ quan y tế thì có được ghi tên vào danh sách cử tri hay không?	56
Câu 94.	Người vừa câm, vừa điếc có được ghi tên vào danh sách cử tri hay không?	57
Câu 95.	Việc lập danh sách cử tri được tiến hành như thế nào?	57
Câu 96.	Việc lập danh sách cử tri và cấp Thẻ cử tri đối với các đơn vị vũ trang nhân dân được thực hiện như thế nào?	58
Câu 97.	Việc niêm yết danh sách cử tri được tiến hành như thế nào?	59
Câu 98.	Quyền bầu cử của các cử tri có giống nhau hay không?	59
Câu 99.	Những trường hợp nào cử tri chỉ được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh?	59
Câu 100.	Những trường hợp nào cử tri chỉ được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện?	60
Câu 101.	Những trường hợp nào cử tri được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cả ba cấp?	60
Câu 102.	Quyền bầu cử của người tự nguyện xin vào cai nghiện, chữa trị tại cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện được thực hiện như thế nào?	61
Câu 103.	Cử tri là người di cư tự do, chưa đăng ký thường trú hoặc tạm trú tại địa phương thì có quyền tham gia bầu cử đại biểu ở cấp nào?	61
Câu 104.	Cử tri đăng ký thường trú ở địa phương nhưng đi lao động, học tập ở địa phương khác nên thường xuyên không có mặt ở nơi thường trú dài ngày thì việc bảo đảm quyền bầu cử cho họ được thực hiện như thế nào?	62
Câu 105.	Cử tri là sinh viên của các cơ sở giáo dục đại học hoặc là công nhân khu công nghiệp có thể được ghi tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu tại khu vực bỏ phiếu nơi có cơ sở giáo dục hoặc nơi có khu nhà ở tập trung của khu công nghiệp để tiện cho việc tham gia bỏ phiếu có được không?	62
Câu 106.	Những người tạm vắng khỏi nơi cư trú kể từ ngày danh sách cử tri được niêm yết cho đến ngày bỏ phiếu vì các lý do khác nhau thì thực hiện quyền bầu cử ở đâu?	63
Câu 107.	Việc điều chỉnh, bổ sung danh sách cử tri sau khi danh sách cử tri đã được lập và niêm yết được thực hiện như thế nào?	63
Câu 108.	Còn có những lưu ý gì nữa trong quá trình lập, điều chỉnh, bổ sung danh sách cử tri?	65
Câu 109.	Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại về danh sách cử tri được thực hiện như thế nào?	66
Câu 110.	Cách thức ghi số Thẻ cử tri theo danh sách cử tri?	66
Câu 111.	Việc ghi họ và tên cử tri trên Thẻ cử tri và Danh sách cử tri bằng chữ in hoa hay chữ thường?	67
PHẦN THỨ TƯ: VIỆC ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN		69
Câu 112.	Thế nào là người được giới thiệu ứng cử và thế nào là người tự ứng cử?	69
Câu 113.	Người ứng cử phải đáp ứng các tiêu chuẩn nào?	69
Câu 114.	Người nào không được ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân?	70
Câu 115.	Thế nào là “có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam”?	71

Câu 116. Một người có thể đồng thời ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ở nhiều cấp khác nhau được không?	72
Câu 117. Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân có thể là thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử được không?	72
Câu 118. Hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân gồm những gì?	72
Câu 119. Người ứng cử có phải nộp giấy khám sức khỏe để chứng minh mình đáp ứng tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân hay không?	73
Câu 120. Thời hạn và việc nộp hồ sơ ứng cử được thực hiện như thế nào?	73
Câu 121. Việc tiếp nhận hồ sơ ứng cử được thực hiện như thế nào?	74
Câu 122. Việc lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội được thực hiện như thế nào?	75
Câu 123. Việc lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như thế nào?	76
Câu 124. Yêu cầu đối với việc lập Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?	77
Câu 125. Số người ứng cử trong Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi đơn vị bầu cử phải đáp ứng yêu cầu nào?	78
Câu 126. Việc xử lý trường hợp khuyết người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân vì lý do bất khả kháng được thực hiện như thế nào?	78
Câu 127. Các khiếu nại, tố cáo về người ứng cử và các khiếu nại, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử được thực hiện như thế nào?	80
Câu 128. Việc thay đổi, đính chính hồ sơ ứng cử có thể được thực hiện như thế nào?	80
Câu 129. Thời hạn tạm ngừng việc xem xét khiếu nại, tố cáo đối với người ứng cử được quy định như thế nào?	81
Câu 130. Các trường hợp nào bị xóa tên trong Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân?	81
PHẦN THỨ NĂM: TỔ CHỨC HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ	83
Câu 131. Việc tổ chức hiệp thương, giới thiệu người ứng cử gồm những bước, công đoạn nào?	83
Câu 132. Hội nghị hiệp thương là gì? Do cơ quan, tổ chức nào triệu tập và chủ trì?	83
Câu 133. Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở trung ương đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và thủ tục tiến hành hội nghị?	83
Câu 134. Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và thủ tục tiến hành hội nghị?	84
Câu 135. Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và thủ tục tiến hành hội nghị?	85
Câu 136. Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ nhất về cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội như thế nào?	87
Câu 137. Việc điều chỉnh cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương được quy định như thế nào?	87
Câu 138. Việc giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như thế nào?	87
Câu 139. Cuộc họp ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị để dự kiến người giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như thế nào?	88

Câu 140. Hội nghị lấy ý kiến của cử tri tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử được tổ chức như thế nào?	89
Câu 141. Hội nghị ban lãnh đạo mở rộng để thảo luận, giới thiệu người ứng cử của cơ quan, tổ chức, đơn vị được tổ chức như thế nào?	92
Câu 142. Việc dự kiến, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố được thực hiện như thế nào?	93
Câu 143. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở trung ương đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành Hội nghị?	95
Câu 144. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành Hội nghị?	96
Câu 145. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành Hội nghị?	97
Câu 146. Hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành như thế nào?	99
Câu 147. Việc xác minh và trả lời các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như thế nào?	101
Câu 148. Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ hai về cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội được thực hiện như thế nào?	102
Câu 149. Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở trung ương đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành Hội nghị?	103
Câu 150. Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành?	104
Câu 151. Hội nghị hiệp thương lần thứ ba đối với việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được tổ chức khi nào? Thành phần, nội dung và cách thức tiến hành Hội nghị?	105
Câu 152. Sau khi đã hết thời hạn tổ chức Hội nghị hiệp thương lần thứ hai thì có thể bổ sung hoặc thay đổi danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân để đưa ra Hội nghị hiệp thương lần thứ ba được không?	107
PHẦN THỨ SÁU: TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG BẦU CỬ	108
Câu 153. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền, vận động bầu cử được quy định như thế nào?	108
Câu 154. Việc tổ chức tuyên truyền về cuộc bầu cử nhằm mục đích gì?	108
Câu 155. Việc tuyên truyền về cuộc bầu cử cần tập trung vào các nội dung nào?	109
Câu 156. Các khẩu hiệu nào cần được tập trung sử dụng trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026?	110
Câu 157. Các mốc thời gian cần tập trung cho công tác thông tin, tuyên truyền là như thế nào?	111
Câu 158. Vận động bầu cử là gì và phải bảo đảm những yêu cầu gì?	112
Câu 159. Người ứng cử được sử dụng các hình thức vận động bầu cử nào?	112
Câu 160. Hội nghị tiếp xúc cử tri trong vận động bầu cử do ai tổ chức và có những nội dung gì?	112
Câu 161. Việc vận động bầu cử thông qua các phương tiện thông tin đại chúng được quy định như thế nào?	113
Câu 162. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức đối với việc vận động bầu cử được quy định như thế nào?	114

Câu 163.	Trong vận động bầu cử, pháp luật cấm những hành vi nào?	114
PHẦN THỨ BẢY: NGÀY BẦU CỬ, NGUYÊN TẮC, TRÌNH TỰ BỎ PHIẾU, KIỂM PHIẾU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BẦU CỬ		116
Câu 164.	Ngày bầu cử được quy định như thế nào?	116
Câu 165.	Vào ngày bầu cử, việc bỏ phiếu được bắt đầu và kết thúc khi nào? Việc bỏ phiếu có thể bắt đầu sớm và kết thúc sớm hoặc muộn hơn không?	116
Câu 166.	Các địa điểm bỏ phiếu (phòng bỏ phiếu) bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được trang trí, tổ chức như thế nào?	117
Câu 167.	Các nội dung của Nội quy phòng bỏ phiếu?	118
Câu 168.	Hòm phiếu để phục vụ công tác bầu cử phải đáp ứng những yêu cầu gì?	118
Câu 169.	Hòm phiếu phụ là gì? Trong trường hợp nào thì dùng hòm phiếu phụ?	119
Câu 170.	Phiếu bầu cử được quy định như thế nào?	119
Câu 171.	Trước ngày bầu cử, Tổ bầu cử được nhận bàn giao các loại tài liệu, vật tư nào để sử dụng trong công tác bầu cử?	120
Câu 172.	Các công việc mà Tổ bầu cử cần thực hiện trước ngày bầu cử là gì?	121
Câu 173.	Các công việc mà Tổ bầu cử cần thực hiện trong ngày bầu cử là gì?	122
Câu 174.	Lễ khai mạc cuộc bầu cử được tổ chức như thế nào?	124
Câu 175.	Trước khi bỏ phiếu, thủ tục kiểm tra hòm phiếu được thực hiện như thế nào?	125
Câu 176.	Việc bỏ phiếu được thực hiện như thế nào?	125
Câu 177.	Việc cử tri ghi phiếu bầu cử được thực hiện như thế nào?	126
Câu 178.	Trường hợp nào thì cử tri được nhờ người khác viết hộ phiếu, bỏ hộ phiếu bầu cử?	126
Câu 179.	Thẻ cử tri sau khi công dân đã bỏ phiếu xong thì xử lý như thế nào?	126
Câu 180.	Việc xử lý đối với một số tình huống đặc biệt có thể phát sinh trước, trong và sau ngày bầu cử được thực hiện như thế nào?	127
Câu 181.	Những sự kiện bất ngờ làm gián đoạn cuộc bỏ phiếu được xử lý như thế nào?	127
Câu 182.	Việc kiểm phiếu được tiến hành như thế nào? Những ai được chứng kiến việc kiểm phiếu?	127
Câu 183.	Việc tham gia chứng kiến việc kiểm phiếu và khiếu nại về việc kiểm phiếu được thực hiện như thế nào?	128
Câu 184.	Những phiếu bầu cử nào là phiếu bầu cử hợp lệ?	130
Câu 185.	Những phiếu bầu cử nào là phiếu không hợp lệ?	131
Câu 186.	Việc kiểm đếm số phiếu bầu cho từng người ứng cử được Tổ bầu cử thực hiện như thế nào?	131
Câu 187.	Việc tính và ghi tỷ lệ phần trăm (%) trong các biên bản kết quả bầu cử được thể hiện như thế nào?	132
Câu 188.	Nguyên tắc xác định người trúng cử được quy định như thế nào?	132
Câu 189.	Các khiếu nại, tố cáo tại chỗ về việc kiểm phiếu được giải quyết như thế nào?	132
Câu 190.	Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử của Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu gồm những nội dung gì?	133
Câu 191.	Biên bản xác định kết quả bầu cử của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội ở đơn vị bầu cử gồm những nội dung gì?	133
Câu 192.	Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026 của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gồm những nội dung gì?	134
Câu 193.	Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện nhiệm kỳ 2021-2026 của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện gồm những nội dung gì?	135

Câu 194.	Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2021-2026 của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã gồm những nội dung gì?	136
Câu 195.	Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội của Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gồm những nội dung gì?	137
Câu 196.	Bầu cử thêm là gì? Việc bầu cử thêm được thực hiện như thế nào?	138
Câu 197.	Bầu cử lại là gì? Việc bầu cử lại được thực hiện như thế nào?	139
Câu 198.	Trong trường hợp phải tổ chức bầu cử thêm, bầu cử lại thì thời hạn gửi biên bản xác định kết quả bầu cử cũng như việc móc tính thời hạn gửi biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thực hiện như thế nào?	140
Câu 199.	Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội gồm những nội dung gì?	140
Câu 200.	Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 gồm những nội dung gì?	141
Câu 201.	Việc công bố kết quả bầu cử, danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được tiến hành vào thời điểm nào?	142
Câu 202.	Thời hạn giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử được quy định như thế nào?	142
Câu 203.	Việc xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 được thực hiện như thế nào?	143
Câu 204.	Thế nào là bầu cử bổ sung? Việc bầu cử bổ sung được thực hiện khi nào?	144
Câu 205.	Việc niêm phong, quản lý phiếu bầu cử sau khi kiểm phiếu được thực hiện như thế nào?	144
Câu 206.	Việc lưu trữ, xử lý phiếu bầu và các tài liệu do Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử chuyển đến được xử lý như thế nào?	145
Câu 207.	Sau khi kết thúc cuộc bầu cử, việc quản lý con dấu được thực hiện như thế nào?	145
Phụ lục 1:		
	DANH MỤC CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021-2026	146
Phụ lục 2: DANH MỤC CÁC MẪU BIỂU PHỤC VỤ CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021-2026		
		149